

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI



ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE ĐẶT PHÒNG KHU NGHỈ DU ỞNG BẰNG
LARAVEL

CBHD: ThS. Đăng Quỳnh Nga
Sinh viên: Lê Văn Phúc
Mã số sinh viên: 2020600432

Hà Nội – Năm 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Lời đầu tiên cho phép em gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Công nghệ thông tin – Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, những người đã hết mình truyền đạt và chỉ dẫn cho chúng em những kiến thức, những bài học quý báu và bổ ích trong suốt năm học vừa qua. Để hoàn thành được đồ án này, đặc biệt em xin được bày tỏ sự tri ân và xin chân thành cảm ơn giảng viên ThS Đặng Quỳnh Nga người trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu để hoàn thành đồ án này.

Trong quá trình nghiên cứu và làm báo cáo do năng lực, kiến thức, trình độ nhóm còn hạn hẹp nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự thông cảm và những ý kiến đóng góp của quý thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Lê Văn Phúc

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSDL	Cơ sở dữ liệu
SQL	Structured Query Language
CSS	Cascading Style Sheets
SEO	Search Engine Optimization

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1-1. Phòng nghỉ.....	2
Hình 1-2. Bé bơi	3
Hình 2-1. Biểu đồ use case chính.....	5
Hình 2-2. Biểu đồ use case Đăng nhập	6
Hình 2-3. Biểu đồ use case Xem phòng	6
Hình 2-4. Biểu đồ use case Quản lý đánh giá.....	7
Hình 2-5. Biểu đồ use case Quản lý đơn	7
Hình 2-6. Biểu đồ use case Quản lý liên hệ.....	8
Hình 2-7. Biểu đồ use case Quản lý phòng	8
Hình 2-8. Biểu đồ use case Quản lý slide.....	9
Hình 2-9. Biểu đồ use case Quản lý tài khoản.....	9
Hình 2-10. Biểu đồ use case Quản lý tin tức	10
Hình 2-11. Biểu đồ use case Quản lý thông tin tài khoản.....	10
Hình 2-12. Biểu đồ use case Xem phòng	11
Hình 3-1. Mô hình hóa dữ liệu.....	33
Hình 3-2. Bảng Roles	34
Hình 3-3. Bảng Contacts.....	35
Hình 3-4. Bảng Password_reset_token	35
Hình 3-5. Bảng Users	35
Hình 3-6. Bảng Comments	36
Hình 3-7. Bảng Slides.....	36
Hình 3-8. Bảng Rooms	36
Hình 3-9. Bảng Orders.....	37
Hình 3-10. Bảng Bookings	37
Hình 3-11. Bảng News	37
Hình 3-12. Quan hệ giữa các bảng.....	38

Hình 4-1. Biểu đồ trình tự use case Đăng nhập.....	39
Hình 4-2. Biểu đồ lớp use case Đăng nhập	40
Hình 4-3. Biểu đồ trình tự use case Đăng ký.....	41
Hình 4-4. Biểu đồ lớp use case Đăng ký	42
Hình 4-5. Biểu đồ trình tự use case Đánh giá.....	43
Hình 4-6. Biểu đồ lớp use case Đánh giá	44
Hình 4-7. Biểu đồ trình tự use case Đặt phòng.....	45
Hình 4-8. Biểu đồ trình tự use case Đặt phòng.....	46
Hình 4-9. Biểu đồ trình tự use case Đổi mật khẩu.....	47
Hình 4-10. Biểu đồ lớp use case Đổi mật khẩu	48
Hình 4-11. Biểu đồ trình tự use case Liên hệ	49
Hình 4-12. Biểu đồ lớp use case Liên hệ.....	50
Hình 4-13. Biểu đồ trình tự use case Quản lý đánh giá	51
Hình 4-14. Biểu đồ lớp use case Quản lý đánh giá.....	52
Hình 4-15. Biểu đồ trình tự use case Quản lý đơn.....	54
Hình 4-16. Biểu đồ lớp use case Quản lý đơn	55
Hình 4-17. Biểu đồ trình tự use case Quản lý liên hệ	56
Hình 4-18. Biểu đồ lớp use case Quản lý liên hệ.....	57
Hình 4-19. Biểu đồ trình tự use case Quản lý phòng.....	59
Hình 4-20. Biểu đồ trình tự use case Quản lý phòng.....	60
Hình 4-21. Biểu đồ trình tự use case Quản lý slide	61
Hình 4-22. Biểu đồ lớp use case Quản lý slide.....	62
Hình 4-23. Biểu đồ trình tự use case Quản lý tài khoản	64
Hình 4-24. Biểu đồ lớp use case Quản lý tài khoản.....	65
Hình 4-25. Biểu đồ trình tự use case Quản lý tin tức.....	67
Hình 4-26. Biểu đồ lớp use case Quản lý tin tức	68
Hình 4-27. Biểu đồ trình tự use case Quản lý thông tin tài khoản	69

Hình 4-28. Biểu đồ lớp use case Quản lý thông tin tài khoản.....	70
Hình 4-29. Biểu đồ trình tự use case Quên mật khẩu	71
Hình 4-30. Biểu đồ lớp use case Quên mật khẩu.....	72
Hình 4-31. Biểu đồ trình tự use case Xem phòng.....	73
Hình 4-32. Biểu đồ lớp use case Xem phòng	74
Hình 4-33. Biểu đồ trình tự use case Xem tin tức	75
Hình 4-34. Biểu đồ lớp use case Xem tin tức	76
Hình 5-1. Sơ đồ điều hướng giữa các màn hình	81
Hình 5-2. Màn hình đăng nhập	82
Hình 5-3. Màn hình đăng ký.....	82
Hình 5-4. Màn hình trang chủ.....	83
Hình 5-5. Màn hình đánh giá	84
Hình 5-6. Màn hình đặt phòng	84
Hình 5-7. Màn hình đổi mật khẩu	85
Hình 5-8. Màn hình liên hệ.....	85
Hình 5-9. Màn hình quản lý đánh giá.....	86
Hình 5-10. Màn hình phản hồi đánh giá.....	86
Hình 5-11. Màn hình quản lý đơn.....	87
Hình 5-12. Màn hình thêm đơn mới.....	87
Hình 5-13. Màn hình sửa thông tin đơn	88
Hình 5-14. Màn hình quản lý liên hệ	88
Hình 5-15. Màn hình quản lý phòng	89
Hình 5-16. Màn hình thêm phòng mới.....	89
Hình 5-17. Màn hình sửa thông tin chi tiết phòng.....	90
Hình 5-18. Màn hình quản lý slide.....	90
Hình 5-19. Màn hình thêm mới slide	91
Hình 5-20. Màn hình quản lý tài khoản.....	91

Hình 5-21. Màn hình danh sách tài khoản nhân viên	92
Hình 5-22. Màn hình danh sách tài khoản khách hàng.....	92
Hình 5-23. Màn hình thêm mới tài khoản	93
Hình 5-24. Màn hình sửa thông tin tài khoản.....	93
Hình 5-25. Màn hình quản lý tin tức	94
Hình 5-26. Màn hình thêm mới tin tức.....	94
Hình 5-27. Màn hình sửa thông tin của tin tức.....	95
Hình 5-28. Màn hình thông tin cá nhân.....	95
Hình 5-29. Màn hình quên mật khẩu.....	96
Hình 5-30. Màn hình xem danh sách phòng.....	96
Hình 5-31. Màn hình xem chi tiết phòng	97
Hình 5-32. Màn hình xem danh sách tin tức	97
Hình 5-33. Màn hình thống kê.....	98

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH.....	iii
CHƯƠNG 1. MÔ TẢ CÁC YÊU CẦU CỦA HỆ THỐNG	1
1.1 Khảo sát hệ thống.....	1
1.2 Các hoạt động của hệ thống	2
1.2.1 Hoạt động bán hàng.....	2
1.2.2 Báo cáo, thống kê.....	3
1.2.3 Cập nhật thông tin hệ thống.....	3
1.3 Các yêu cầu của hệ thống.....	4
1.3.1 Yêu cầu chức năng	4
1.3.2 Yêu cầu phi chức năng	4
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH CÁC YÊU CẦU CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG	5
2.1 Biểu đồ use case.....	5
2.1.1 Các use case chính.....	5
2.1.2 Quan hệ giữa các use case	6
2.2 Mô tả chi tiết các use case	11
2.2.1 Đăng nhập	11
2.2.2 Đăng ký.....	12
2.2.3 Đánh giá	13
2.2.4 Đặt phòng.....	14
2.2.5 Đổi mật khẩu	15
2.2.6 Liên hệ	16
2.2.7 Quản lý đánh giá.....	17
2.2.8 Quản lý đơn.....	18
2.2.9 Quản lý liên hệ	21
2.2.10 Quản lý phòng	22

2.2.11 Quản lý slide	24
2.2.12 Quản lý tài khoản	25
2.2.13 Quản lý tin tức	27
2.2.14 Quản lý thông tin tài khoản.....	29
2.2.15 Quên mật khẩu	30
2.2.16 Xem phòng.....	31
2.2.17 Xem tin tức.....	32
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	33
3.1 Mô hình hóa dữ liệu	33
3.2 Thiết kế bảng	34
3.3 Quan hệ các bảng	38
CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ CÁC CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG	39
4.1 Use case Đăng nhập	39
4.1.1 Biểu đồ trình tự:	39
4.1.2 Biểu đồ lớp phân tích:.....	40
4.2 Use case Đăng ký.....	41
4.2.1 Biểu đồ trình tự	41
4.2.2 Biểu đồ lớp	42
4.3 Use case Đánh giá.....	43
4.3.1 Biểu đồ trình tự	43
4.3.2 Biểu đồ lớp	44
4.4 Use case Đặt phòng.....	45
4.4.1 Biểu đồ trình tự	45
4.4.2 Biểu đồ lớp	46
4.5 Use case Đổi mật khẩu	47
4.5.1 Biểu đồ trình tự	47
4.5.2 Biểu đồ lớp	48
4.6 Use case Liên hệ	49

4.6.1 Biểu đồ trình tự	49
4.6.2 Biểu đồ lớp	50
4.7 Use case Quản lý đánh giá	51
4.7.1 Biểu đồ trình tự	51
4.7.2 Biểu đồ lớp	52
4.8 Use case Quản lý đơn.....	53
4.8.1 Biểu đồ trình tự	53
4.8.2 Biểu đồ lớp	55
4.9 Use case Quản lý liên hệ	56
4.9.1 Biểu đồ trình tự	56
4.9.2 Biểu đồ lớp	57
4.10 Use case Quản lý phòng.....	58
4.10.1 Biểu đồ trình tự.....	58
4.10.2 Biểu đồ lớp	60
4.11 Use case Quản lý slide	61
4.11.1 Biểu đồ trình tự.....	61
4.11.2 Biểu đồ lớp.....	62
4.12 Use case Quản lý tài khoản	63
4.12.1 Biểu đồ trình tự.....	63
4.12.2 Biểu đồ lớp	65
4.13 Use case Quản lý tin tức	66
4.13.1 Biểu đồ trình tự.....	66
4.13.2 Biểu đồ lớp	68
4.14 Use case Quản lý thông tin tài khoản	69
4.14.1 Biểu đồ trình tự.....	69
4.14.2 Biểu đồ lớp	70
4.15 Use case Quên mật khẩu	71

4.15.1 Biểu đồ trình tự.....	71
4.15.2 Biểu đồ lớp	72
4.16 Use case Xem phòng.....	73
4.16.1 Biểu đồ trình tự.....	73
4.16.2 Biểu đồ lớp	74
4.17 Use case Xem tin tức.....	75
4.17.1 Biểu đồ trình tự.....	75
4.17.2 Biểu đồ lớp	76
CHƯƠNG 5. THIẾT KẾ GIAO DIỆN VÀ CÀI ĐẶT	77
5.1 Giới thiệu ngôn ngữ cài đặt	77
5.1.1 Laravel	77
5.1.2 Bootstrap 5	78
5.1.3 MySQL	79
5.2 Sơ đồ điều hướng giữa các màn hình.....	81
5.3 Thiết kế chi tiết màn hình.....	82
5.3.1 Đăng nhập	82
5.3.2 Đăng ký	82
5.3.3 Trang chủ	83
5.3.4 Đánh giá	84
5.3.5 Đặt phòng	84
5.3.6 Đổi mật khẩu	85
5.3.7 Liên hệ	85
5.3.8 Quản lý đánh giá.....	86
5.3.9 Quản lý đơn.....	87
5.3.10 Quản lý liên hệ	88
5.3.11 Quản lý phòng	89
5.3.12 Quản lý slide	90

5.3.13 Quản lý tài khoản	91
5.3.14 Quản lý tin tức	94
5.3.15 Quản lý thông tin tài khoản.....	95
5.3.16 Quên mật khẩu	96
5.3.17 Xem danh sách phòng.....	96
5.3.18 Xem chi tiết phòng	97
5.3.19 Xem tin tức.....	97
5.3.20 Thông kê	98
CHƯƠNG 6. KIỂM THỬ HỆ THỐNG	99
6.1 Kế hoạch kiểm thử	99
6.2 Kiểm thử chức năng.....	100
6.3 Kết quả kiểm thử.....	104
CHƯƠNG 7. TỔNG KẾT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	105
7.1 Kết quả đạt được	105
7.2 Hạn chế của đề tài	105
7.3 Hướng phát triển đề tài.....	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO	106

CHƯƠNG 1. MÔ TẢ CÁC YÊU CẦU CỦA HỆ THỐNG

1.1 Khảo sát hệ thống

Bắt đầu hoạt động từ tháng 5 năm 2004, Diamond Resort tạo nên sự khác biệt trên nhiều phương diện. Đây là khu nghỉ dưỡng duy nhất tại Việt Nam cung cấp chương trình “Tất cả trong một”, Tiệc phô mai và rượu đãi khách miễn phí, Các bài hát vui tươi, sôi động do hai ban nhạc của khu nghỉ dưỡng trình bày và chương trình Dao bộ Làng Chài và Chợ Mũi Né hàng ngày. Khác với các khu nghỉ dưỡng khác dọc theo bờ biển Phan Thiết, Diamond Resort đủ điều kiện để giúp bạn tận hưởng những phút giây thư giãn thoải mái, lấy lại năng lượng sau khoảng thời gian làm việc vất vả.

Diamond Resort là một bức tranh hoàn mỹ của nghệ thuật kiến trúc và xây dựng. Ngay cạnh bãi biển là hồ bơi rộng lớn, được bao bọc bởi hàng dừa xanh mượt. Xung quanh các ngôi nhà, biệt thự là khu vườn nhiệt đới với nhiều loài thảo mộc đặc trưng của khu vực. Văn hóa cổ Champa cũng được thể hiện trong hầu hết các kiến trúc xây dựng nơi đây, từ các ngôi nhà cho đến khu vực tiền sảnh. Khách check in sẽ được thưởng thức âm nhạc Champa độc đáo do chính ban nhạc Champa địa phương trình diễn.

Bạn sẽ dễ dàng cảm nhận được sự hiếu khách, nụ cười than thiện cũng như cung cách phục vụ chuyên nghiệp của các nhân viên nơi đây.

Nhân lực:

- Nhân viên phục vụ
- Nhân viên thu ngân
- Nhân viên bảo vệ
- Quản lý Resorts

Nhược điểm: Khi khách quá đông việc kiểm tra phòng trống và đặt phòng sẽ phải chờ đợi lâu.

Hướng phát triển của hệ thống hiện tại: Cần xây dựng 1 phần mềm giới thiệu về Resorts trên nền tảng trực tuyến. Phần mềm có chức năng giúp cho người dùng xem thông tin, đặt phòng và thanh toán online 1 cách nhanh chóng.

1.2 Các hoạt động của hệ thống

1.2.1 Hoạt động bán hàng

Hoạt động nghiệp vụ

- Khi khách hàng truy cập vào hệ thống thì hệ thống sẽ hiển thị các phòng của Resorts lên màn hình.
- Khi khách hàng ấn “Xem chi tiết” và có nhu cầu đặt phòng thì khách có thể điền thông tin vào form và đặt phòng.
- Khi khách hàng gửi thông tin, hệ thống sẽ chuyển sang trang thanh toán bằng Momo. Khách hàng quét mã QR để thực hiện thanh toán.
- Sau khi thanh toán xong, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Đặt phòng thành công”.

Tài liệu khảo sát:

- Phòng nghỉ



Hình 1-1. Phòng nghỉ

- Bể bơi



Hình 1-2. Bể bơi

1.2.2 Báo cáo, thống kê

Khi có yêu cầu thống kê doanh thu, nhân viên của hệ thống sẽ vào trang quản trị của phần mềm sau đó mở phần thống kê thì hệ thống sẽ hiển thị doanh thu và số đơn theo từng tháng.

1.2.3 Cập nhật thông tin hệ thống

Người quản lý có thể thêm, sửa, xóa thông tin:

- ❖ Các loại phòng.
- ❖ Các tin tức.
- ❖ Người dùng.
- ❖ Slide.
- ❖ Đơn hàng.
- ❖ Phản hồi đánh giá.

Nhân viên có thể thêm, sửa, xóa thông tin:

- ❖ Đơn hàng.
- ❖ Phản hồi đánh giá.

1.3 Các yêu cầu của hệ thống

1.3.1 Yêu cầu chức năng

Khắc phục được nhược điểm của hệ thống cũ, hệ thống mới cần có các chức năng sau:

- ✓ Cập nhật thông tin về Phòng, nhân viên, khách hàng...
- ✓ Đặt phòng online và thanh toán trực tuyến bằng Momo.
- ✓ Thống kê số lượng đơn hàng trong các tháng.
- ✓ Đánh giá các phòng của hệ thống.

Ngoài ra hệ thống mới cần phải đáp ứng:

- ✓ Khả năng hoạt động ổn định.
- ✓ Hệ thống làm việc một cách nhanh chóng.
- ✓ Giao diện dễ sử dụng, thân thiện với người dùng.
- ✓ Mức độ bảo mật cao.

1.3.2 Yêu cầu phi chức năng

Phần Cứng:

- ✓ Bộ xử lý 32-bit (x86) hoặc 64-bit (x64) có tốc độ từ 1GHz trở lên.
- ✓ Ram 1GB.
- ✓ Đĩa cứng có dung lượng trống từ 20GB trở lên.
- ✓ Ngoài ra cần lắp đặt thêm các thiết bị ngoại vi khác phục vụ cho hệ thống mới vận hành...

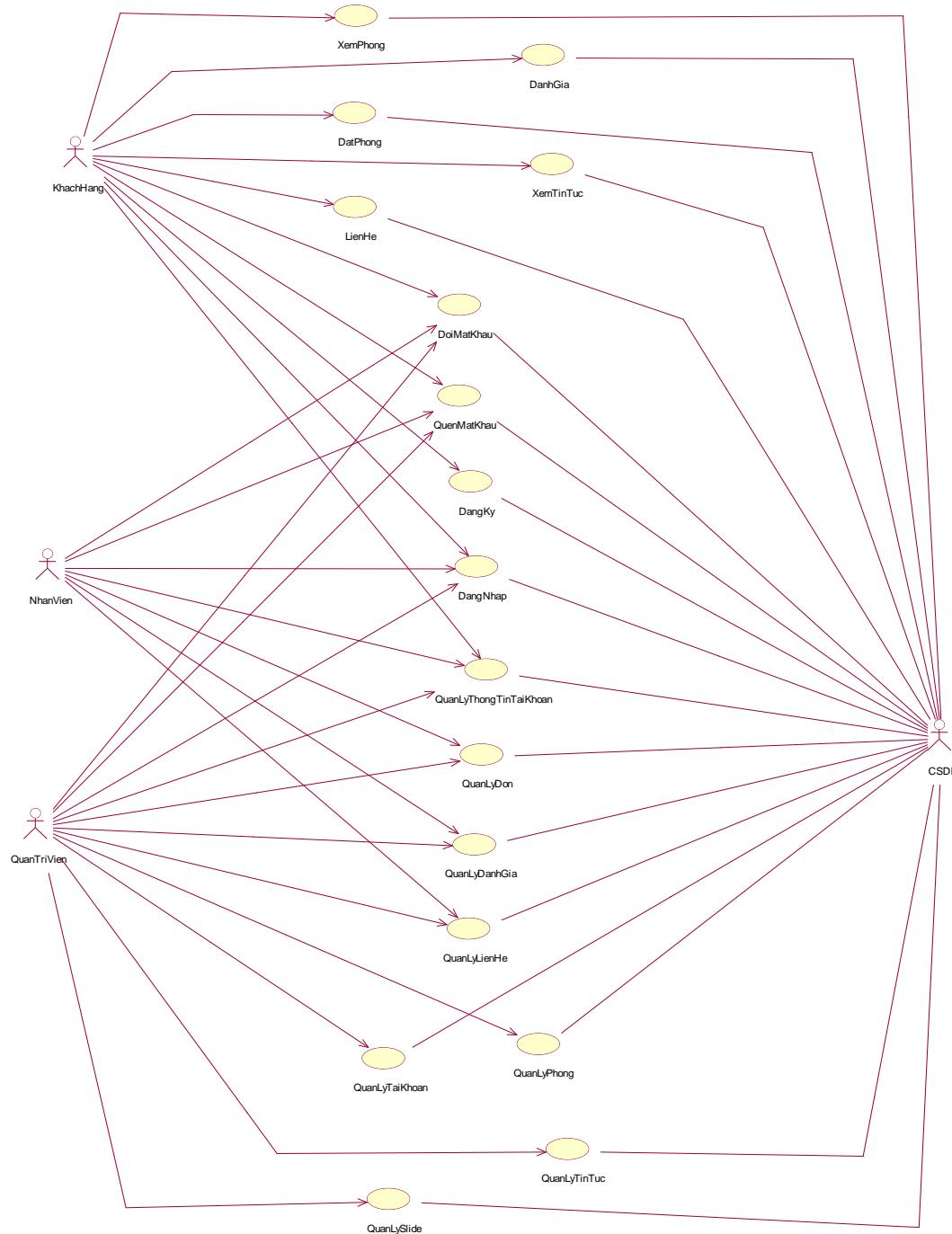
Phần Mềm:

- ✓ Hệ điều hành Windows 7 trở lên
- ✓ Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server 2018.
- ✓ Chi phí thay thế, nâng cấp hệ thống máy tính là lớn.
- ✓ Bên cạnh đó còn các chi phí về bản quyền các phần mềm.

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH CÁC YÊU CẦU CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG

2.1 Biểu đồ use case

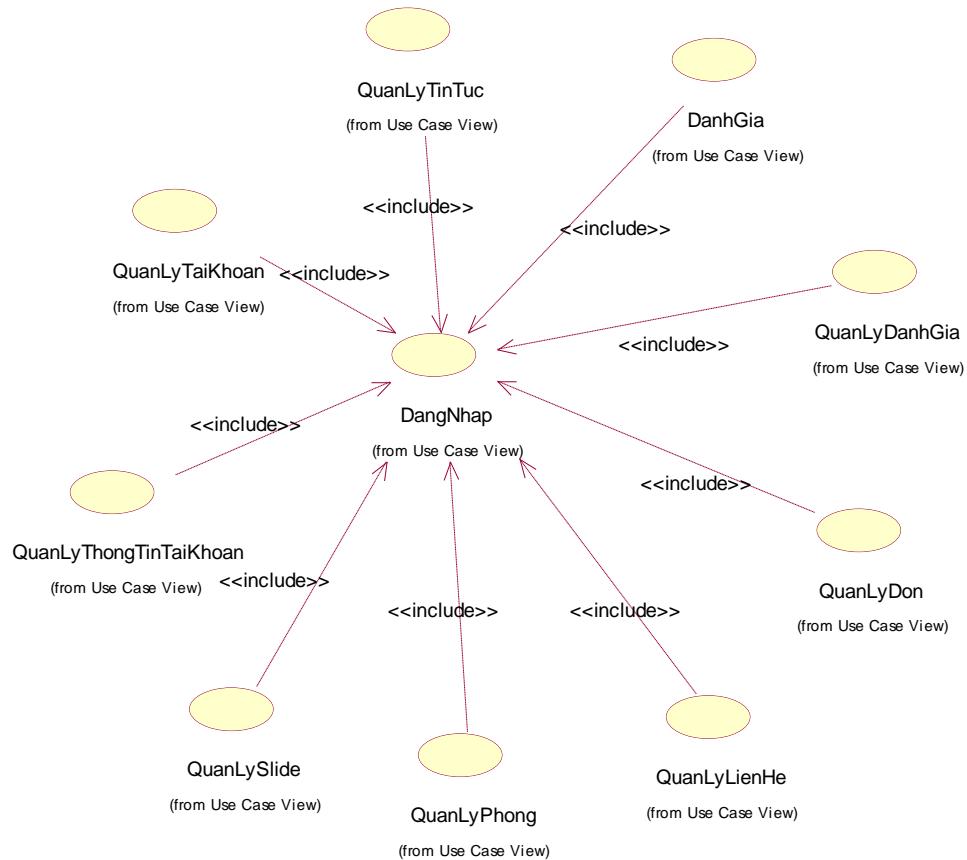
2.1.1 Các use case chính



Hình 2-1. Biểu đồ use case chính

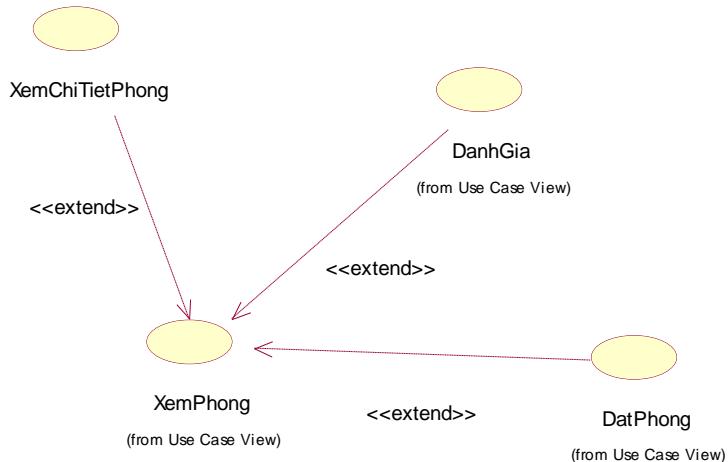
2.1.2 Quan hệ giữa các use case

Đăng nhập



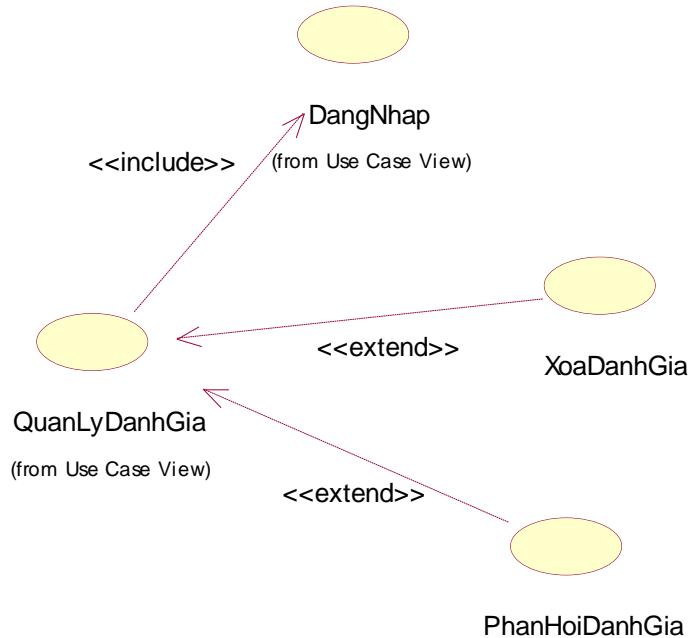
Hình 2-2. Biểu đồ use case Đăng nhập

Xem phòng



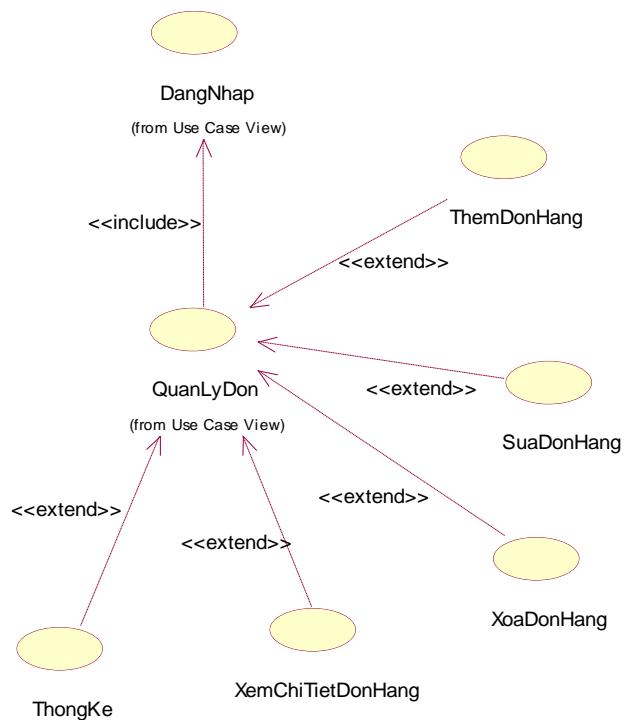
Hình 2-3. Biểu đồ use case Xem phòng

Quản lý đánh giá



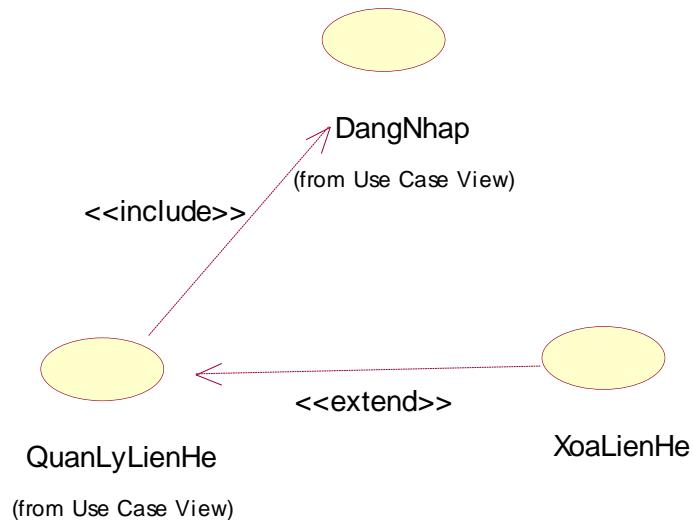
Hình 2-4. Biểu đồ use case Quản lý đánh giá

Quản lý đơn



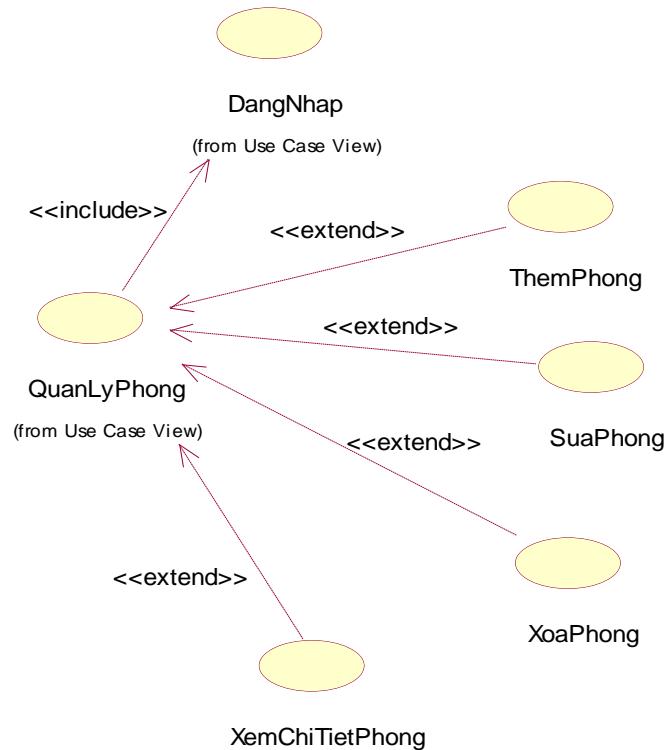
Hình 2-5. Biểu đồ use case Quản lý đơn

Quản lý liên hệ



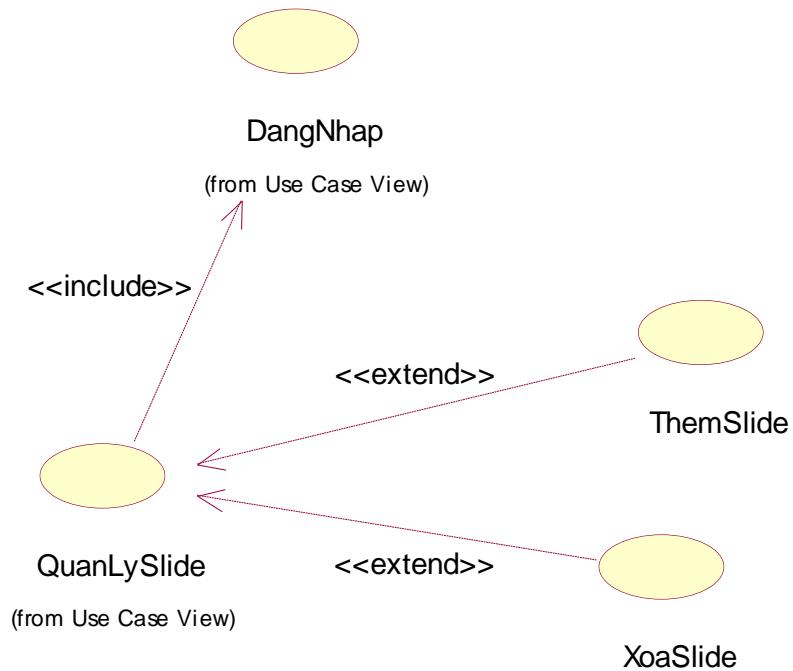
Hình 2-6. Biểu đồ use case Quản lý liên hệ

Quản lý phòng



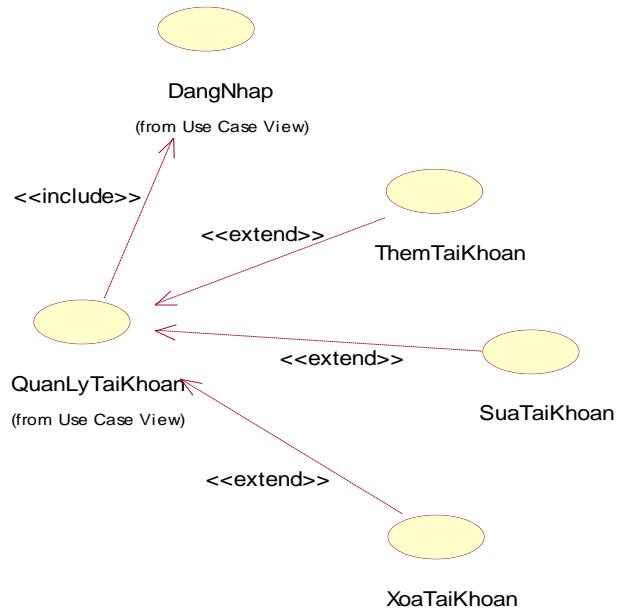
Hình 2-7. Biểu đồ use case Quản lý phòng

Quản lý slide



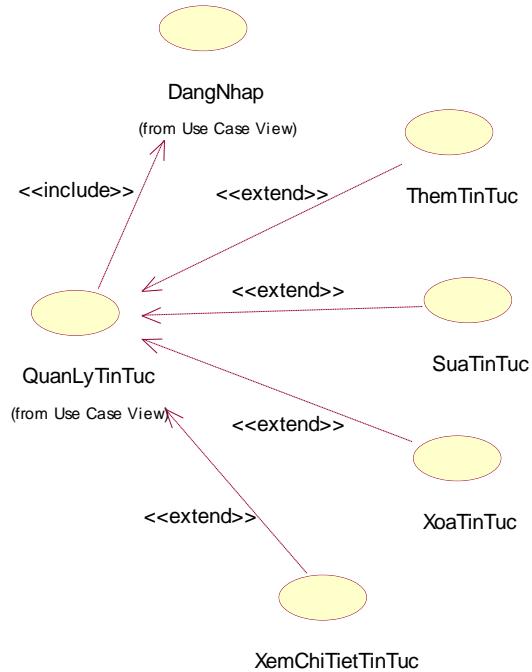
Hình 2-8. Biểu đồ use case Quản lý slide

Quản lý tài khoản



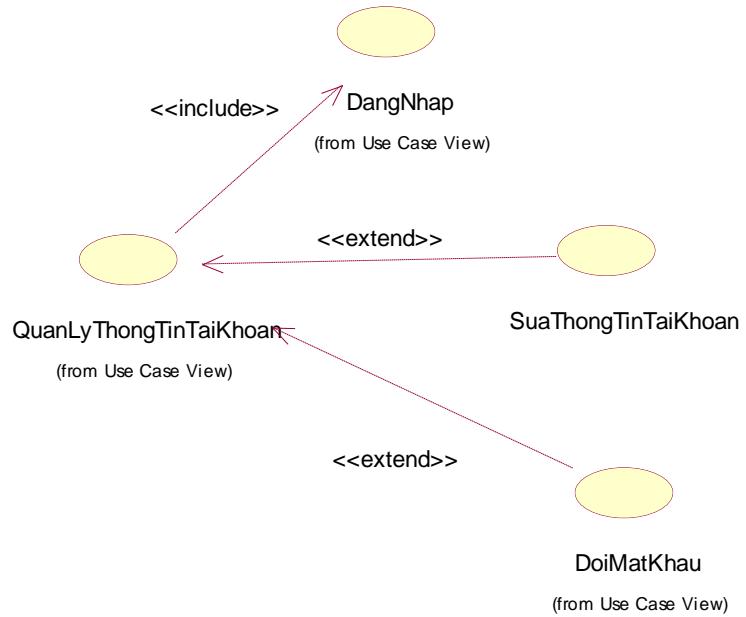
Hình 2-9. Biểu đồ use case Quản lý tài khoản

Quản lý tin tức



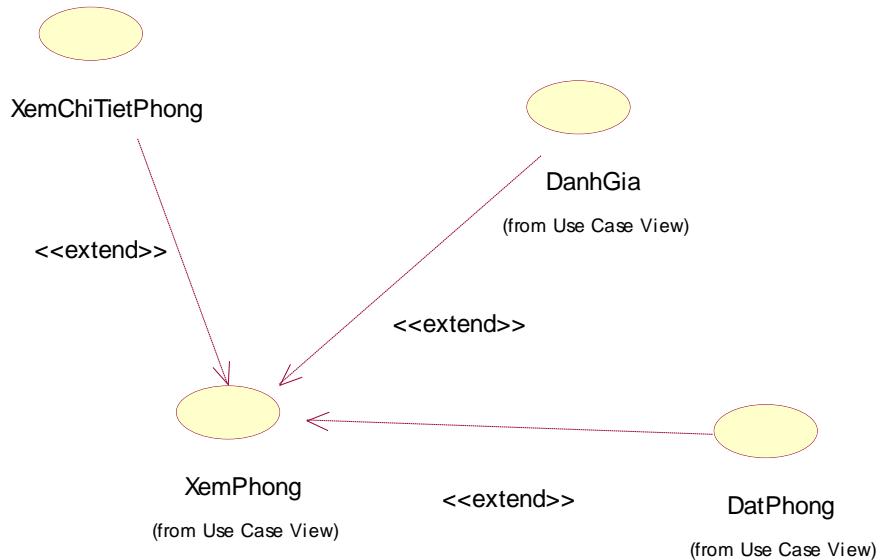
Hình 2-10. Biểu đồ use case Quản lý tin tức

Quản lý thông tin tài khoản



Hình 2-11. Biểu đồ use case Quản lý thông tin tài khoản

Xem phòng



Hình 2-12. Biểu đồ use case Xem phòng

2.2 Mô tả chi tiết các use case

2.2.1 Đăng nhập

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép người dùng (khách hàng, nhân viên và quản trị viên) đăng nhập vào hệ thống.

Luồng sự kiện:

➤ Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút **Đăng nhập** trên màn hình menu chính của trang web. Sau đó, hệ thống sẽ hiển thị màn hình đăng nhập và yêu cầu người dùng điền tên tài khoản và mật khẩu vào form đăng nhập.
2. Người dùng nhập tên tài khoản và mật khẩu sau đó click vào nút **Đăng nhập**. Hệ thống kiểm tra tên tài khoản, mật khẩu, quyền truy nhập và trường Email_verify_at trong bảng **Users** và hiển thị màn hình hệ thống với các menu tương ứng với quyền. Use case kết thúc.

➤ Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập tên tài khoản và mật khẩu hoặc nhập sai tên tài khoản, mật khẩu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Đăng nhập thất bại”. Use case kết thúc.
2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu tài khoản chưa được xác thực email thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Bạn cần xác nhận email trước khi đăng nhập”. Use case kết thúc.
3. Tại bước 2 trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.2 Đăng ký

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép người dùng đăng ký tài khoản cá nhân.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng click vào nút **Đăng ký** trên form đăng nhập. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình đăng ký và yêu cầu người dùng nhập các thông tin như tên tài khoản, mật khẩu, email vào form đăng ký.
2. Khi người dùng nhập đầy đủ thông tin và kích vào nút **Đăng ký** trên form đăng ký, hệ thống sẽ tạo người dùng mới trong bảng **Users** và gửi thông báo xác thực email về email mà người vừa nhập. Sau đó, hệ thống hiển thị thông báo “Đăng ký tài khoản thành công, hãy xác thực email để đăng nhập”.

3. Người dùng kiểm tra email và kích vào nút **Xác thực tài khoản** hệ thống sẽ cập nhật lại trường Email_verify_at trong bảng **Users** và hiển thị thông báo “Xác thực email thành công, hãy đăng nhập”. Use case kết thúc.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2 của luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập tên tài khoản, email hoặc mật khẩu thì hệ thống sẽ đưa ra thông báo “Không được để trống”. Use case kết thúc.
2. Tại bước 2 của luồng cơ bản, nếu người dùng nhập mật khẩu quá ngắn thì hệ thống sẽ đưa ra thông báo “Mật khẩu phải có độ dài từ 8 ký tự trở lên”. Use case kết thúc.
3. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.3 Đánh giá

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép người dùng đánh giá về một phòng.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng muốn đánh giá về một phòng. Người dùng tích vào một trong các mức độ về sự hài lòng của bản thân và nhập đánh giá về phòng trong form đánh giá ở màn hình chi tiết phòng.
2. Khi người dùng nhập xong đánh giá và kích vào nút **Gửi đánh giá** hệ thống sẽ lấy thông tin về người dùng đang đăng nhập từ bảng **Users** và lấy thông tin về phòng

được đánh giá từ bảng **Rooms**, sau đó hệ thống sẽ thêm một bản ghi mới vào bảng **Comments** và hiển thị thông báo “Gửi đánh giá thành công”. Use case kết thúc.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu người dùng không chọn một trong các mức độ về sự hài lòng hoặc không điền đánh giá hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Use case kết thúc.
2. Trong quá trình thực hiện use case nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập trước khi thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.4 Đặt phòng

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép người đặt phòng và thanh toán phòng đã đặt.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng nhập thông tin vào form đặt phòng trong trang xem chi tiết phòng.
2. Sau khi nhập đầy đủ thông tin, người dùng kích nút **Gửi** trên form đặt phòng. Hệ thống sẽ lấy thông tin về phòng từ bảng **Rooms** (nếu người dùng đã đăng nhập thì hệ thống sẽ lấy cả thông tin của người dùng từ bảng **Users**) và thông tin trên form để lưu vào bảng **Bookings** đồng thời tạo một bản ghi mới trong bảng **Orders**. Hệ thống chuyển sang màn hình thanh toán.

3. Khi người dùng thanh toán thành công, hệ thống sẽ cập nhật lại trạng thái đơn hàng trong bảng **Bookings**, **Orders** và cập nhật lại điểm của người dùng trong bảng **Users** sau đó chuyển hướng về màn hình chính với thông báo “Đặt hàng thành công”. Use case kết thúc.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2 của luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Use case kết thúc.
2. Tại bước 3 của luồng cơ bản, nếu người dùng án nút **Hủy** thì hệ thống sẽ quay lại màn hình chính và hiển thị thông báo “Thanh toán đã bị hủy”. Use case kết thúc.
3. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.5 Đổi mật khẩu

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép người dùng (khách hàng, nhân viên, quản trị viên) có thể thay đổi mật khẩu.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút **Đổi mật khẩu** trong trang thông tin cá nhân. Sau đó màn hình sẽ hiển thị form yêu cầu người dùng điền mật khẩu cũ, mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới.

- Sau khi nhập đầy đủ thông tin, người dùng kích nút **Xác nhận** trên form đổi mật khẩu. Hệ thống sẽ cập nhật lại mật khẩu của người dùng vào bảng **Users** và hiển thị thông báo lên màn hình. Use case kết thúc.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

- Tại bước 2 của luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập đầy đủ thông tin hoặc nhập mật khẩu không chính xác thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Use case kết thúc.
- Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập trước khi thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.6 Liên hệ

Mô tả ngắn tắt:

Use case này cho phép người dùng gửi thông tin liên hệ.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

- Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút Liên hệ trên menu của màn hình chính. Hệ thống sẽ hiển thị form và yêu cầu người dùng nhập thông tin vào form trong trang liên hệ.
- Sau khi nhập đầy đủ thông tin, người dùng kích nút **Gửi** trên form liên hệ. Hệ thống sẽ lưu thông tin liên hệ vào bảng **Contacts** và hiển thị thông báo lên màn hình. Use case kết thúc.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

3. Tại bước 2 của luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Use case kết thúc.
4. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.7 Quản lý đánh giá

Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép nhân viên, quản trị viên phản hồi và xóa đánh giá của người dùng.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Đánh giá** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc bảng **Comments**, **Users**, **Rooms** và lấy các thông tin như username, tên phòng, bình luận, độ hài lòng, thời gian gửi, phản hồi để hiển thị lên màn hình.
2. Phản hồi đánh giá
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Reply** trên mỗi dòng đánh giá ở màn hình quản lý đánh giá, hệ thống sẽ đọc các bảng **Comments**, **Users**, **Rooms** và lấy các thông tin như username, tên phòng, bình luận, phản hồi để hiển thị vào form.
 - b) Người quản trị điền và chọn đầy đủ thông tin cần sửa rồi kích vào nút **Gửi** trên form, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin của đánh giá vừa được chọn vào bảng

Comments. Hệ thống sẽ cập nhật lại danh sách và chuyển hướng về trang quản lý đánh giá đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình. Use case kết thúc.

3. Xóa đánh giá

- Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi đánh giá, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.
- Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa thông tin đánh giá vừa chọn khỏi bảng **Comments** sau đó cập nhật lại danh sách đánh giá đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

- Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý đánh giá và use case kết thúc.
- Tại bước 4b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
- Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên hoặc nhân viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.8 Quản lý đơn

Mô tả ngắn:

Use case này cho phép nhân viên, quản trị viên thêm, sửa, xóa và xem chi tiết đơn hàng.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Booking** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc các bảng **Bookings**, **Rooms** và lấy các thông tin như họ tên, số điện thoại, ngày nhận phòng, ngày trả phòng, số lượng người ở, tên phòng, tổng tiền, trạng thái để hiển thị lên màn hình.
2. Thêm đơn
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Add new** trên màn hình quản lý đơn, hệ thống sẽ đọc các bảng **Users**, **Rooms** và hiển thị username, tên phòng vào các hộp chọn của form thêm đơn. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập họ tên, số điện thoại, ngày nhận phòng, ngày trả phòng, số lượng người ở, tổng tiền và chọn trạng thái đơn hàng.
 - b) Người quản trị điền và chọn đầy đủ thông tin rồi kích vào nút **Add** trên form, hệ thống sẽ sinh ra một BookingId mới và thêm mới đơn hàng vào bảng **Bookings**. Hệ thống sẽ cập nhật lại danh sách và chuyển hướng về trang quản lý đơn đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
3. Sửa đơn
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Edit** trên mỗi đơn, hệ thống sẽ đọc các bảng **Users**, **Rooms**, **Bookings** và hiển thị họ tên, số điện thoại, ngày nhận phòng, ngày trả phòng, số lượng người ở, tổng tiền, trạng thái đơn lên form sửa và hiển thị username, tên phòng vào các hộp chọn của form sửa.
 - b) Người quản trị điền và chọn đầy đủ thông tin cần sửa rồi kích vào nút **Update** trên form, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin đơn hàng vào bảng **Bookings** sau đó chuyển hướng về trang quản lý đơn đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
4. Xóa đơn
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi đơn, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.

b) Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa thông tin đơn hàng vừa chọn khỏi bảng **Bookings** sau đó cập nhật lại danh sách đơn đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

5. Xem chi tiết

Khi người quản trị kích vào nút **Detail** trên mỗi đơn, hệ thống sẽ lấy thông tin về họ tên, số điện thoại, ngày nhận phòng, ngày trả phòng, số lượng người ở, tổng tiền, trạng thái đơn, username, tên phòng và ngày tạo đơn từ bảng **Bookings**, **Users** và **Rooms** để hiển thị lên màn hình.

6. Use case kết thúc khi người quản trị đóng cửa sổ quản lý đơn.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý đơn và use case kết thúc.
2. Tại bước 3b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý đơn và use case kết thúc.
3. Tại bước 4b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
4. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên hoặc nhân viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.9 Quản lý liên hệ

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép nhân viên, quản trị viên xóa liên hệ.

Luồng sự kiện:

➤ Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Contact** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc bảng **Contacts** và lấy các thông tin như họ tên, email, số điện thoại, địa chỉ, lời nhắn và thời gian gửi để hiển thị lên màn hình.
2. Xóa liên hệ
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi liên hệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.
 - b) Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa thông tin liên hệ vừa chọn khỏi bảng **Contacts** sau đó cập nhật lại danh sách đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

Use case kết thúc khi người quản trị đóng cửa sổ quản lý liên hệ.

➤ Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
2. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên hoặc nhân viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.10 Quản lý phòng

Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa và xem chi tiết phòng.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Quản lý room** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc bảng **Rooms** và lấy các thông tin như tên phòng, giá, mô tả và hình ảnh để hiển thị lên màn hình.
2. Thêm đơn
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Add new** trên màn hình quản lý phòng, hệ thống sẽ hiển thị form thêm phòng lên màn hình. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập tên phòng, giá phòng, mô tả và hình ảnh.
 - b) Người quản trị điền đầy đủ thông tin rồi kích vào nút **Add** trên form, hệ thống sẽ sinh ra một RoomId mới và thêm mới thông tin phòng vào bảng **Rooms**. Hệ thống sẽ cập nhật lại danh sách và chuyển hướng về trang quản lý phòng đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
3. Sửa phòng
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Edit** trên mỗi phòng, hệ thống sẽ đọc bảng **Rooms** và hiển thị tên phòng, giá, mô tả và các hình ảnh lên form sửa.
 - b) Người quản trị điền và chọn đầy đủ thông tin cần sửa rồi kích vào nút **Update** trên form, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin phòng vào bảng **Rooms** sau đó chuyển hướng về trang quản lý phòng đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
4. Xóa phòng
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi phòng, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.

b) Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa thông tin phòng vừa chọn khỏi bảng **Rooms** sau đó cập nhật lại danh sách phòng đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

5. Xem chi tiết

Khi người quản trị kích vào nút **Detail** trên mỗi phòng, hệ thống sẽ lấy thông tin về tên phòng, giá, mô tả và các hình ảnh từ bảng **Rooms** để hiển thị lên màn hình.

6. Use case kết thúc khi người quản trị đóng cửa sổ quản lý phòng.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý đơn và use case kết thúc.
2. Tại bước 3b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý đơn và use case kết thúc.
3. Tại bước 4b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
4. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.11 Quản lý slide

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên thêm và xóa slide.

Luồng sự kiện:

➤ Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Quản lý slide** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc bảng **Slides** và lấy các hình ảnh để hiển thị lên màn hình.
2. Thêm slide
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Add new** trên màn hình quản lý slide, hệ thống sẽ hiển thị form thêm slide lên màn hình. Hệ thống sẽ yêu cầu chọn một hình ảnh.
 - b) Người quản trị chọn một file hình ảnh rồi kích vào nút **Add** trên form, hệ thống sẽ sinh ra một SlideId mới và thêm mới hình ảnh vào bảng **Slides**. Hệ thống sẽ cập nhật lại danh sách và hiển thị thông báo lên màn hình.
3. Xóa slide
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi slide, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.
 - b) Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa slide vừa chọn khỏi bảng **Slides** sau đó cập nhật lại danh sách slide đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

Use case kết thúc khi người quản trị đóng cửa sổ quản lý slide.

➤ Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ đóng form thêm slide và use case kết thúc.
2. Tại bước 3b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
3. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.12 Quản lý tài khoản

Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên thêm, sửa và xóa tài khoản.

Luồng sự kiện:

➤ Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Quản lý user** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc bảng **Users**, **Roles** và lấy các thông tin như usrename, email, họ tên, số điện thoại, địa chỉ, ngày tạo, ngày xác thực, quyền truy cập và avatar để hiển thị lên màn hình.
2. Thêm tài khoản
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Add new** trên màn hình quản lý tài khoản, hệ thống sẽ hiển thị form thêm tài khoản lên màn hình. Hệ thống sẽ đọc bảng **Roles** và hiển thị tên role lên hộp chọn role của form thêm tài khoản. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập username, mật khẩu, email, họ tên, số điện thoại, địa chỉ, chọn avatar và role.
 - b) Người quản trị điền đầy đủ thông tin rồi kích vào nút **Add** trên form, hệ thống sẽ sinh ra một UserId mới và thêm mới thông tin tài khoản vào bảng **Users**. Hệ thống sẽ cập nhật lại danh sách và chuyển hướng về trang quản lý user đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
3. Sửa tài khoản

- a) Khi người quản trị kích vào nút **Edit** trên mỗi tài khoản, hệ thống sẽ đọc bảng **Users, Roles** và hiển thị usrename, email, họ tên, số điện thoại, địa chỉ, quyền truy cập và avatar lên form sửa.
- b) Người quản trị điền và chọn đầy đủ thông tin cần sửa rồi kích vào nút **Update** trên form, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin tài khoản vào bảng **Users** sau đó chuyển hướng về trang quản lý tài khoản đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

4. Xóa tài khoản

- a) Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi tài khoản, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.
- b) Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa thông tin tài khoản vừa chọn khỏi bảng **Users** sau đó cập nhật lại danh sách tài khoản đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

Use case kết thúc khi người quản trị đóng cửa sổ quản lý tài khoản.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý tài khoản và use case kết thúc.
2. Tại bước 3b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý tài khoản và use case kết thúc.
3. Tại bước 4b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
4. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.13 Quản lý tin tức

Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa và xem chi tiết tin tức.

Luồng sự kiện:

➤ Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Quản lý tin tức** trên menu quản trị. Hệ thống sẽ đọc bảng **News** và lấy các thông tin như tiêu đề, nội dung, ngày tạo và hình ảnh để hiển thị lên màn hình.
2. Thêm tin tức
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Add new** trên màn hình quản lý tin tức, hệ thống sẽ hiển thị form thêm tin tức lên màn hình. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập tiêu đề, nội dung và chọn các hình ảnh cho tin tức.
 - b) Người quản trị điền đầy đủ thông tin rồi kích vào nút **Add** trên form, hệ thống sẽ sinh ra một NewsId mới và thêm mới thông tin tin tức vào bảng **News**. Hệ thống sẽ cập nhật lại danh sách và chuyển hướng về trang quản lý tin tức đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
3. Sửa tin tức
 - a) Khi người quản trị kích vào nút **Edit** trên mỗi tin tức, hệ thống sẽ đọc bảng **News** và hiển thị tiêu đề, nội dung và các hình ảnh lên form sửa.
 - b) Người quản trị điền và chọn đầy đủ thông tin cần sửa rồi kích vào nút **Update** trên form, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin của tin tức vào bảng **News** sau đó chuyển hướng về trang quản lý tin tức đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.
4. Xóa tin tức

- a) Khi người quản trị kích vào nút **Delete** trên mỗi tin tức, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận xóa lên màn hình.
- b) Người quản trị chọn vào nút **OK** trên thông báo, hệ thống sẽ xóa thông tin của tin tức vừa chọn khỏi bảng **News** sau đó cập nhật lại danh sách tin tức đồng thời hiển thị thông báo lên màn hình.

5. Xem chi tiết

Khi người quản trị kích vào nút **Detail** trên mỗi tin tức, hệ thống sẽ lấy thông tin về tiêu đề, nội dung và các hình ảnh từ bảng **News** để hiển thị lên màn hình.

Use case kết thúc khi người quản trị đóng cửa sổ quản lý tin tức.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý tin tức và use case kết thúc.
2. Tại bước 3b của luồng cơ bản, nếu người quản trị không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi. Nếu người quản trị kích vào nút **Back**, thì hệ thống sẽ chuyển hướng về trang quản lý tin tức và use case kết thúc.
3. Tại bước 4b của luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút **Hủy**, hệ thống sẽ đóng thông báo xác nhận xóa. Use case kết thúc.
4. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập với quyền quản trị viên để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.14 Quản lý thông tin tài khoản

Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép người dùng thay đổi thông tin tài khoản cá nhân.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút **Thông tin cá nhân** ở avatar trên thanh header. Hệ thống sẽ đọc bảng **Users** và lấy các thông tin như username, email, họ tên, số điện thoại, địa chỉ và avatar để hiển thị lên màn hình.
2. Thay đổi thông tin cá nhân
 - a) Người dùng thay đổi thông tin của các trường như họ tên, số điện thoại, địa chỉ hoặc avatar, hệ thống sẽ yêu cầu nhập mật khẩu để tiến hành thay đổi thông tin cá nhân.
 - b) Người dùng nhập đầy đủ thông tin cần sửa và mật khẩu rồi ấn nút Update trên form sửa, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin của tài khoản vào bảng Users và hiển thị thông báo.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bước 2b của luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập đầy đủ thông tin hoặc nhập sai mật khẩu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.
2. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Người dùng phải đăng nhập để thực hiện use case.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.15 Quên mật khẩu

Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép người dùng lấy lại mật khẩu.

Luồng sự kiện:

➤ Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút **Forgot password** ở màn hình đăng nhập. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập email mà người dùng đã dùng để đăng ký tài khoản.
2. Sau khi nhập email, người dùng kích vào nút **Gửi**. Hệ thống sẽ gửi đường dẫn tới trang lấy lại mật khẩu vào email của người dùng kèm theo một token. Khi người dùng kích vào đường dẫn, hệ thống sẽ lưu email, token vào bảng **Password_reset_tokens** và chuyển hướng tới trang lấy lại mật khẩu. Hệ thống sẽ yêu cầu người dùng nhập mật khẩu mới.
3. Sau khi nhập mật khẩu mới, người dùng kích vào nút **Gửi**, hệ thống sẽ kiểm tra token, email của người dùng trong bảng Users với email trong bảng **Password_reset_tokens**, sau đó cập nhật lại mật khẩu của người dùng vào bảng **Users** và hiển thị thông báo. Use case kết thúc.

➤ Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2 của luồng cơ bản, nếu người dùng không nhập đầy đủ thông tin thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.
2. Tại bước 3 của luồng cơ bản, nếu email không chính xác hoặc token đã hết hạn thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.
3. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.16 Xem phòng**Mô tả văn tắt:**

Use case này cho phép người dùng xem thông tin của phòng.

Luồng sự kiện:**➤ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút **Phòng** trên menu của màn hình chính. Hệ thống sẽ lấy thông tin về hình ảnh, tên phòng và giá phòng từ bảng **Rooms** để hiển thị lên màn hình.
2. Người dùng kích vào nút **Xem chi tiết** trên mỗi phòng, hệ thống sẽ lấy thông tin về hình ảnh, tên phòng, mô tả và giá phòng từ bảng **Rooms** để hiển thị lên màn hình.
Use case kết thúc.

➤ Luồng rẽ nhánh:

1. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

2.2.17 Xem tin tức

Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép người dùng xem các tin tức của resorts.

Luồng sự kiện:

➤ **Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút **Tin tức** trên menu của màn hình chính. Hệ thống sẽ hiển thị danh sách tin tức lên màn hình.
2. Người dùng kích vào một tin tức bất kỳ, hệ thống sẽ lấy thông tin về tiêu đề, hình ảnh và nội dung từ bảng **News** để hiển thị lên màn hình. Use case kết thúc.

➤ **Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại tất cả các bước trong luồng cơ bản nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu thì sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

Tiền điều kiện:

Không có.

Hậu điều kiện:

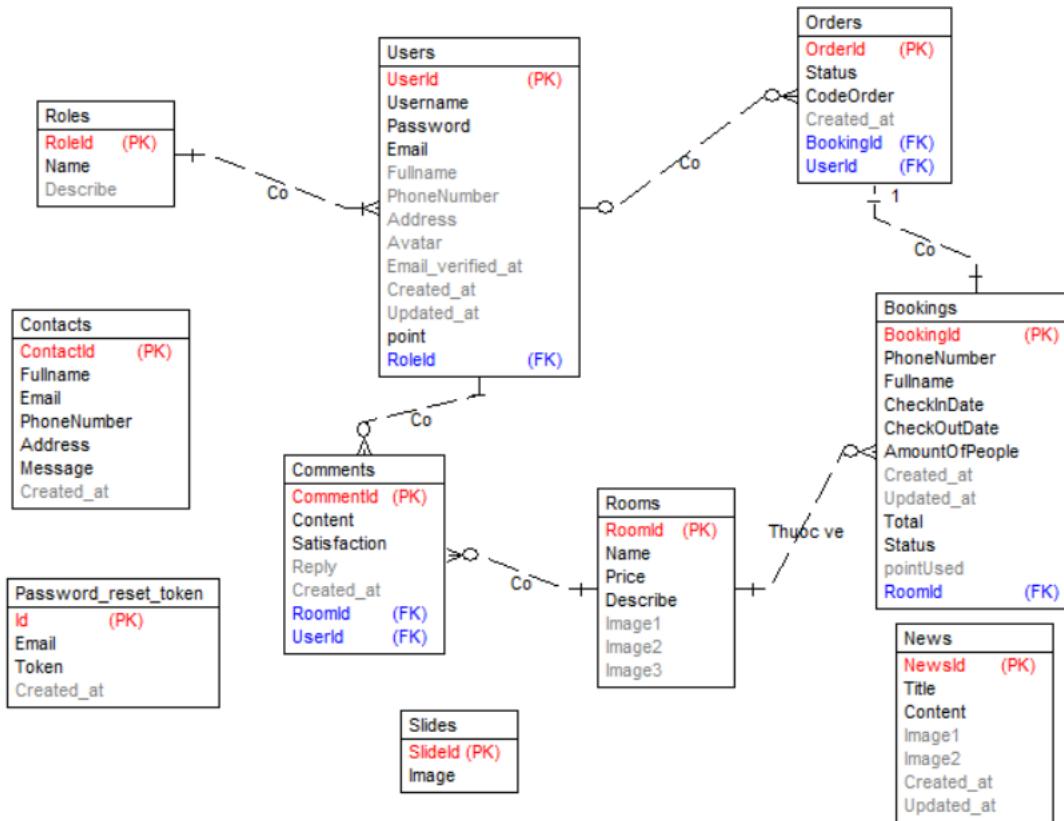
Không có.

Điểm mở rộng:

Không có.

CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.1 Mô hình hóa dữ liệu



Hình 3-1. Mô hình hóa dữ liệu

Roles: Lưu thông tin về các vai trò của tài khoản trong hệ thống bao gồm RoleId, Name, Describe. Mỗi một vai trò có 1 hoặc nhiều tài khoản, mỗi tài khoản có 1 quyền.

Contacts: Lưu thông tin về thông tin liên hệ của người dùng bao gồm ContactId, Fullname, Email, PhoneNumber, Address, Message, Created_at.

Password_reset_token: Lưu thông tin về token khi người dùng lấy lại mật khẩu bao gồm ID, email, token và Created_at.

Users: Lưu thông tin về các tài khoản trong hệ thống bao gồm UserId, Username, Password, Email, Fullname, PhoneNumber, Address, Avatar, Email_verified_at, Created_at, Updated_at, Point và RoleId. Mỗi tài khoản có 0, 1 hoặc nhiều bình luận. Mỗi bình luận phải thuộc về 1 tài khoản. Mỗi tài khoản có 0, 1 hoặc nhiều đơn đặt phòng. Mỗi đơn đặt phòng có thể thuộc về 0 hoặc 1 tài khoản.

Comments: Lưu thông tin về các bình luận bao gồm CommentId, Content, Satisfaction, Reply, Created_at, RoomId và UserId. Mỗi bình luận phải thuộc về 1 phòng. Mỗi phòng có 0, 1 hoặc nhiều bình luận.

Slides: Lưu các thông tin về banner bao gồm SlideId và Image.

Rooms: Lưu các thông tin về phòng bao gồm RoomId, Name, Price, Describe và các hình ảnh.

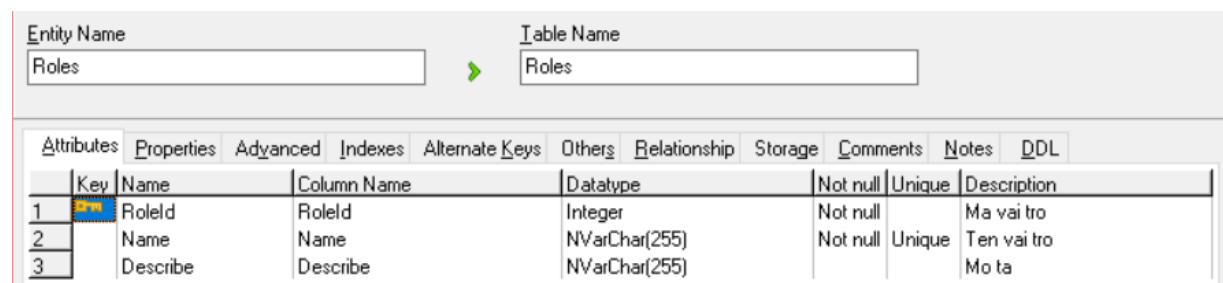
Orders: Lưu thông tin về đơn đặt phòng bao gồm OrderId, Status, CodeOrder, Created_at, BookingId và UserId.

Bookings: Lưu thông tin chi tiết về đơn đặt phòng bao gồm BookingId, PhoneNumber, Fullname, CheckInDate, CheckOutDate, AmountOfPeople, Created_at, Updated_at, Total, Status, PointUsed và RoomId. Mỗi chi tiết đơn đặt phòng phải có 1 phòng. Mỗi phòng thuộc về 0, 1 hoặc nhiều chi tiết đơn đặt phòng. Mỗi chi tiết đơn đặt phòng thuộc về 1 đơn đặt phòng. Một đơn đặt phòng có 1 chi tiết đơn đặt phòng.

News: Lưu thông tin về tin tức bao gồm NewsId, Title, Content, Created_at, Updated_at và các hình ảnh.

3.2 Thiết kế bảng

Bảng Roles



The screenshot shows the EntityDataSource configuration for the 'Roles' table. It includes fields for Entity Name (Roles) and Table Name (Roles). Below is the detailed table structure:

	Attributes	Properties	Advanced	Indexes	Alternate Keys	Others	Relationship	Storage	Comments	Notes	DDL
Key	Name	Column Name				Datatype		Not null	Unique	Description	
1	RoleId	RoleId				Integer		Not null		Ma vai tro	
2	Name	Name				NVarChar(255)		Not null	Unique	Ten vai tro	
3	Describe	Describe				NVarChar(255)				Mota	

Hình 3-2. Bảng Roles

Bảng Contacts

Entity Name			Table Name								
Contacts			Contacts								
Attributes Properties Advanced Indexes Alternate Keys Others Relationship Storage Comments Notes DDL											
Key	Name	Column Name	Datatype	Not null	Unique	Description					
1	ContactId	ContactId	Integer	Not null		Ma lien he					
2	Fullname	Fullname	NVarChar(255)	Not null		Ho va ten					
3	Email	Email	NVarChar(255)	Not null		Email					
4	PhoneNumber	PhoneNumber	NVarChar(255)	Not null		So dien thoai					
5	Address	Address	NVarChar(255)	Not null		Email					
6	Message	Message	NVarChar(255)	Not null		Loi nhan					
7	Created_at	Created_at	DateTime			Ngay gui					

Hình 3-3. Bảng Contacts

Bảng Password_reset_token

Entity Name			Table Name								
Password_reset_token			Password_reset_token								
Attributes Properties Advanced Indexes Alternate Keys Others Relationship Storage Comments Notes DDL											
Key	Name	Column Name	Datatype	Not null	Unique	Description					
1	Id	Id	Image	Not null							
2	Email	Email	NVarChar(255)	Not null							
3	Token	Token	NVarChar(255)	Not null							
4	Created_at	Created_at	DateTime								

Hình 3-4. Bảng Password_reset_token

Bảng Users

Entity Name			Table Name								
Users			Users								
Attributes Properties Advanced Indexes Alternate Keys Others Relationship Storage Comments Notes DDL											
Key	Name	Column Name	Datatype	Not null	Unique	Description					
1	UserId	UserId	Integer	Not null		Ma tai khoan					
2	Username	Username	NVarChar(255)	Not null	Unique	Ten tai khoan					
3	Password	Password	NVarChar(255)	Not null		Mat khau					
4	Email	Email	NVarChar(255)	Not null	Unique	Email					
5	Fullname	Fullname	NVarChar(255)			Ho va ten					
6	PhoneNumber	PhoneNumber	NVarChar(255)			So dien thoai					
7	Address	Address	NVarChar(255)			Dia chi					
8	Avatar	Avatar	Image			Anh dai dien					
9	Email_verified_at	Email_verified_at	DateTime			Ngay xac thuc tai khoan					
10	Created_at	Created_at	DateTime			Ngay tao					
11	Updated_at	Updated_at	DateTime			Ngay cap nhat					
12	point	point	Float	Not null		Diem tich luy					
13	RoleId	RoleId	Integer	Not null		Quyen truy cap					

Hình 3-5. Bảng Users

Bảng Comments

Entity Name			Table Name								
Comments			Comments								
Attributes		Properties	Advanced	Indexes	Alternate Keys	Others	Relationship	Storage	Comments	Notes	DDL
1	PK	CommentId	CommentId			Datetime		Not null	Unique	Description	
2		Content	Content			NVarChar(255)		Not null		Noi dung binh luan	
3		Satisfaction	Satisfaction			NVarChar(255)		Not null		Muc do hai long	
4		Reply	Reply			NVarChar(255)				Phan hoi binh luan	
5		Created_at	Created_at			DateTime				Ngay gui	
6	PK	RoomId	RoomId			Integer		Not null			
7	PK	UserId	UserId			Integer		Not null			

Hình 3-6. Bảng Comments

Bảng Slides

Entity Name			Table Name								
Slides			Slides								
Attributes		Properties	Advanced	Indexes	Alternate Keys	Others	Relationship	Storage	Comments	Notes	DDL
1	PK	SlideId	SlideId			Integer		Not null	Unique	Description	
2		Image	Image			Image		Not null		Ma slide	

Hình 3-7. Bảng Slides

Bảng Rooms

Entity Name			Table Name								
Rooms			Rooms								
Attributes		Properties	Advanced	Indexes	Alternate Keys	Others	Relationship	Storage	Comments	Notes	DDL
1	PK	RoomId	RoomId			Integer		Not null		Description	
2		Name	Name			NVarChar(255)		Not null	Unique	Ten phong	
3		Price	Price			Float		Not null		Gia phong	
4		Describe	Describe			NVarChar(255)		Not null		Mo ta	
5		Image1	Image1			Image				Hinh anh phong	
6		Image2	Image2			Image				Hinh anh phong	
7		Image3	Image3			Image				Hinh anh phong	

Hình 3-8. Bảng Rooms

Bảng Orders

Entity Name			Table Name								
Orders			Orders								
Attributes Properties Advanced Indexes Alternate Keys Others Relationship Storage Comments Notes DDL											
1	OrderID	OrderID	Integer	Not null							Ma order
2	Status	Status	Integer	Not null							Trang thai
3	CodeOrder	CodeOrder	NVarChar(255)	Not null	Unique						Ma don hang
4	Created_at	Created_at	DateTime								Ngay tao
5	BookingId	BookingId	Integer	Not null							Ngay
6	UserId	UserId	Integer								

Hình 3-9. Bảng Orders

Bảng Bookings

Entity Name			Table Name								
Bookings			Bookings								
Attributes Properties Advanced Indexes Alternate Keys Others Relationship Storage Comments Notes DDL											
1	BookingID	BookingId	Integer	Not null							Ma booking
2	PhoneNumber	PhoneNumber	NVarChar(255)	Not null							Số điện thoại
3	Fullname	Fullname	NVarChar(255)	Not null							Họ và tên
4	CheckInDate	CheckInDate	DateTime	Not null							Ngày nhận phòng
5	CheckOutDate	CheckOutDate	DateTime	Not null							Ngày trả phòng
6	AmountOfPeople	AmountOfPeople	Integer	Not null							Số lượng người
7	Created_at	Created_at	DateTime								Ngày tạo
8	Updated_at	Updated_at	DateTime								Ngày sửa
9	Total	Total	Float	Not null							Tổng tiền
10	Status	Status	NVarChar(255)	Not null							Trạng thái
11	pointUsed	pointUsed	Float								Điểm sử dụng
12	RoomId	RoomId	Integer	Not null							

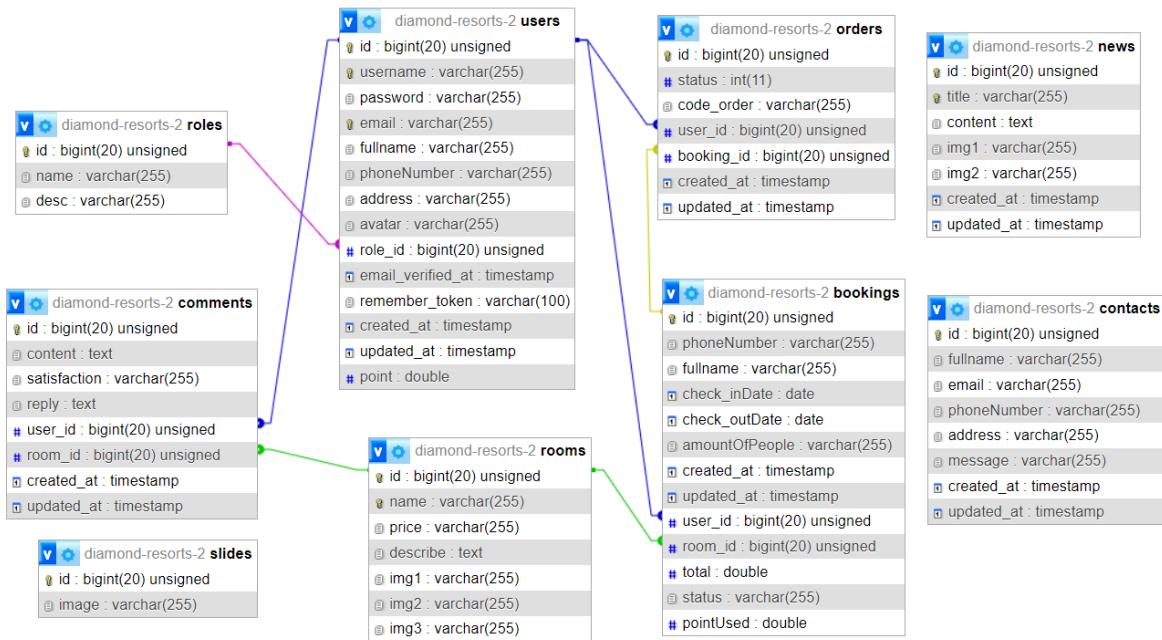
Hình 3-10. Bảng Bookings

Bảng News

Entity Name			Table Name								
News			News								
Attributes Properties Advanced Indexes Alternate Keys Others Relationship Storage Comments Notes DDL											
1	NewsID	NewsID	Integer	Not null							Ma tin tức
2	Title	Title	NVarChar(255)	Not null	Unique						Tiêu đề
3	Content	Content	NVarChar(255)	Not null							Nội dung
4	Image1	Image1	Image								Hình ảnh
5	Image2	Image2	Image								Hình ảnh
6	Created_at	Created_at	DateTime								Ngày tạo
7	Updated_at	Updated_at	DateTime								Ngày sửa

Hình 3-11. Bảng News

3.3 Quan hệ các bảng

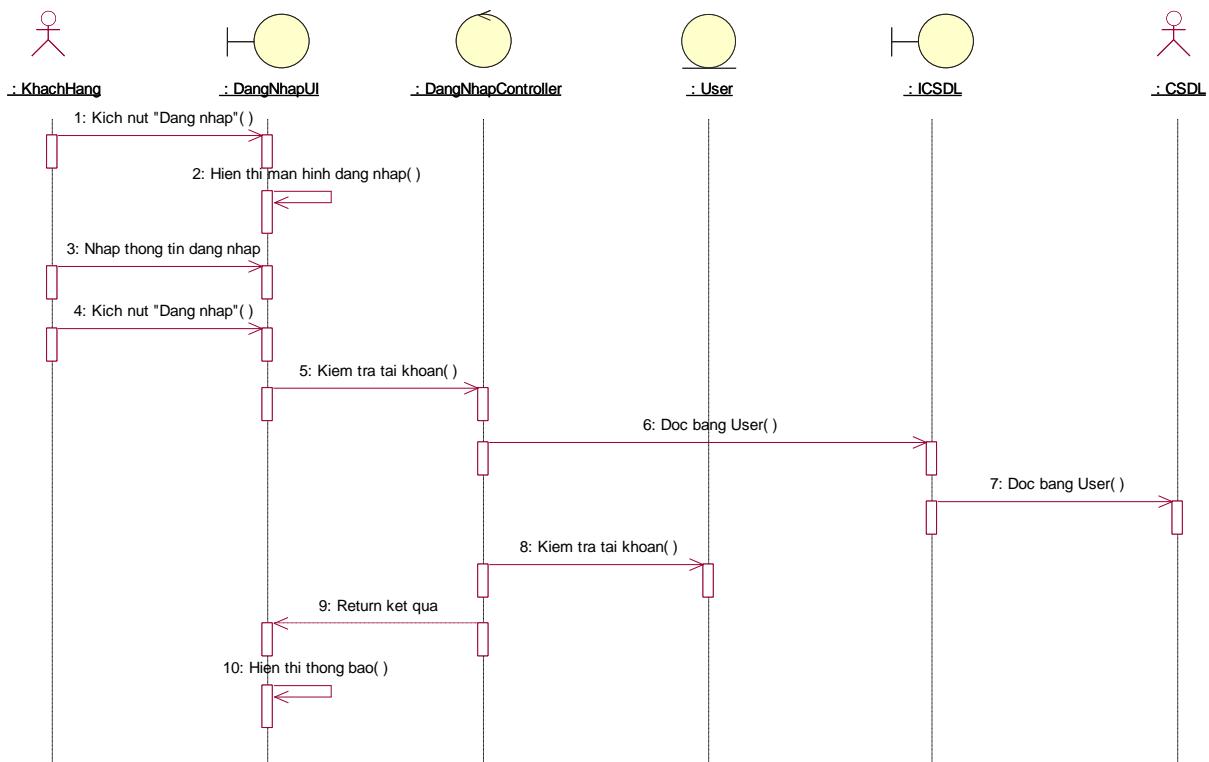


Hình 3-12. Quan hệ giữa các bảng

CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ CÁC CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG

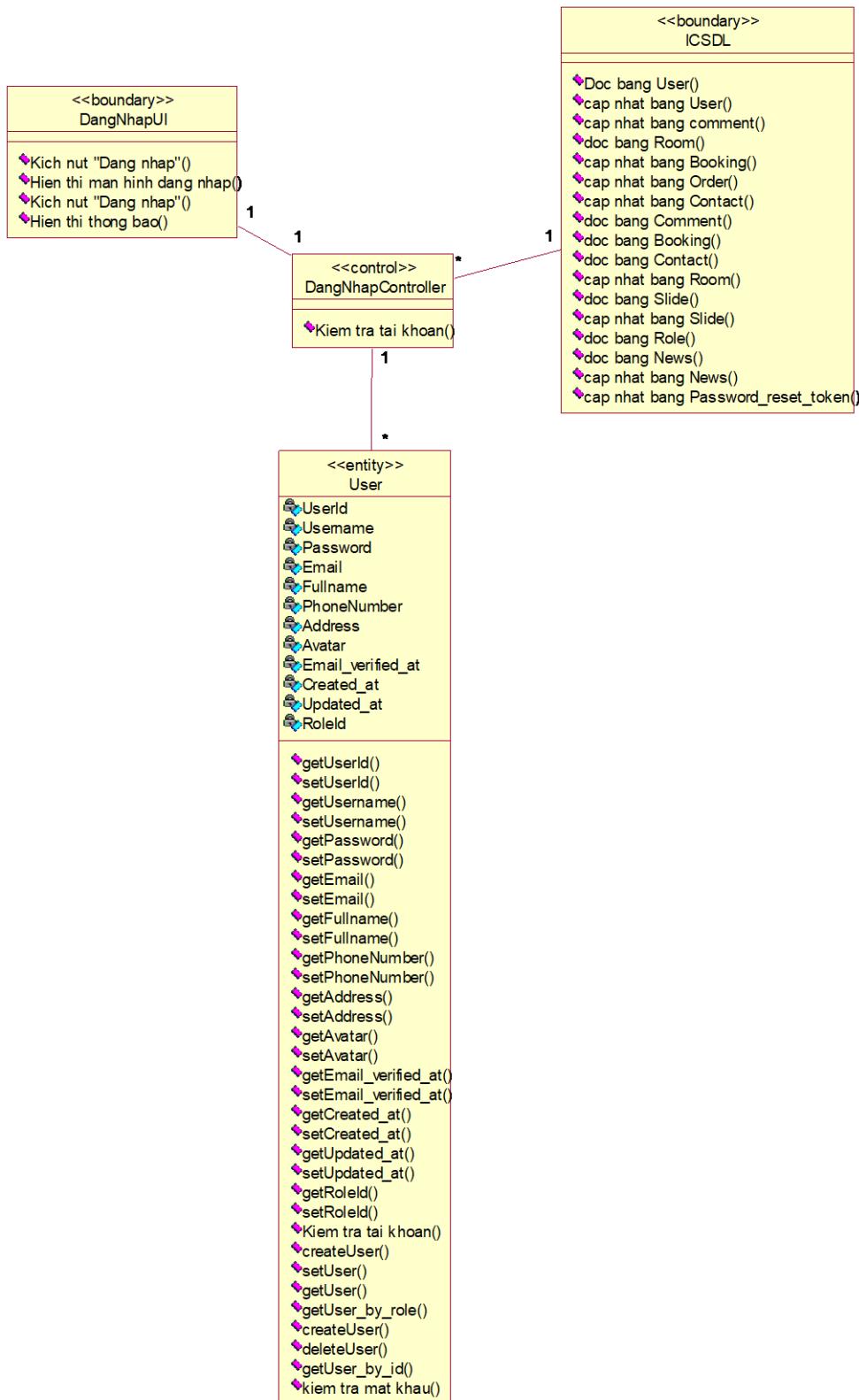
4.1 Use case Đăng nhập

4.1.1 Biểu đồ trình tự:



Hình 4-1. Biểu đồ trình tự use case Đăng nhập

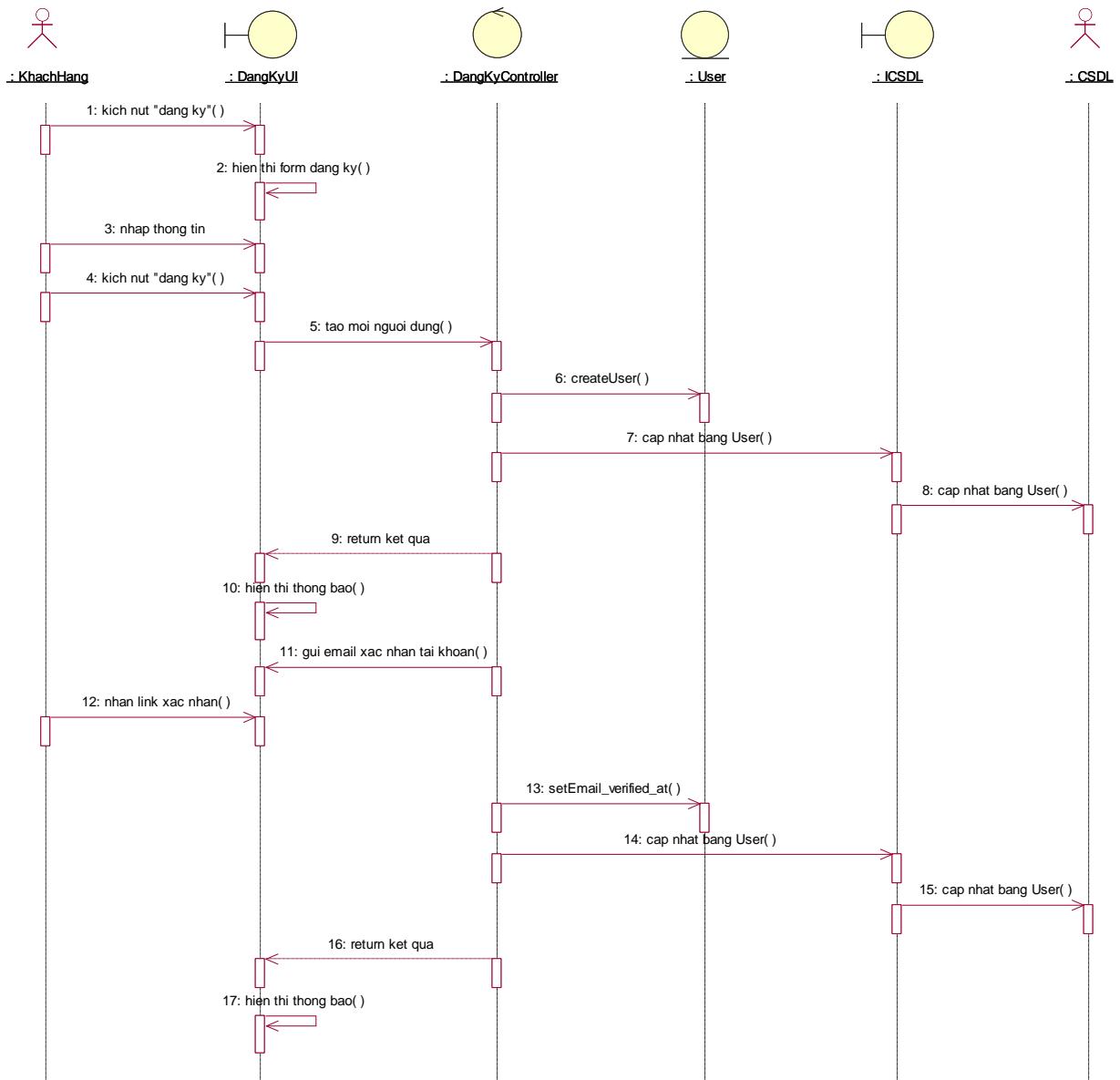
4.1.2 Biểu đồ lớp phân tích:



Hình 4-2. Biểu đồ lớp use case Đăng nhập

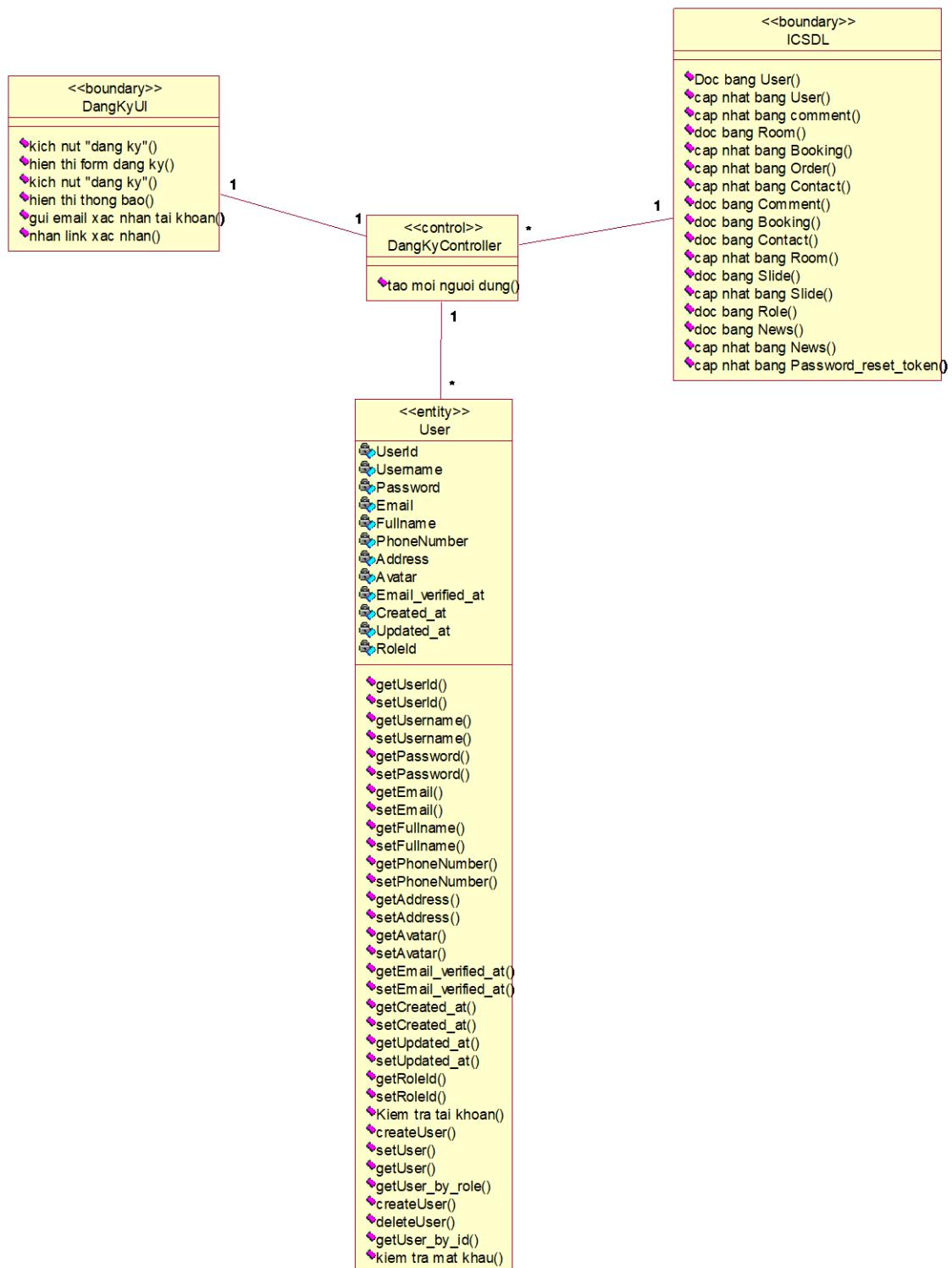
4.2 Use case Đăng ký

4.2.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-3. Biểu đồ trình tự use case Đăng ký

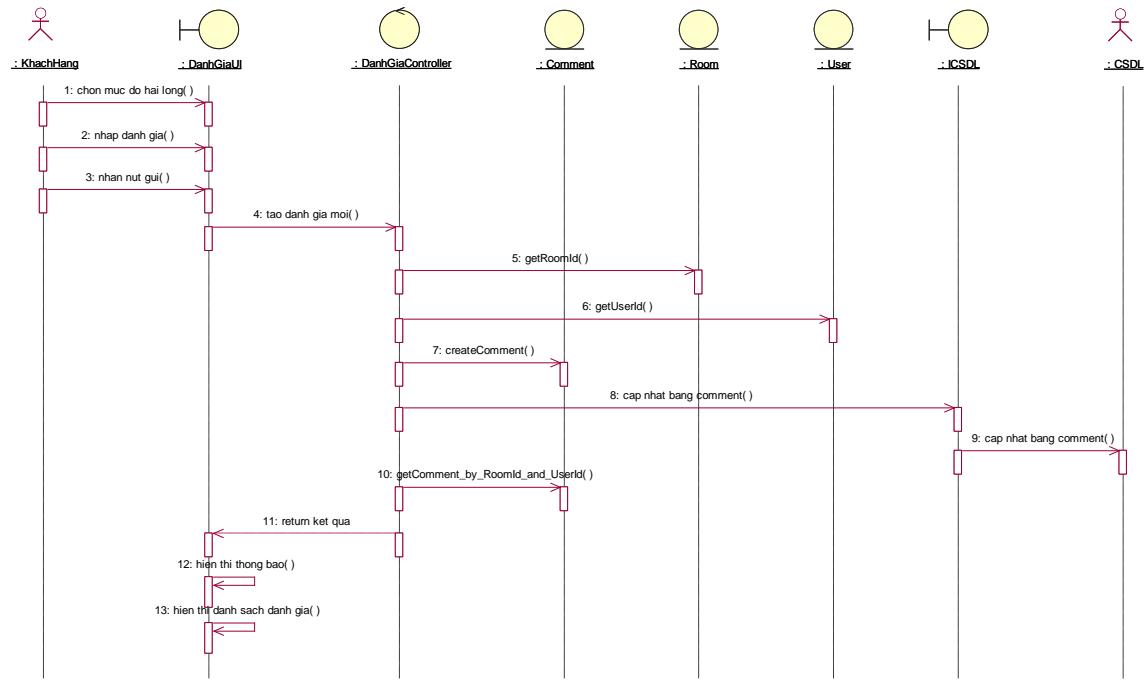
4.2.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-4. Biểu đồ lớp use case Đăng ký

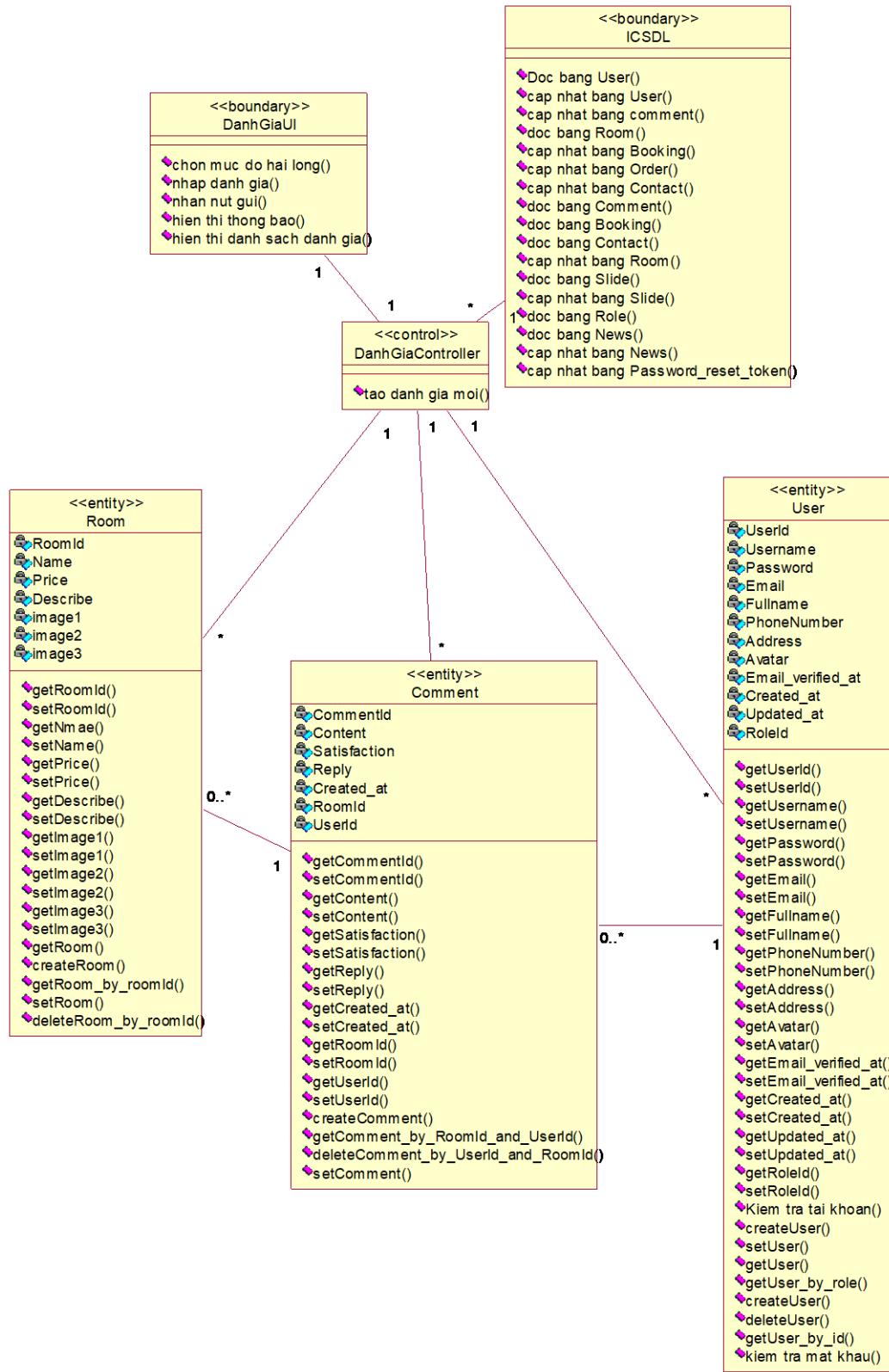
4.3 Use case Đánh giá

4.3.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-5. Biểu đồ trình tự use case Đánh giá

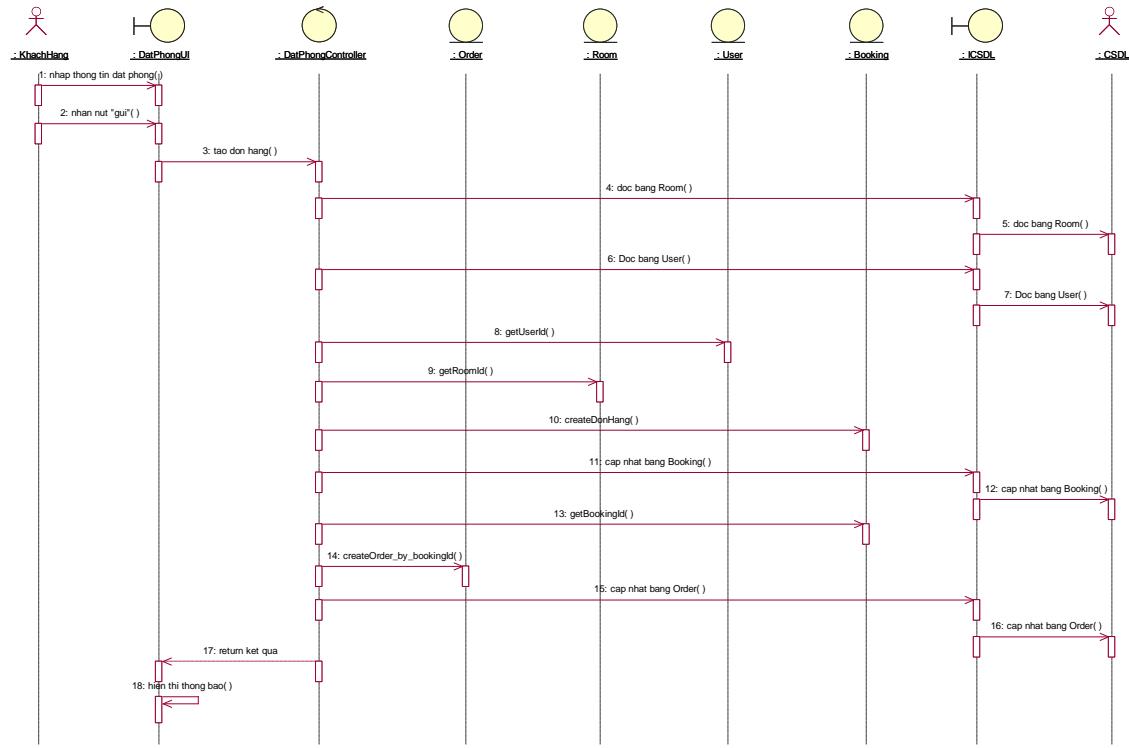
4.3.2 Biểu đồ lớp use case Đánh giá



Hình 4-6. Biểu đồ lớp use case Đánh giá

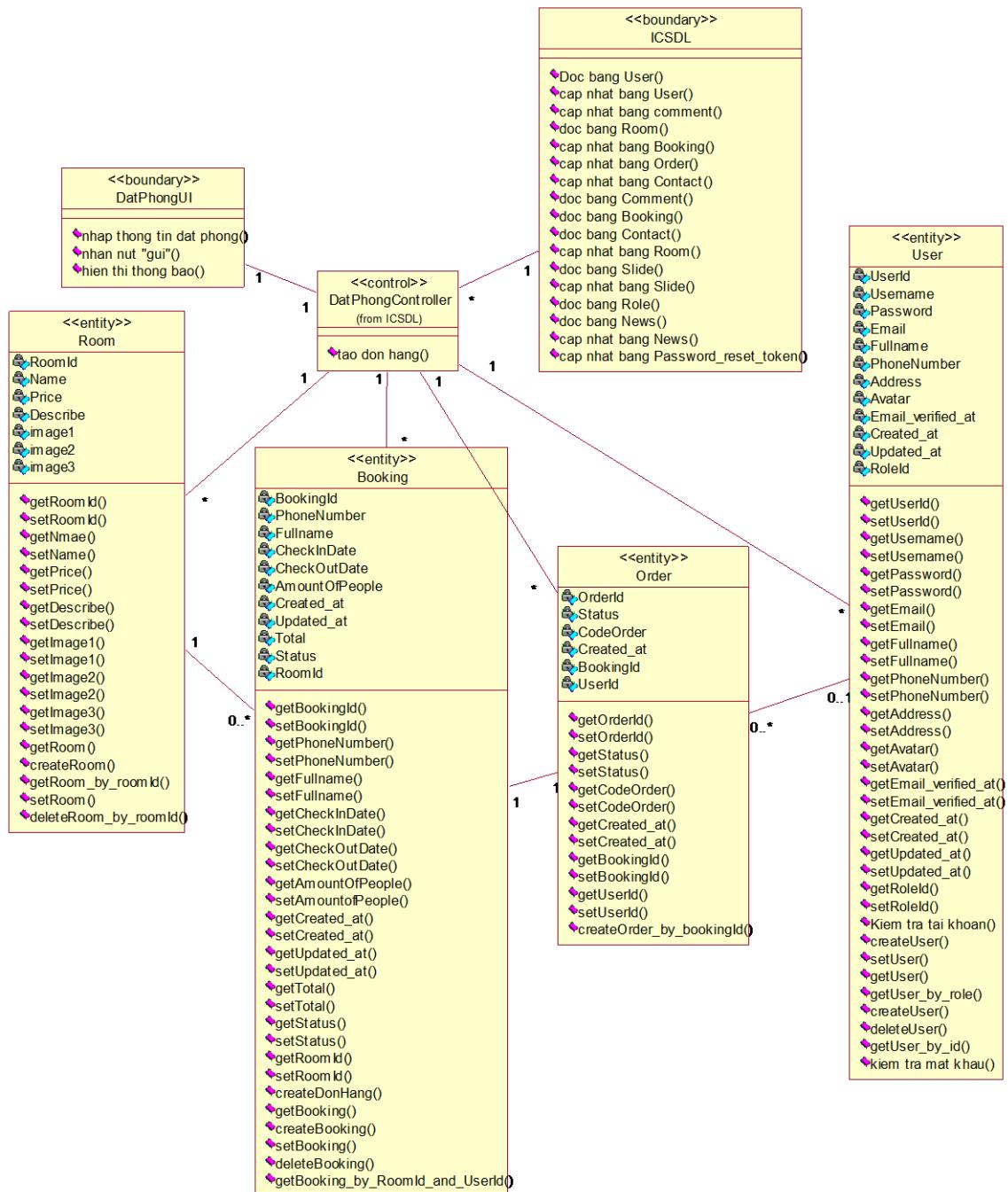
4.4 Use case Đặt phòng

4.4.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-7. Biểu đồ trình tự use case Đặt phòng

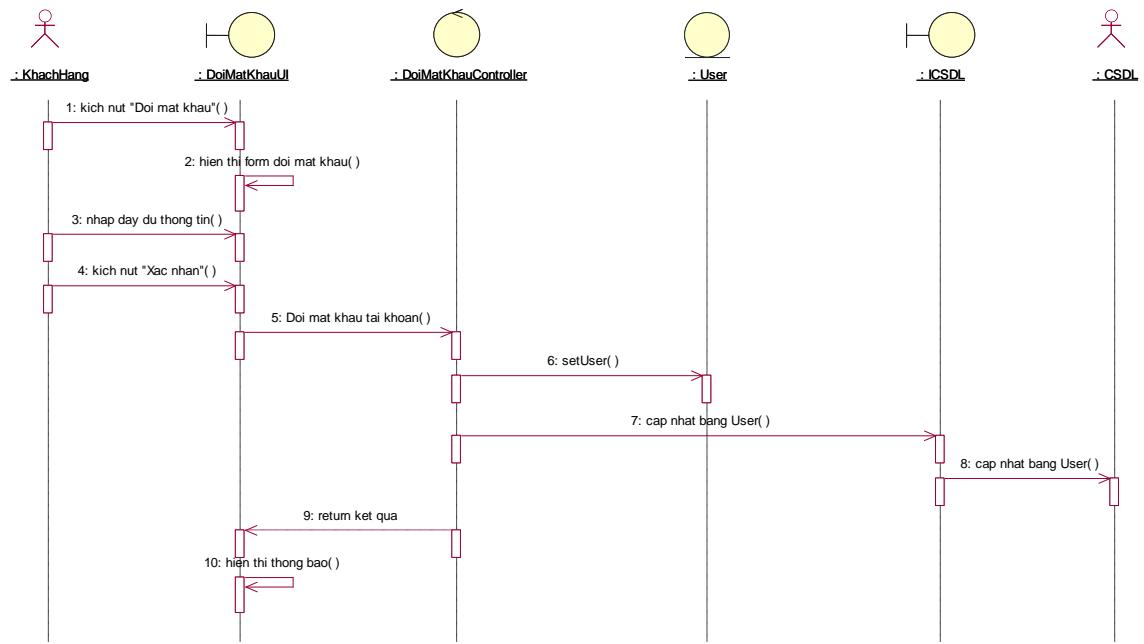
4.4.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-8. Biểu đồ trình tự use case Đặt phòng

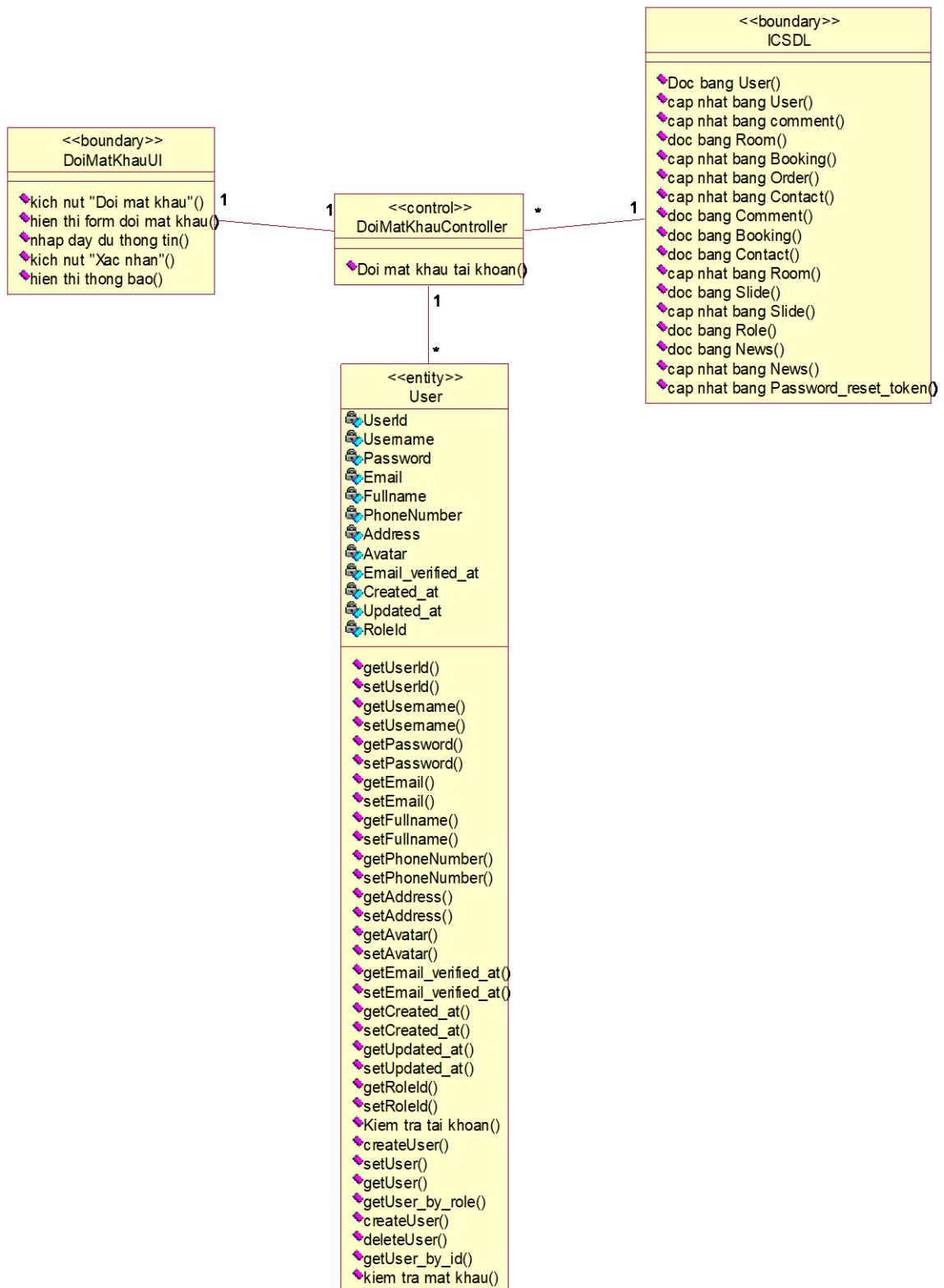
4.5 Use case Đổi mật khẩu

4.5.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-9. Biểu đồ trình tự use case Đổi mật khẩu

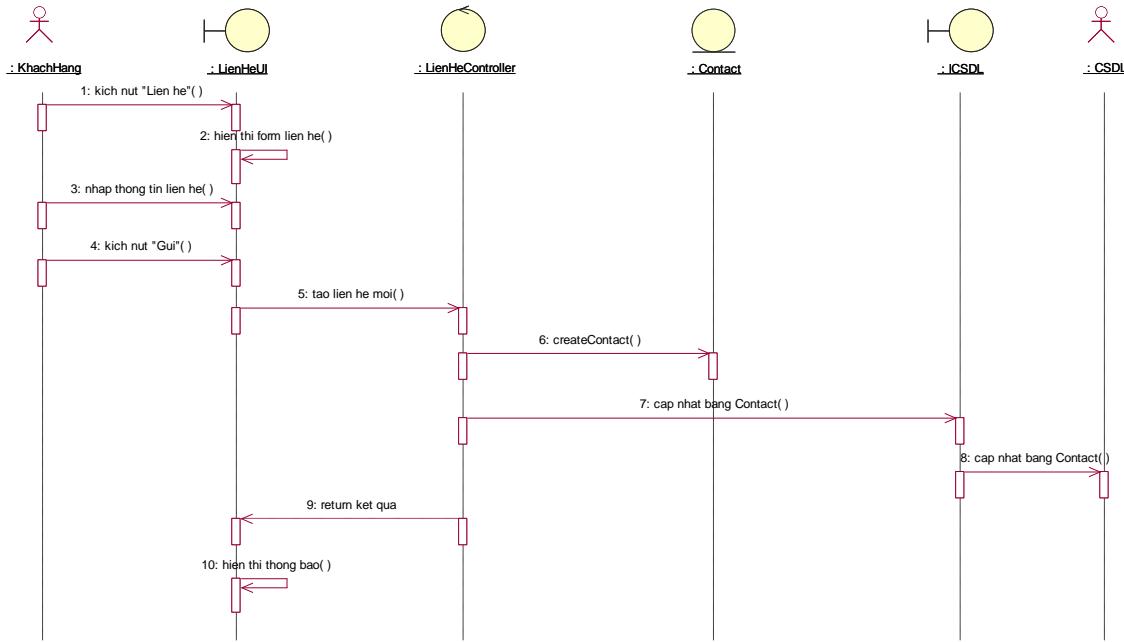
4.5.2 Biểu đồ lớp use case Đổi mật khẩu



Hình 4-10. Biểu đồ lớp use case Đổi mật khẩu

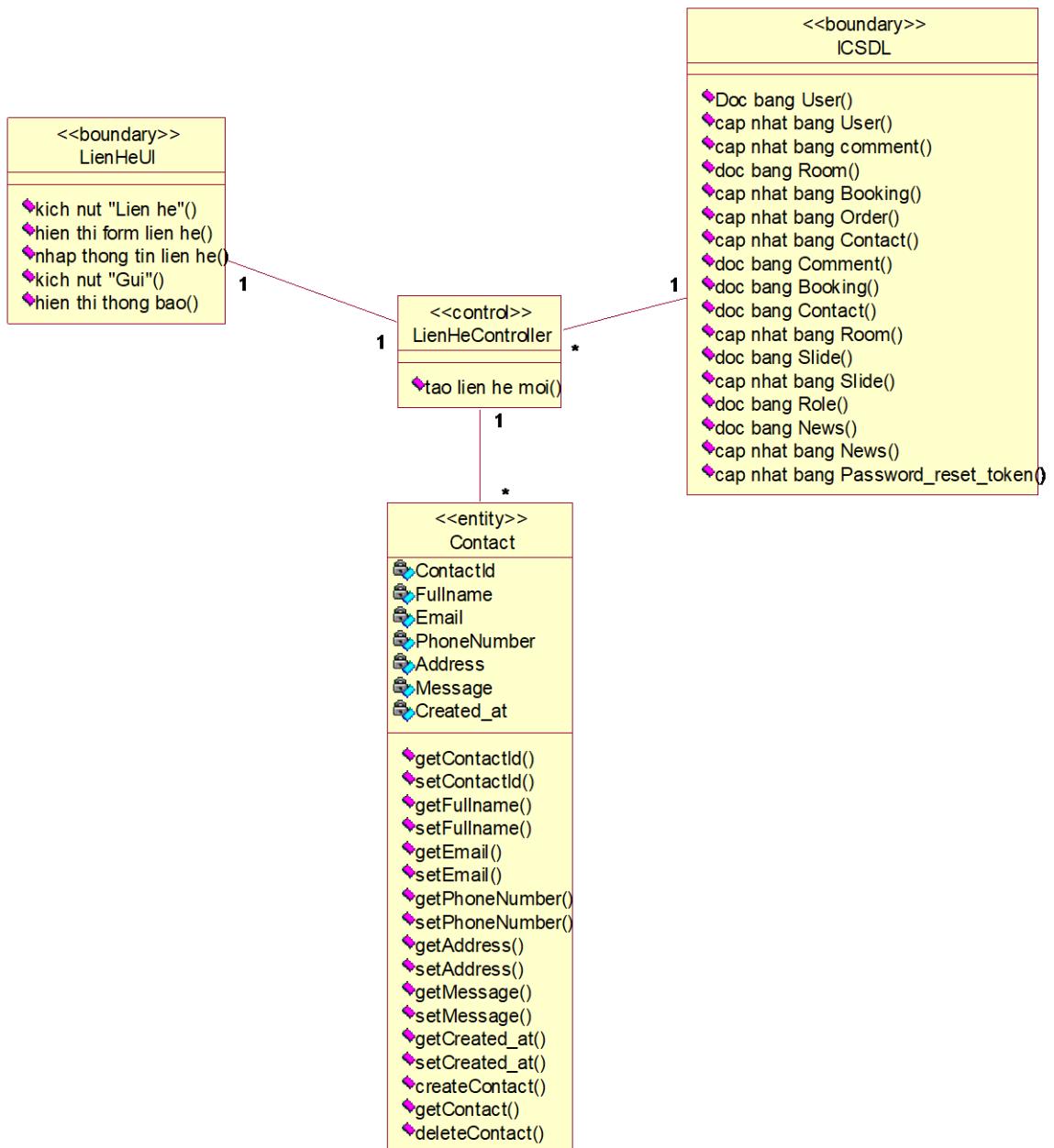
4.6 Use case Liên hệ

4.6.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-11. Biểu đồ trình tự use case Liên hệ

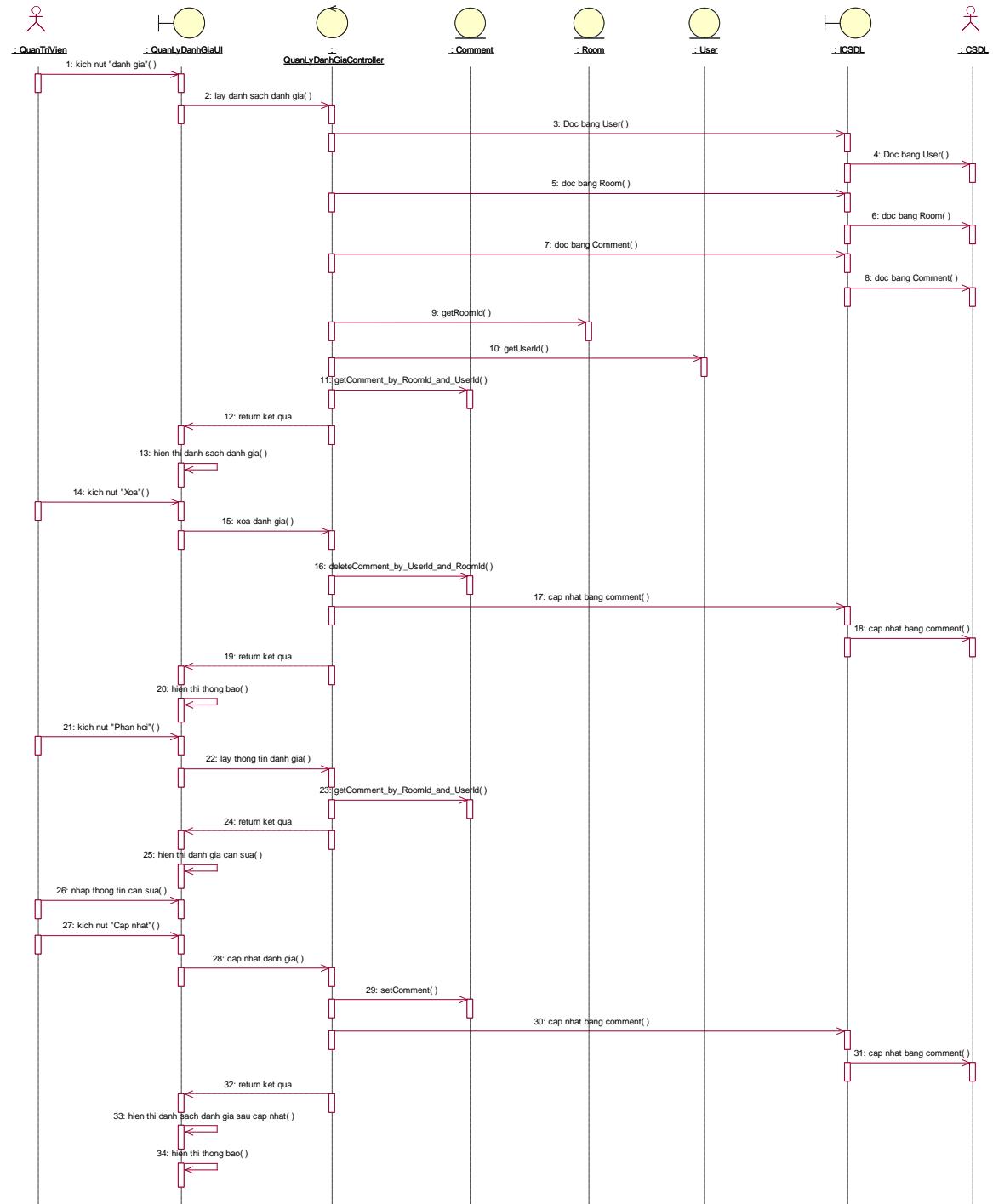
4.6.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-12. Biểu đồ lớp use case Liên hệ

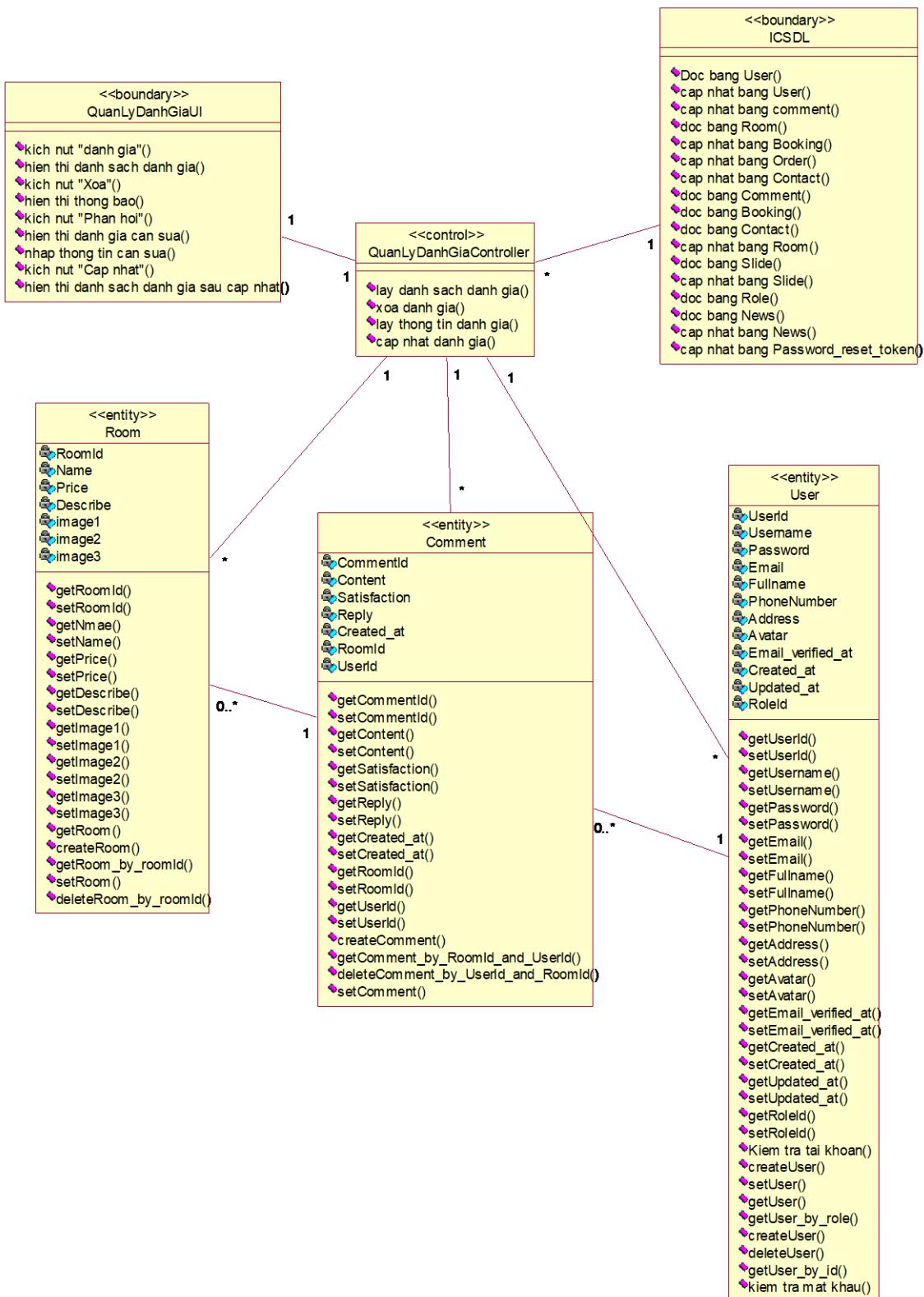
4.7 Use case Quản lý đánh giá

4.7.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-13. Biểu đồ trình tự use case Quản lý đánh giá

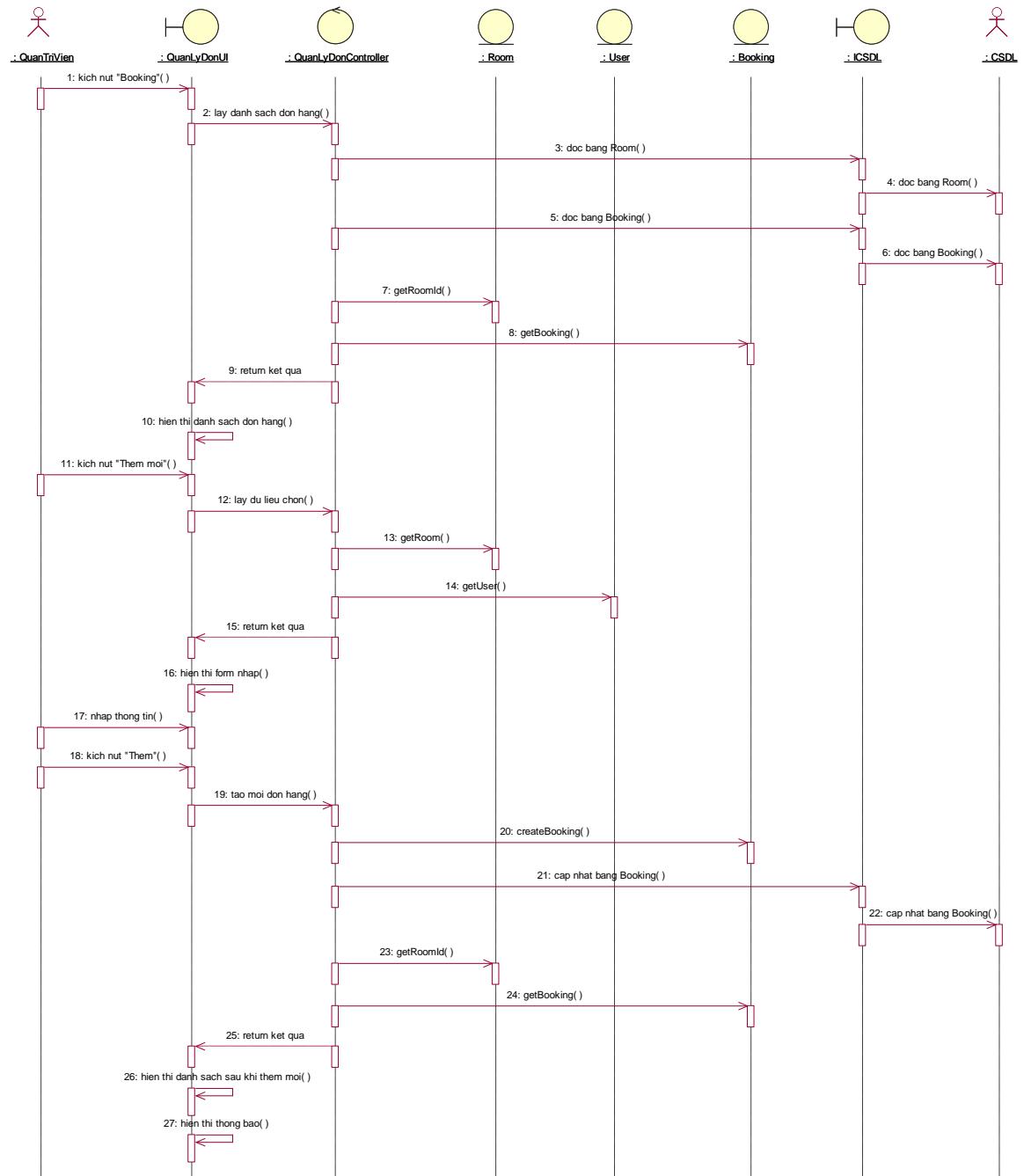
4.7.2 Biểu đồ lớp

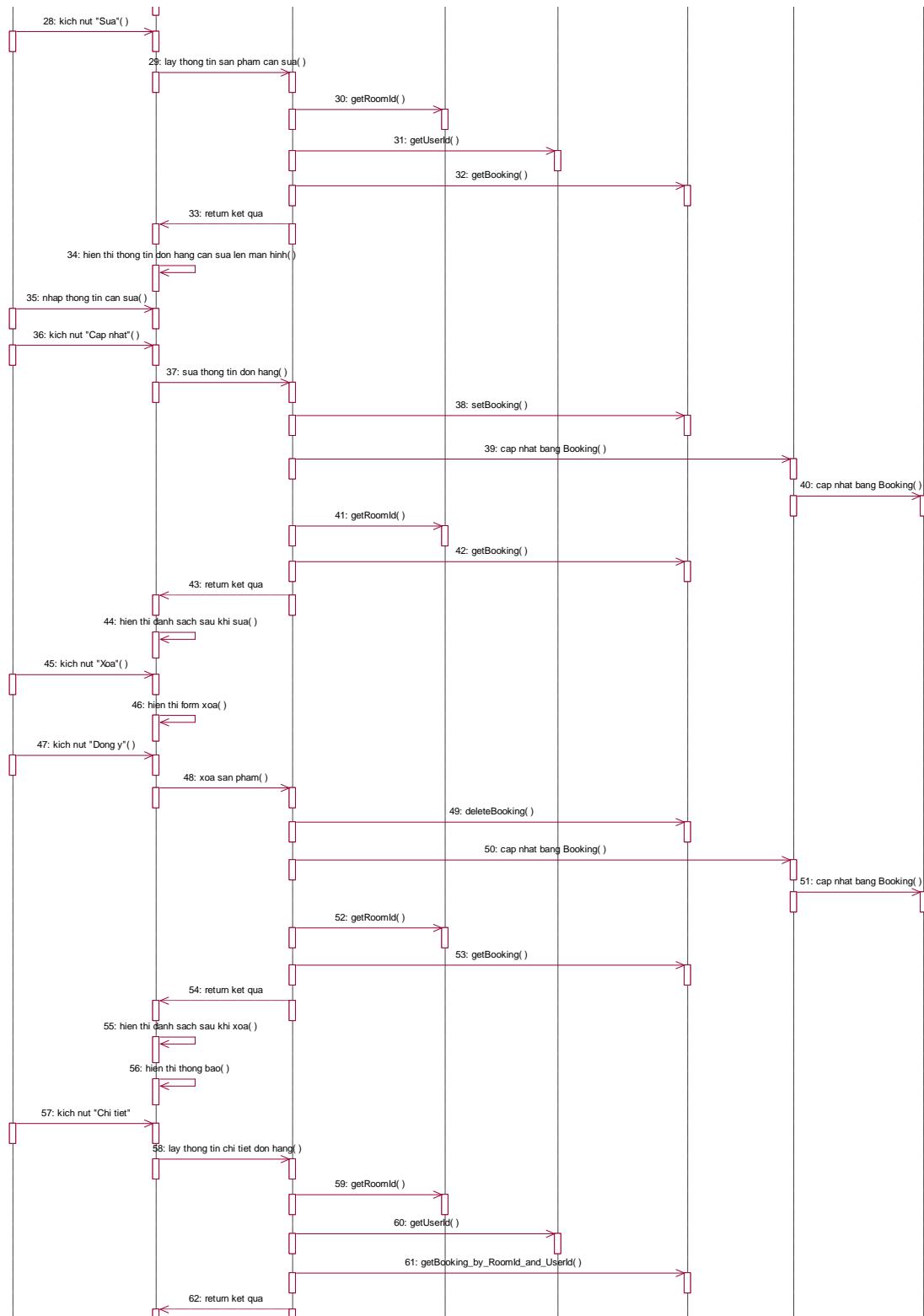


Hình 4-14. Biểu đồ lớp use case Quản lý đánh giá

4.8 Use case Quản lý đơn

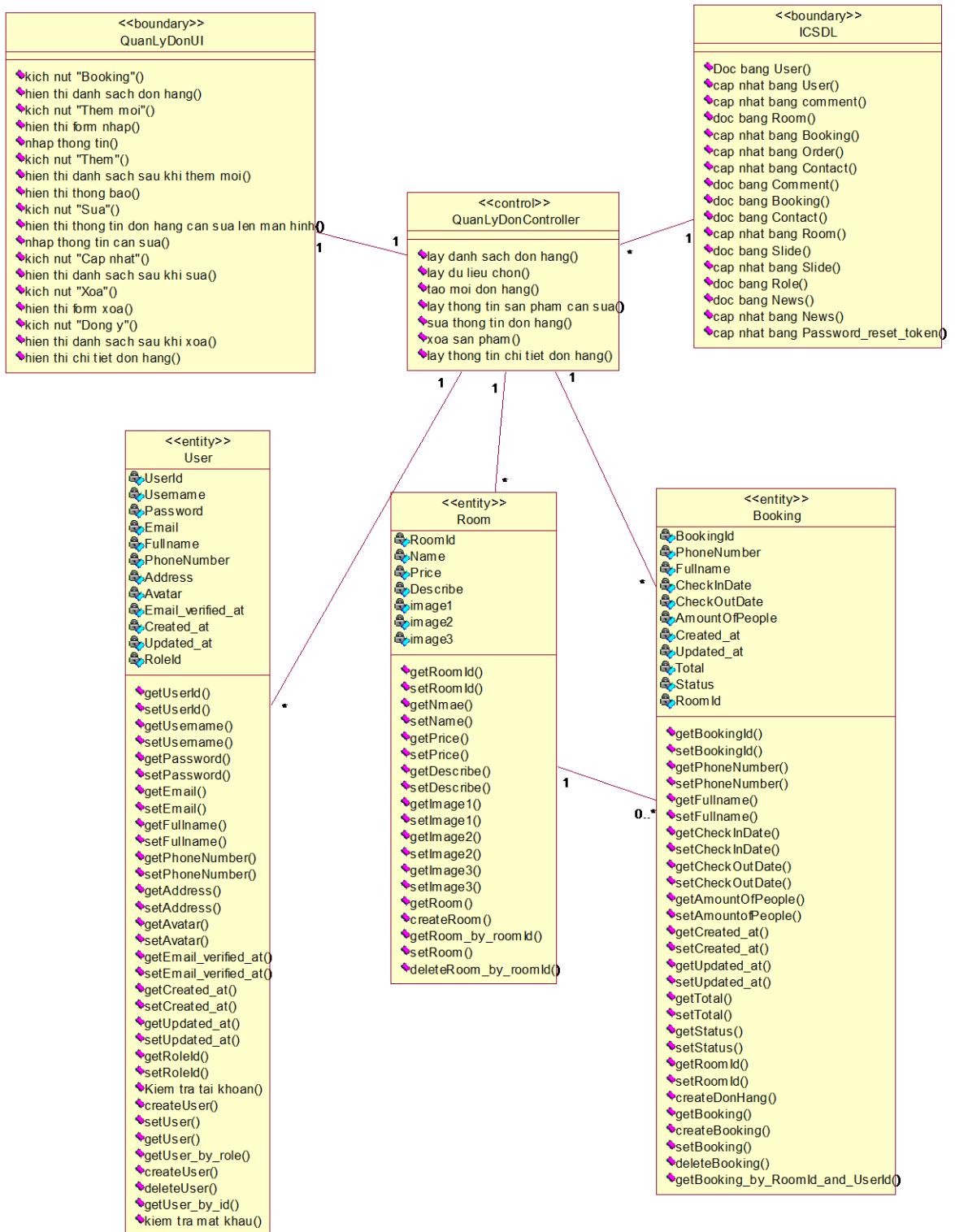
4.8.1 Biểu đồ trình tự





Hình 4-15. Biểu đồ trình tự use case Quản lý đơn

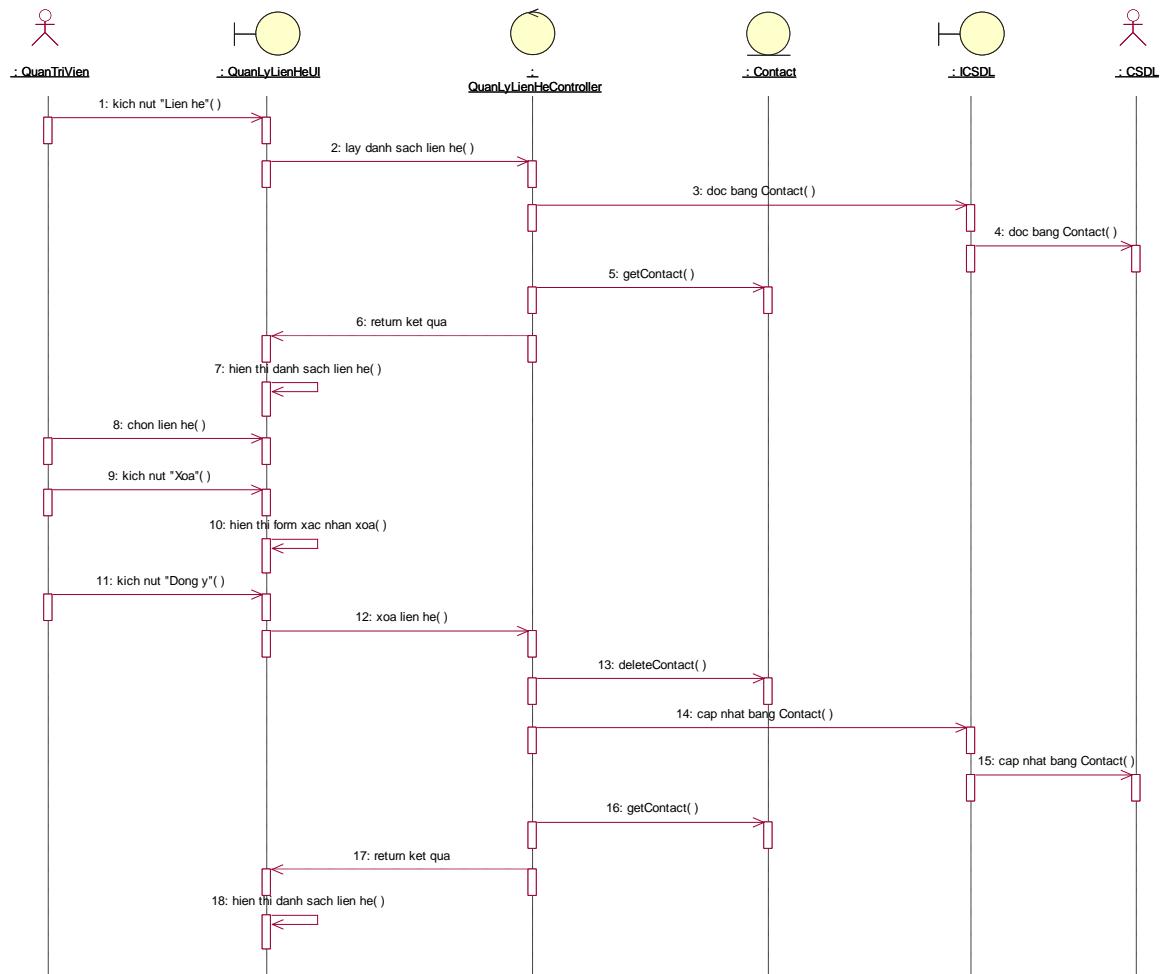
4.8.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-16. Biểu đồ lớp use case Quản lý đơn

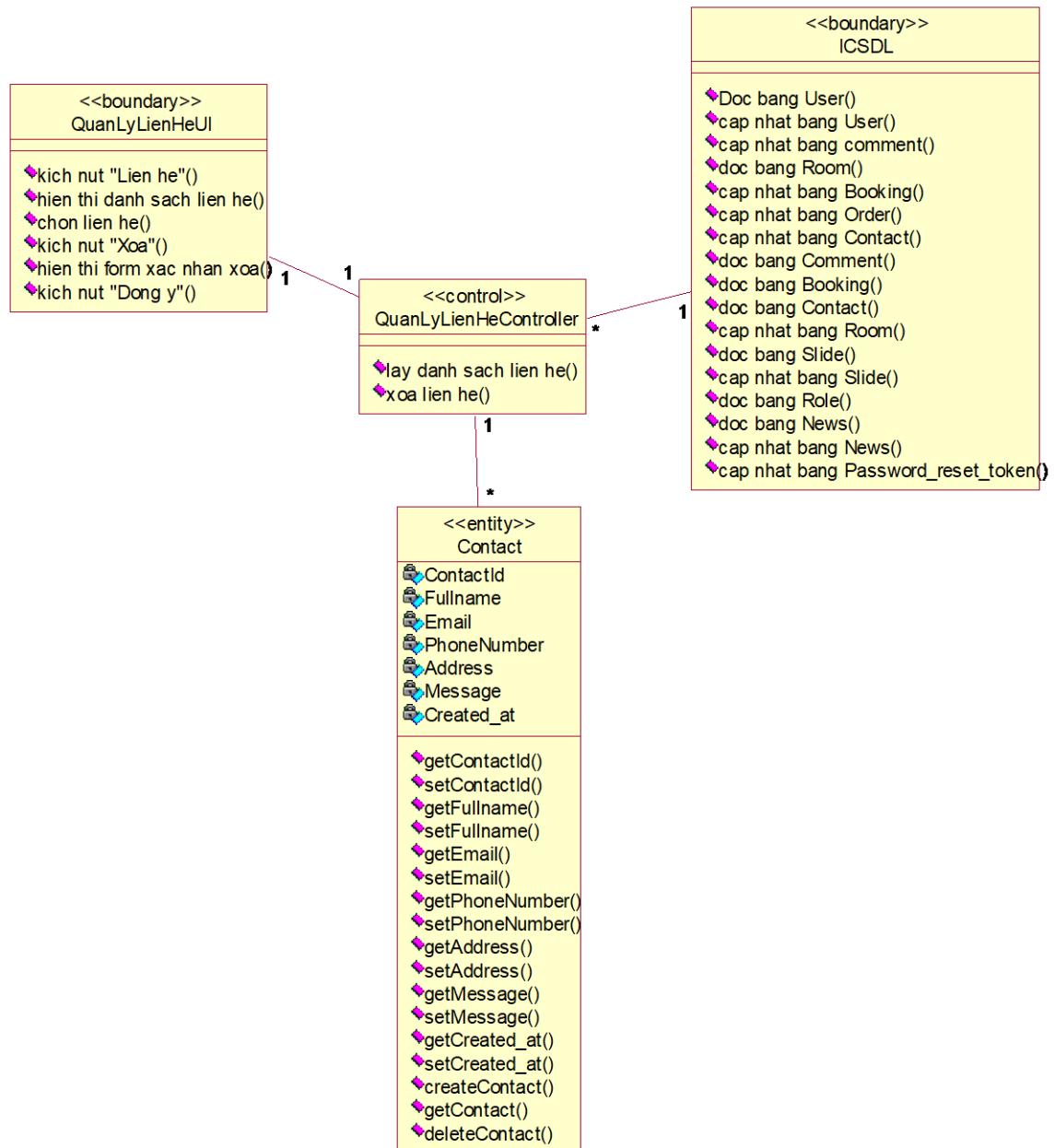
4.9 Use case Quản lý liên hệ

4.9.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-17. Biểu đồ trình tự use case Quản lý liên hệ

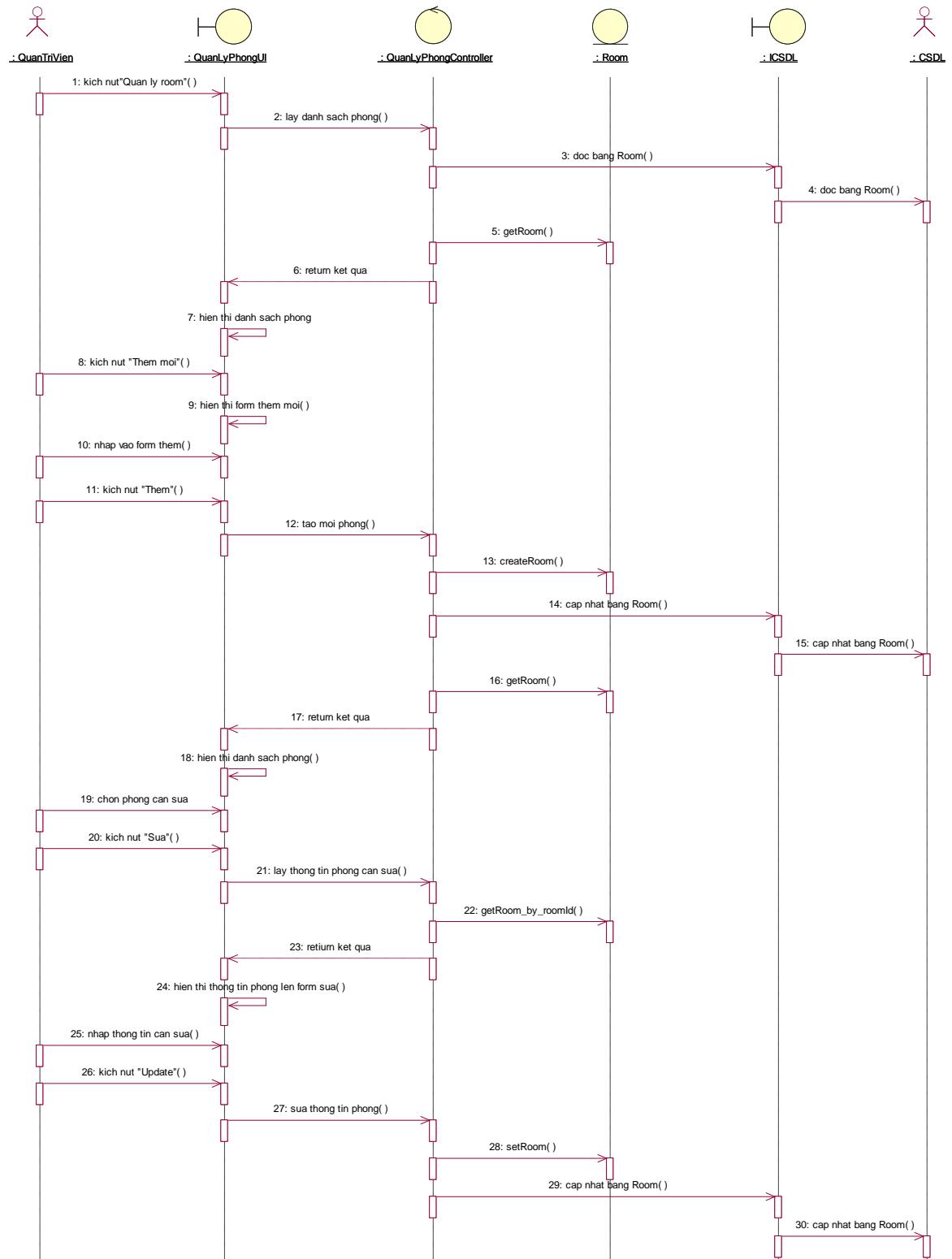
4.9.2 Biểu đồ lớp

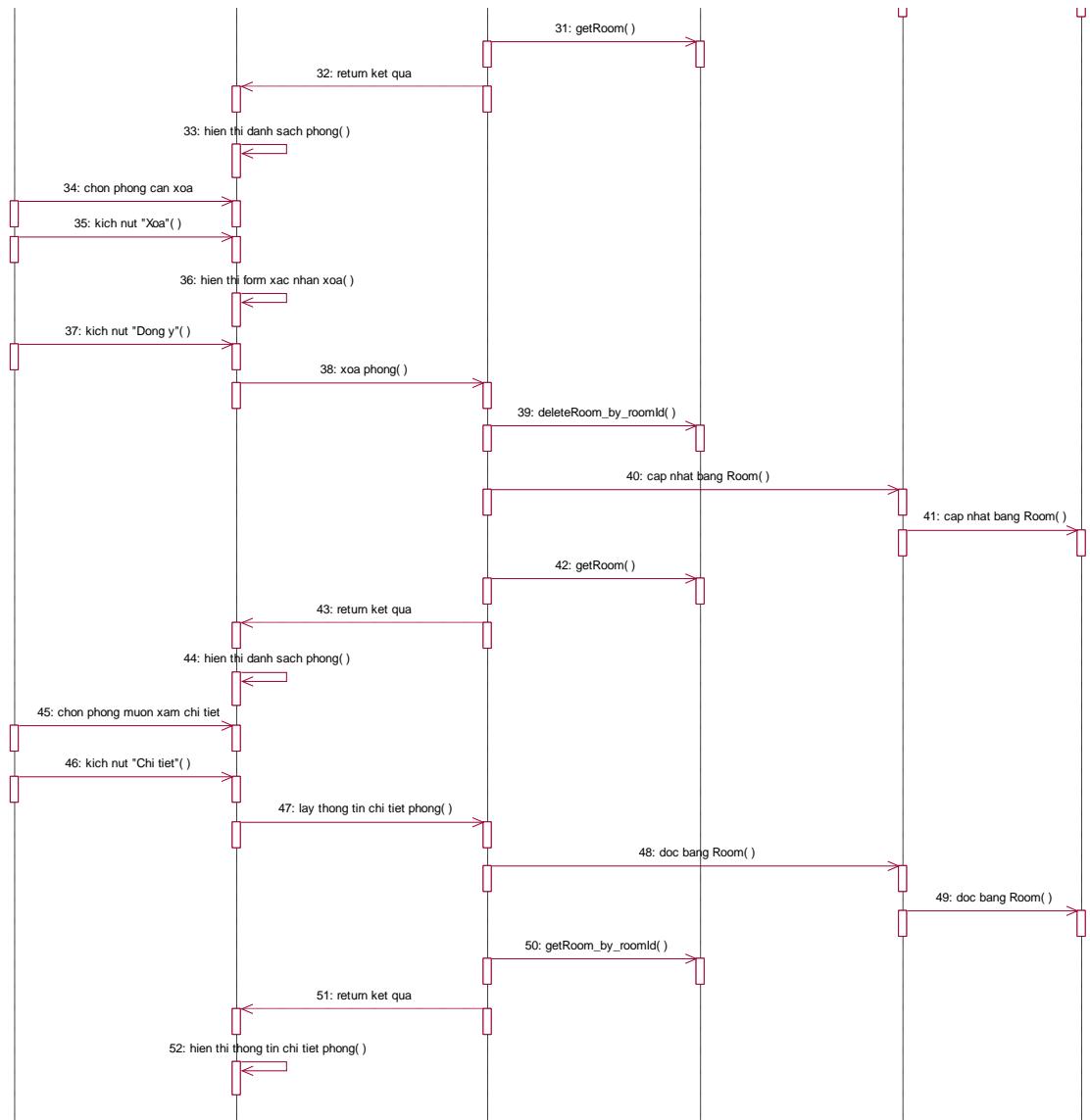


Hình 4-18. Biểu đồ lớp use case Quản lý liên hệ

4.10 Use case Quản lý phòng

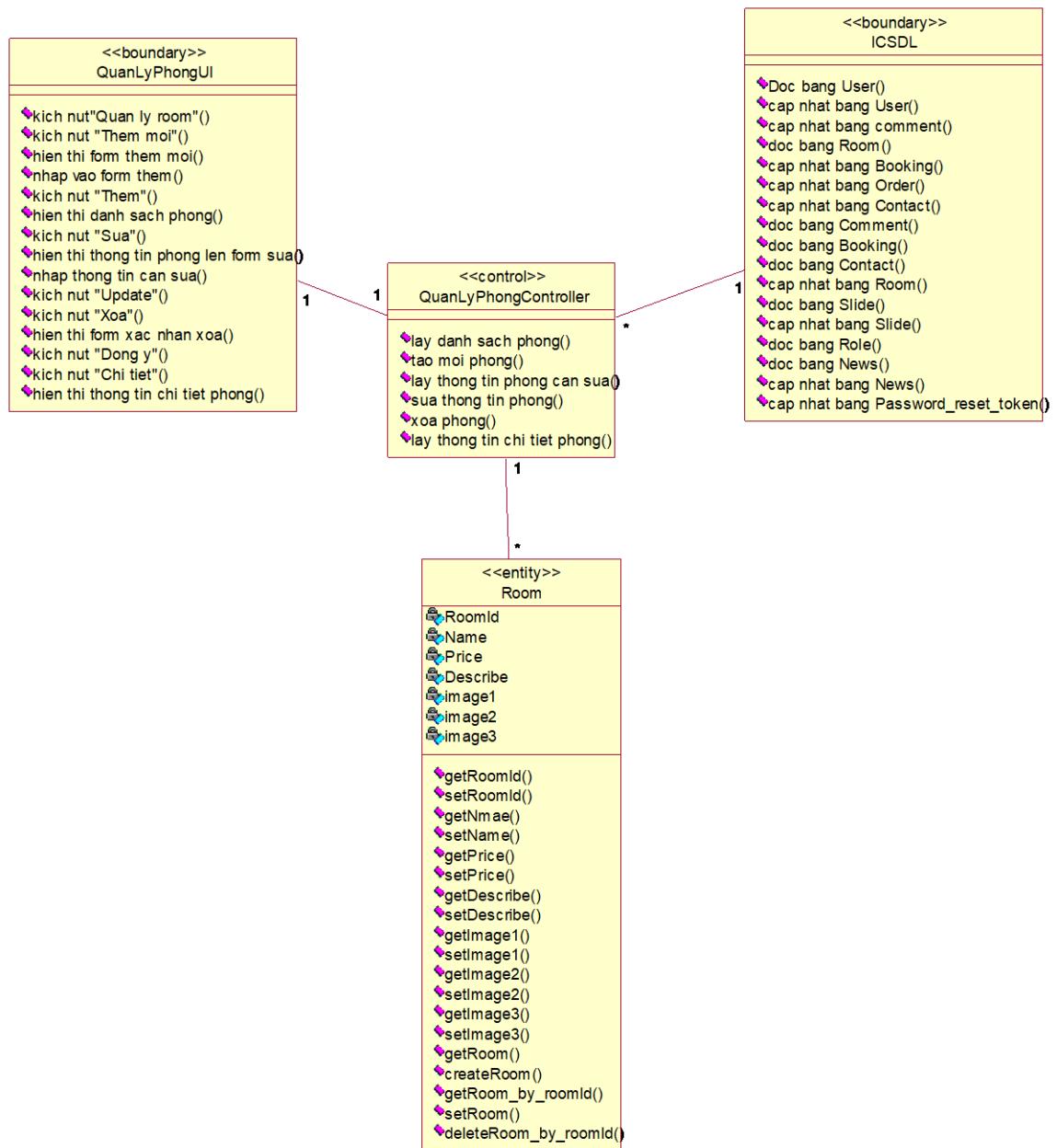
4.10.1 Biểu đồ trình tự





Hình 4-19. Biểu đồ trình tự use case Quản lý phòng

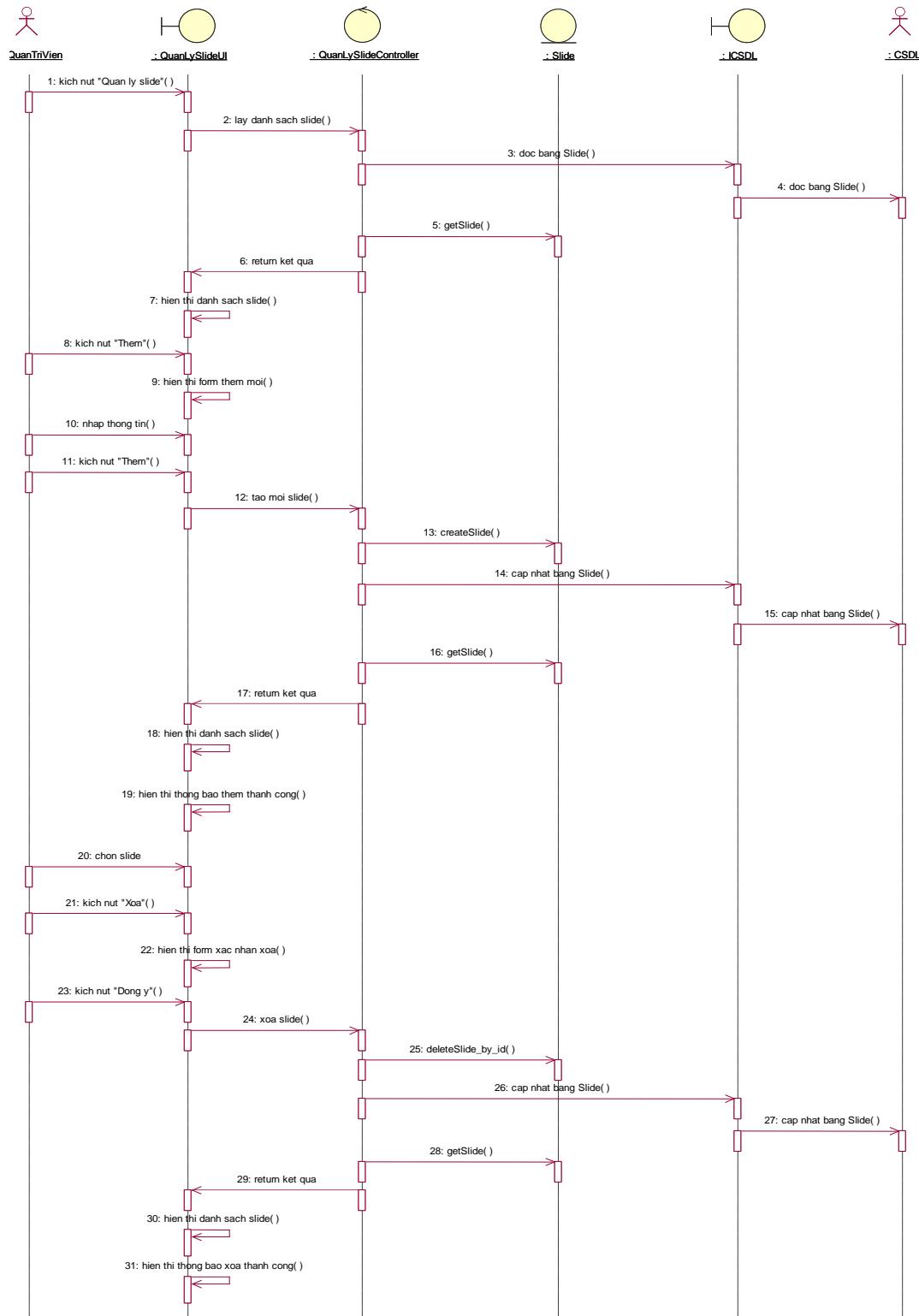
4.10.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-20. Biểu đồ trình tự use case Quản lý phòng

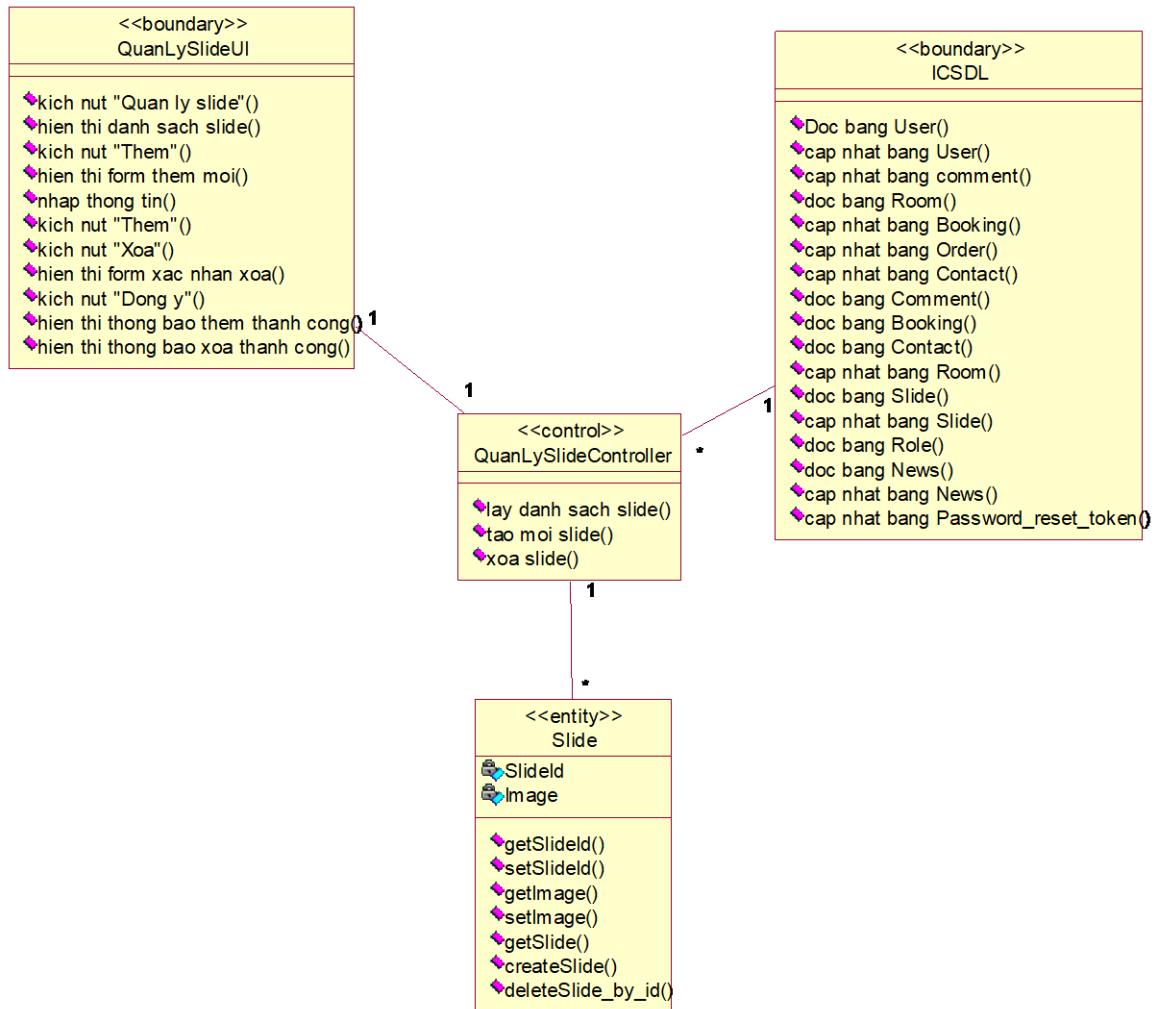
4.11 Use case Quản lý slide

4.11.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-21. Biểu đồ trình tự use case Quản lý slide

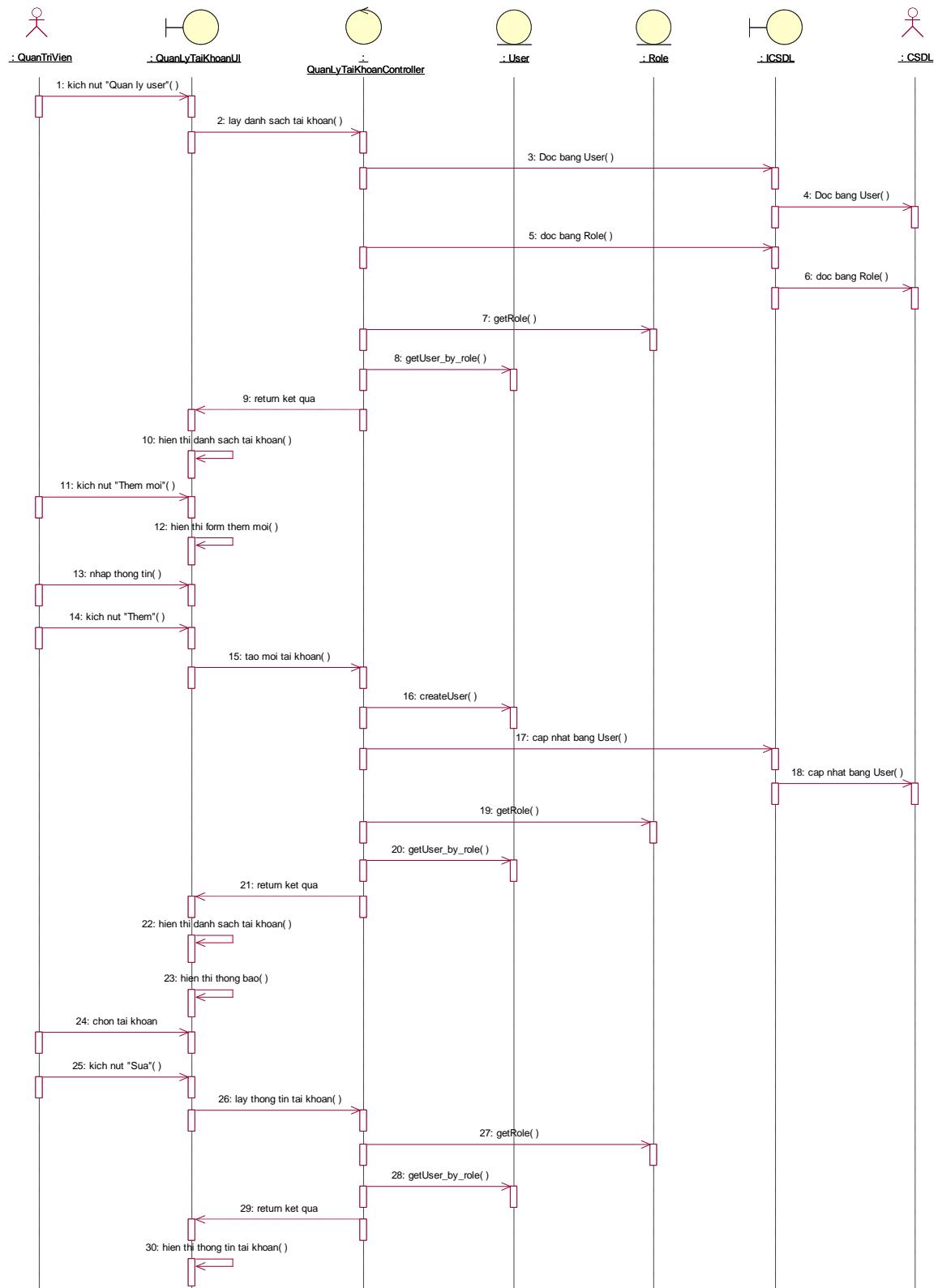
4.11.2 Biểu đồ lớp

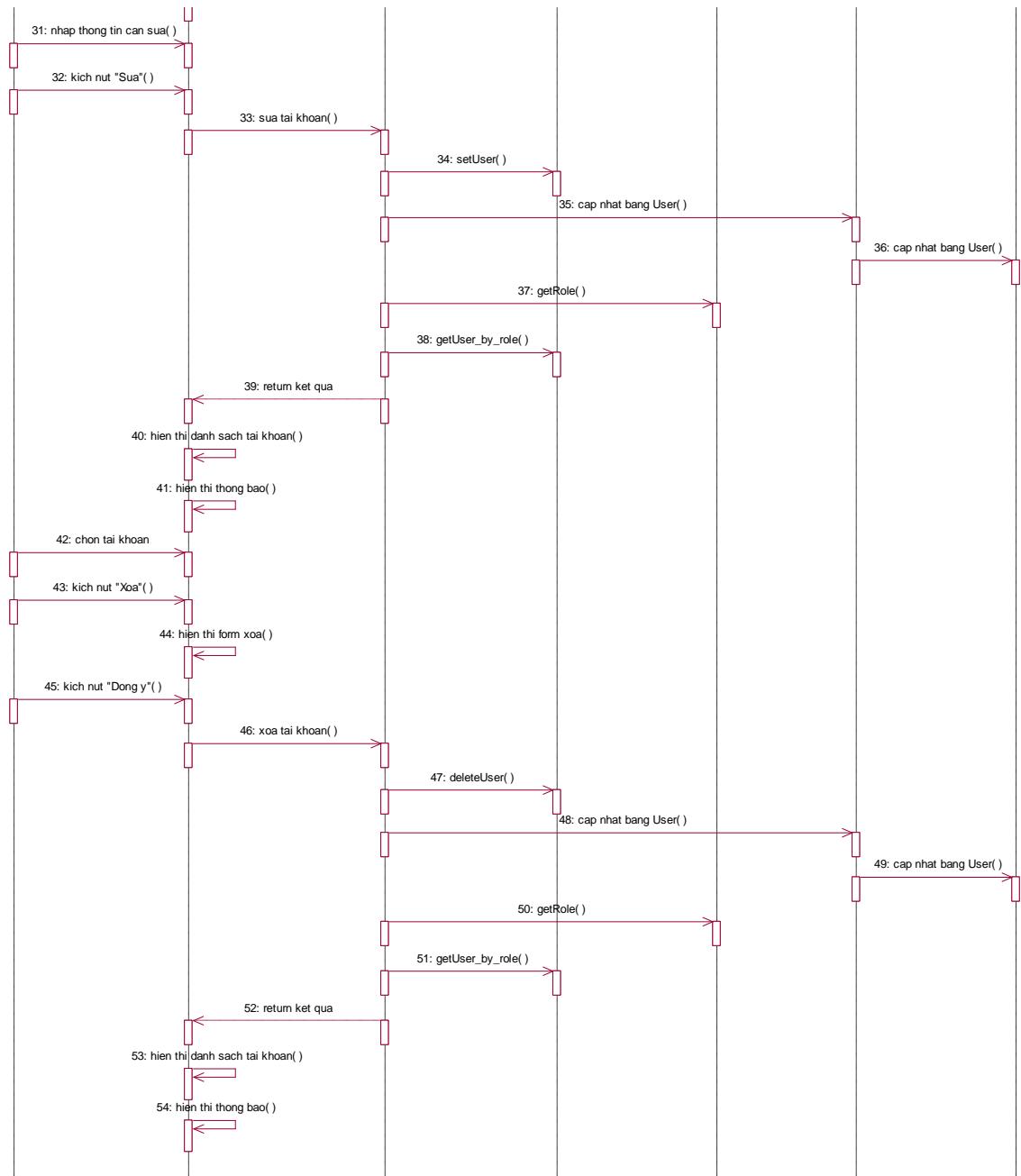


Hình 4-22. Biểu đồ lớp use case Quản lý slide

4.12 Use case Quản lý tài khoản

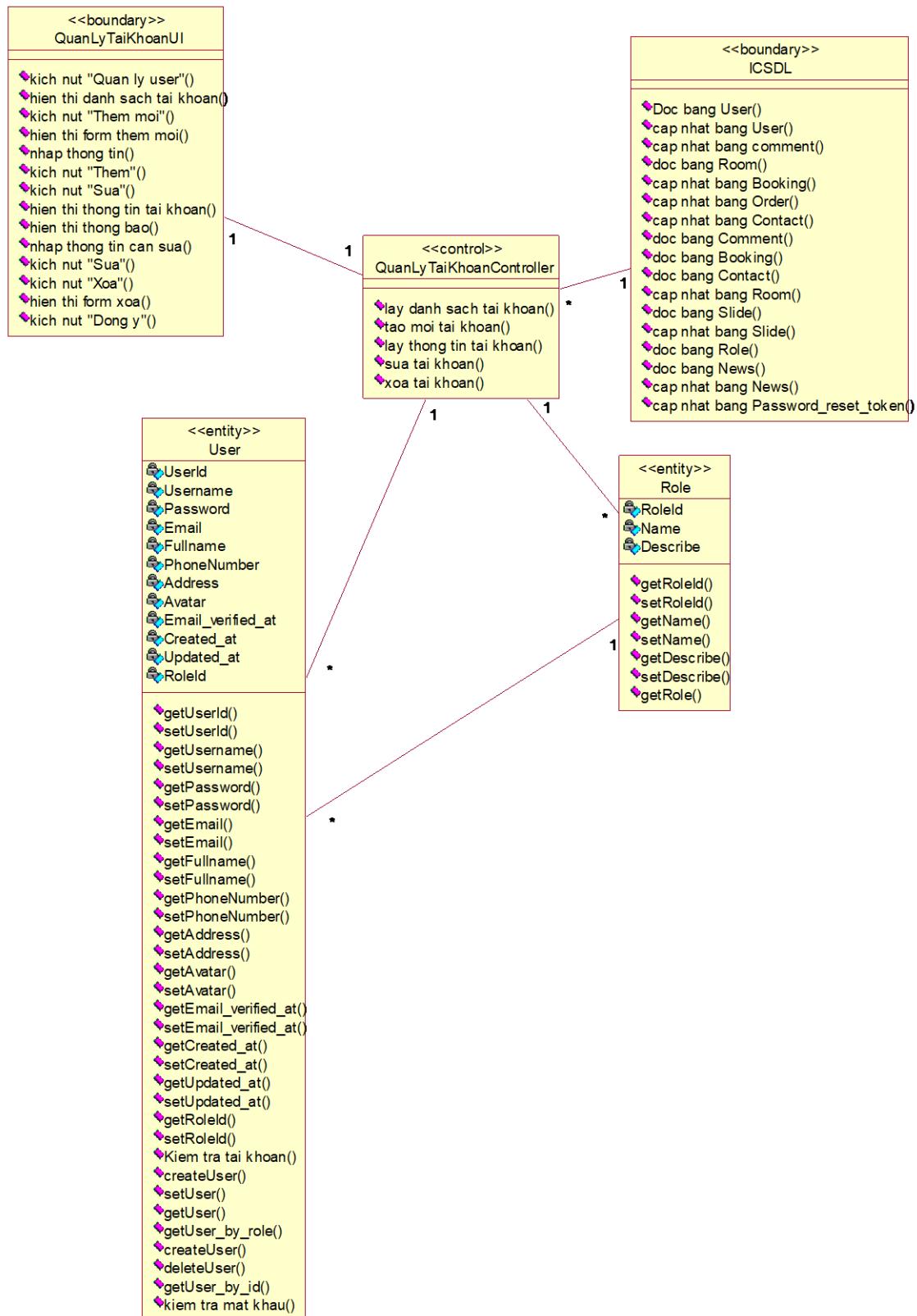
4.12.1 Biểu đồ trình tự





Hình 4-23. Biểu đồ trình tự use case Quản lý tài khoản

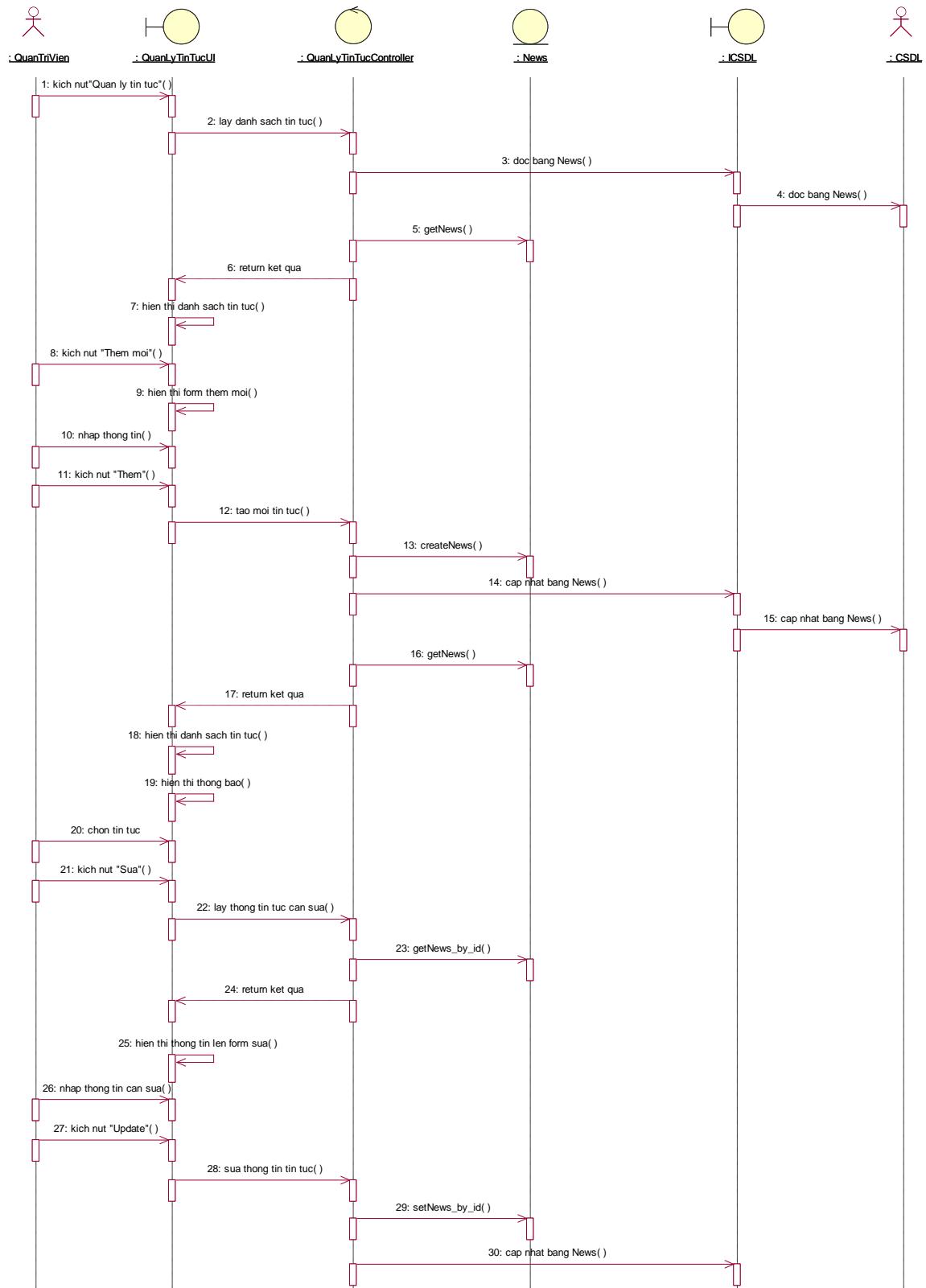
4.12.2 Biểu đồ lớp

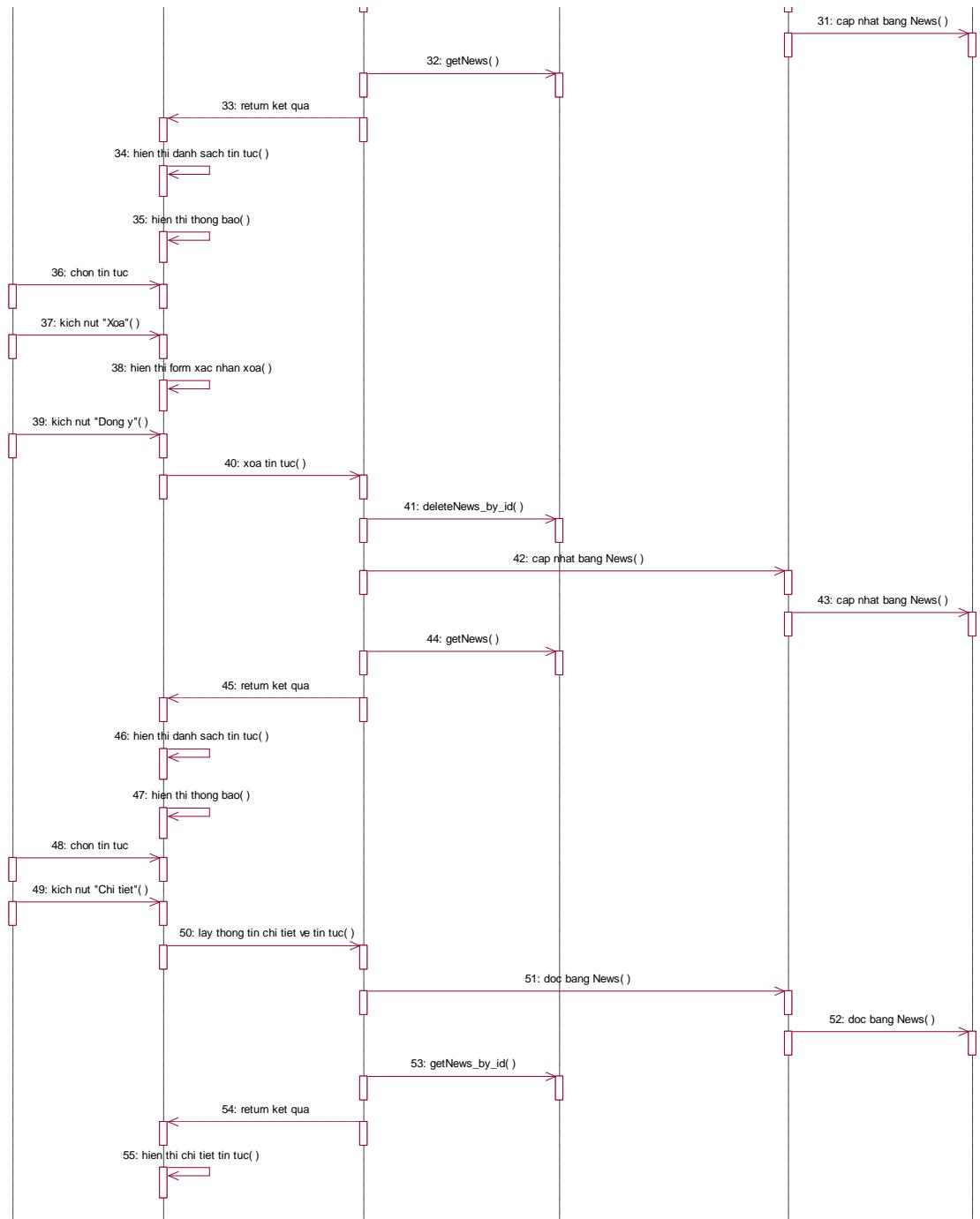


Hình 4-24. Biểu đồ lớp use case Quản lý tài khoản

4.13 Use case Quản lý tin tức

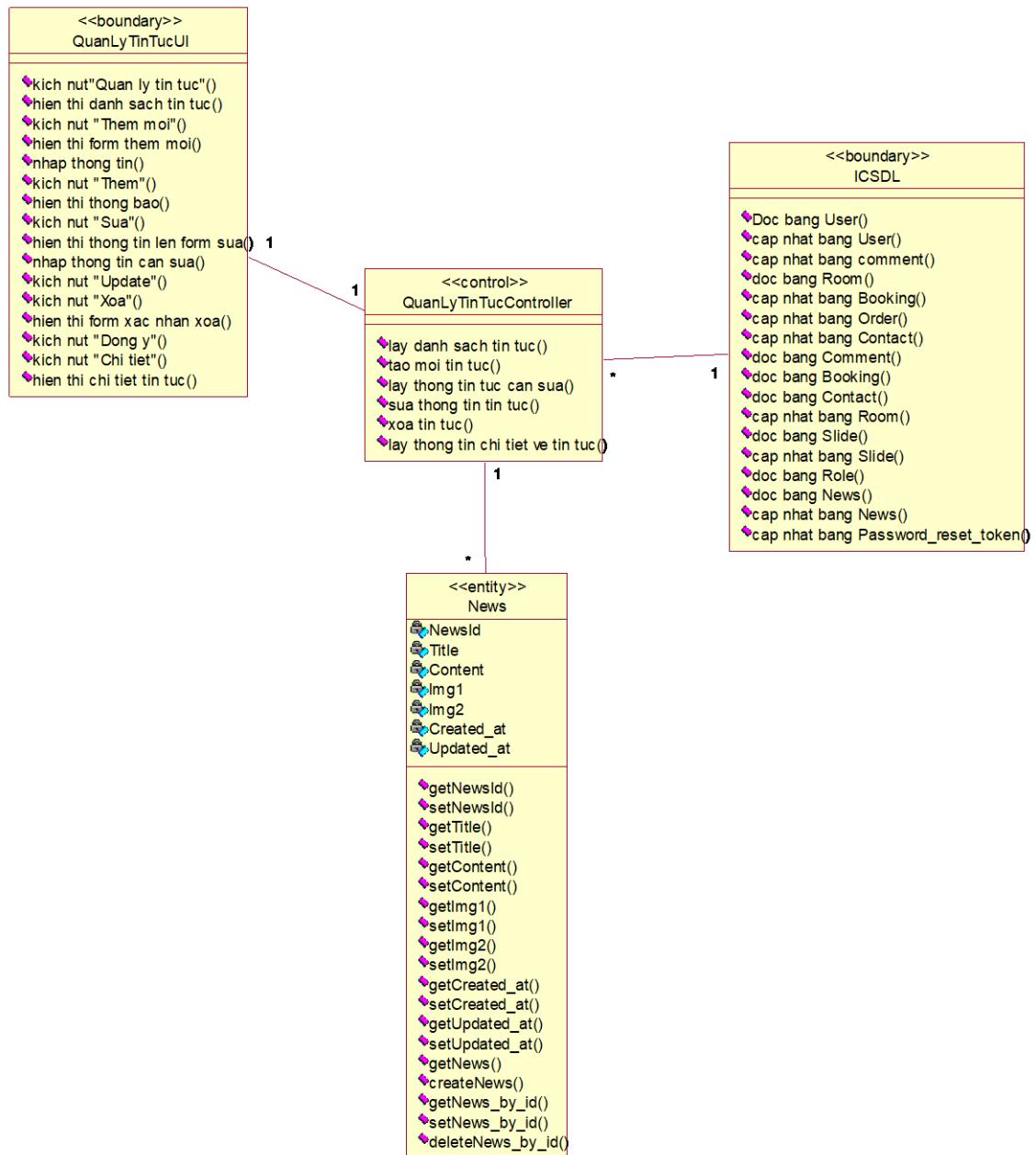
4.13.1 Biểu đồ trình tự





Hình 4-25. Biểu đồ trình tự use case Quản lý tin tức

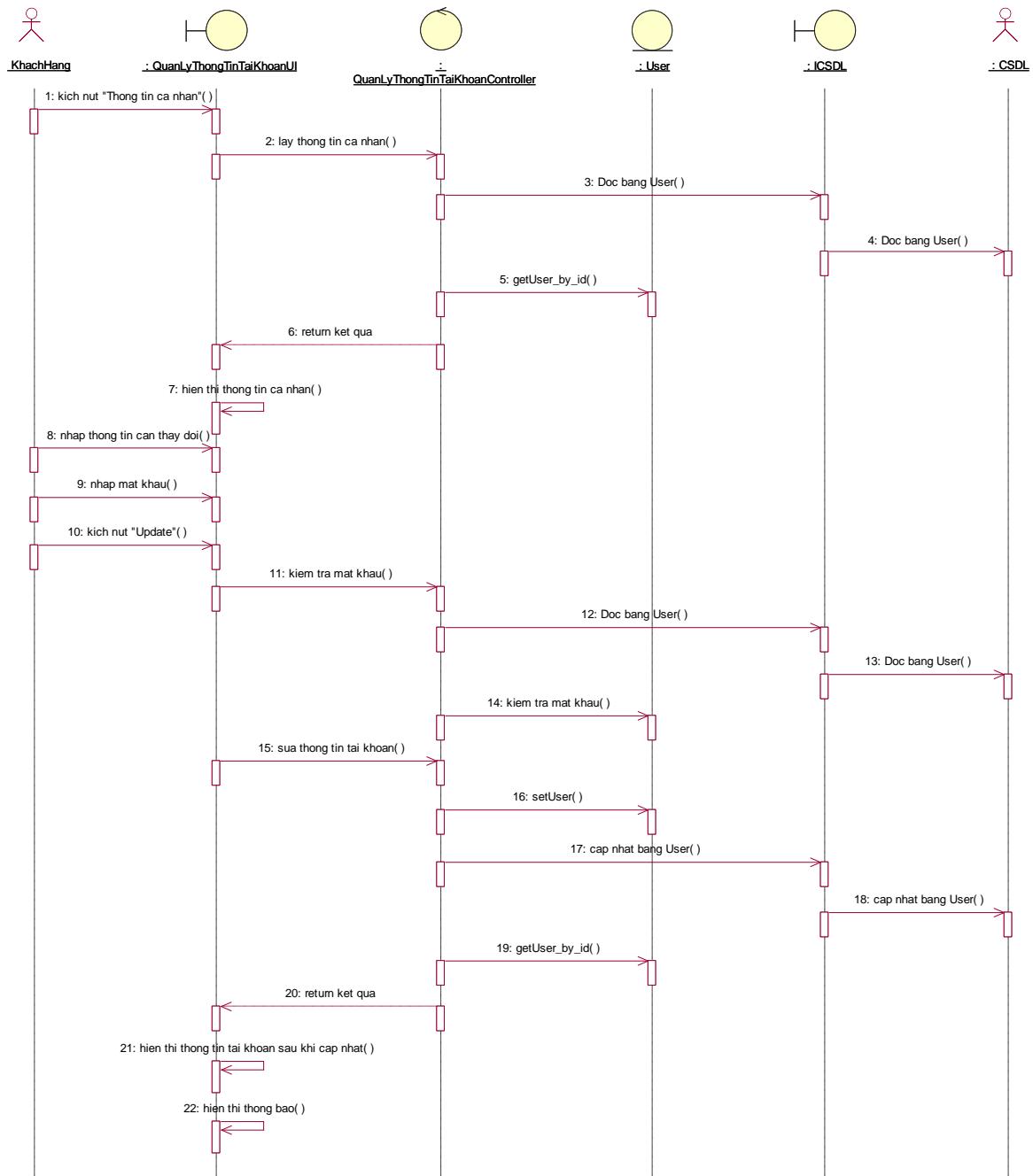
4.13.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-26. Biểu đồ lớp use case Quản lý tin tức

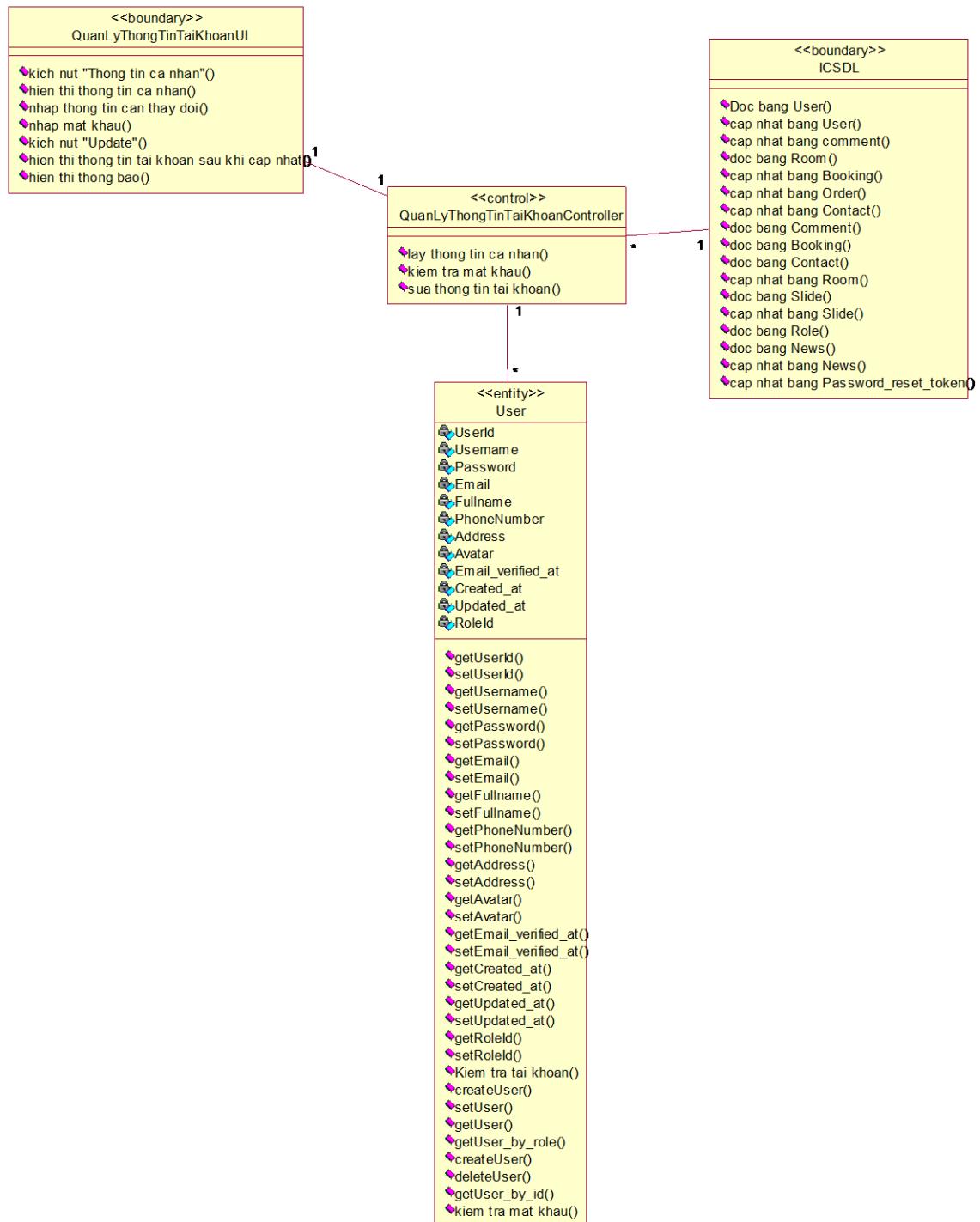
4.14 Use case Quản lý thông tin tài khoản

4.14.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-27. Biểu đồ trình tự use case Quản lý thông tin tài khoản

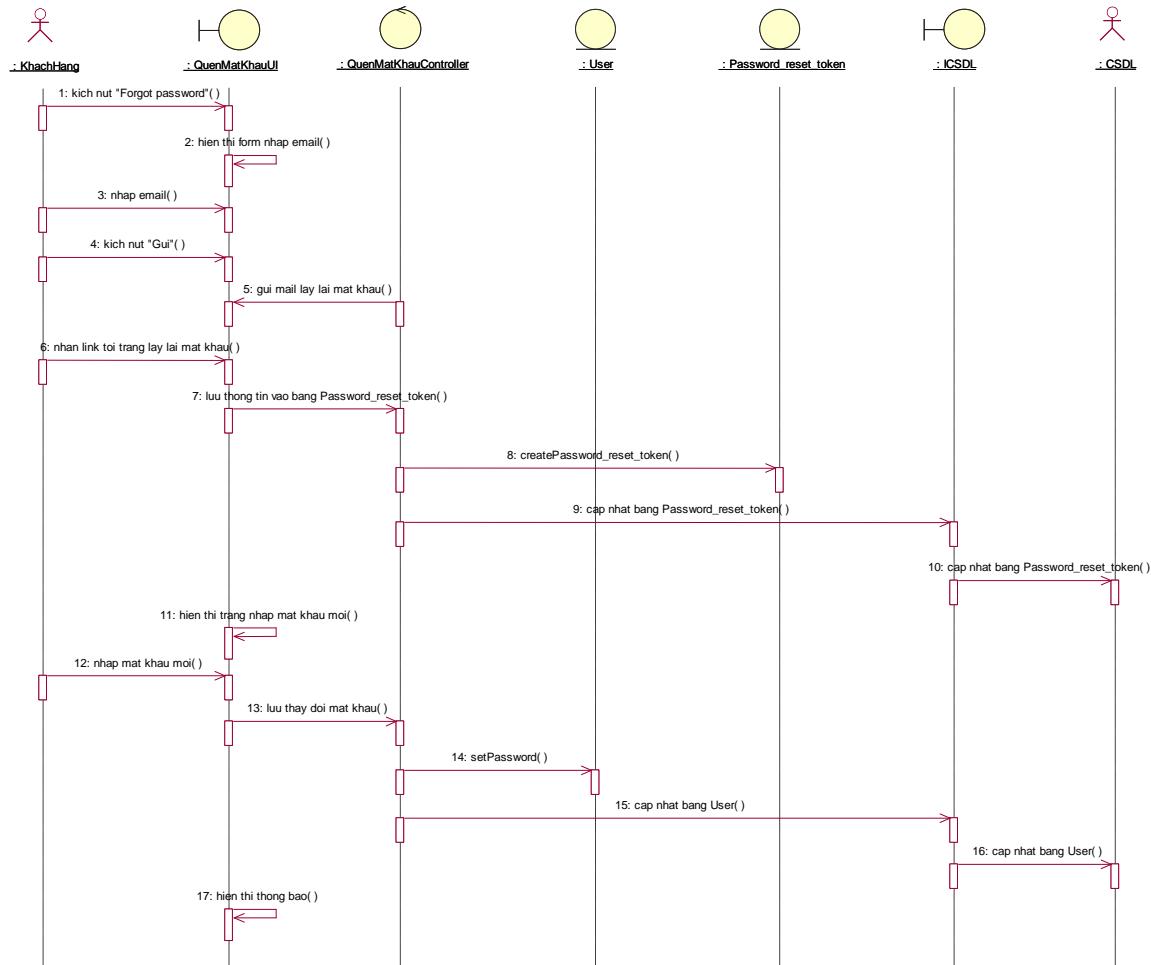
4.14.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-28. Biểu đồ lớp use case Quản lý thông tin tài khoản

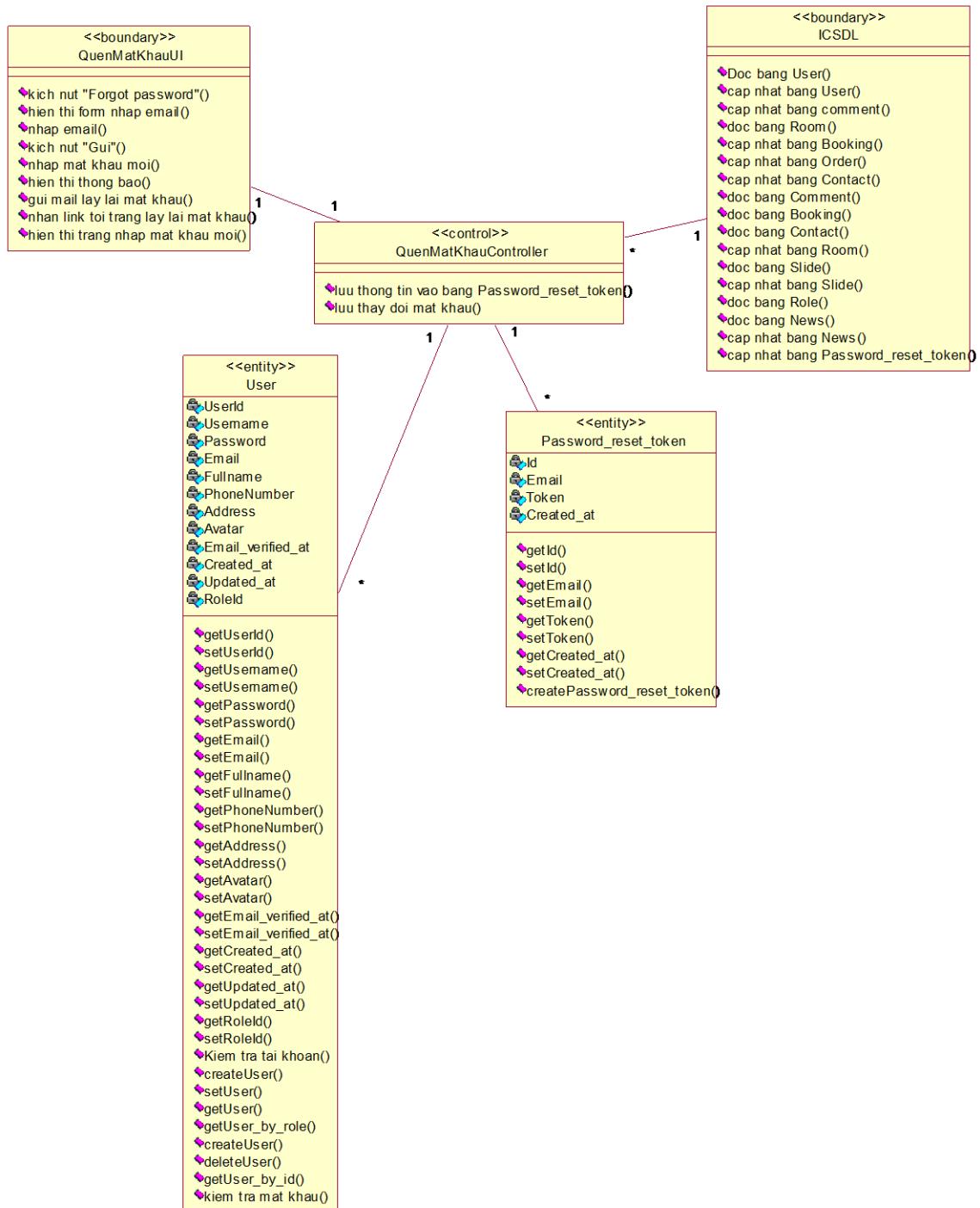
4.15 Use case Quên mật khẩu

4.15.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-29. Biểu đồ trình tự use case Quên mật khẩu

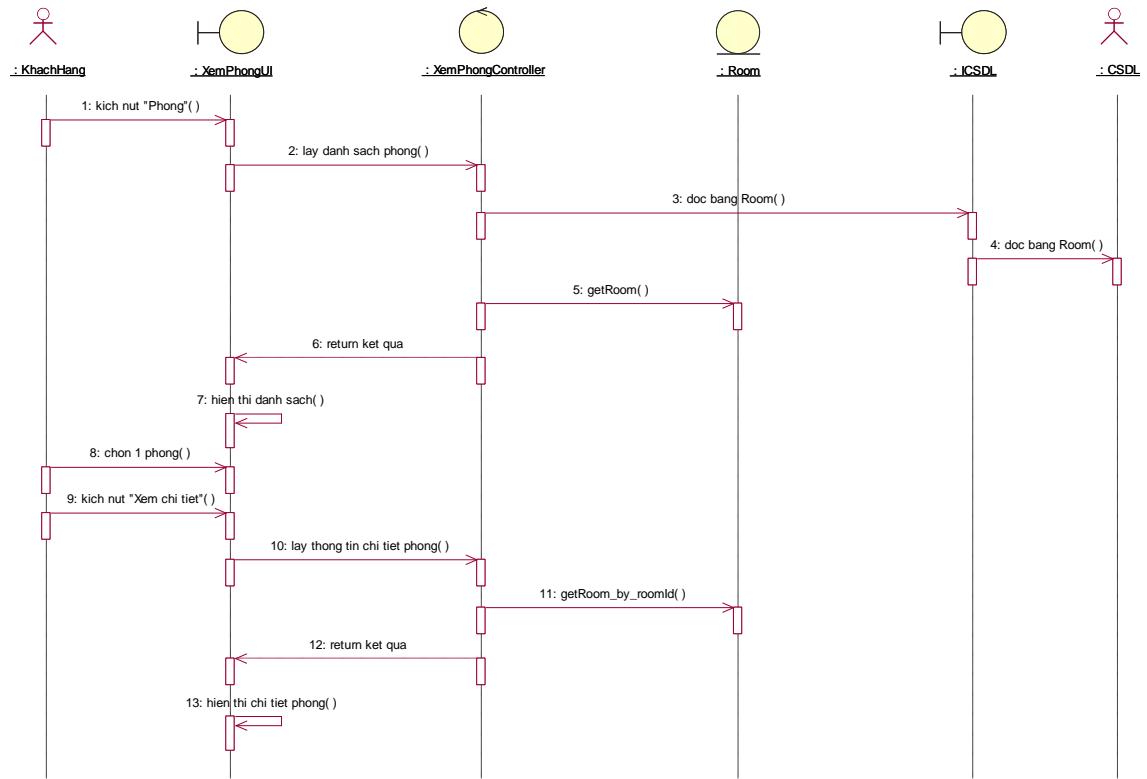
4.15.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-30. Biểu đồ lớp use case Quên mật khẩu

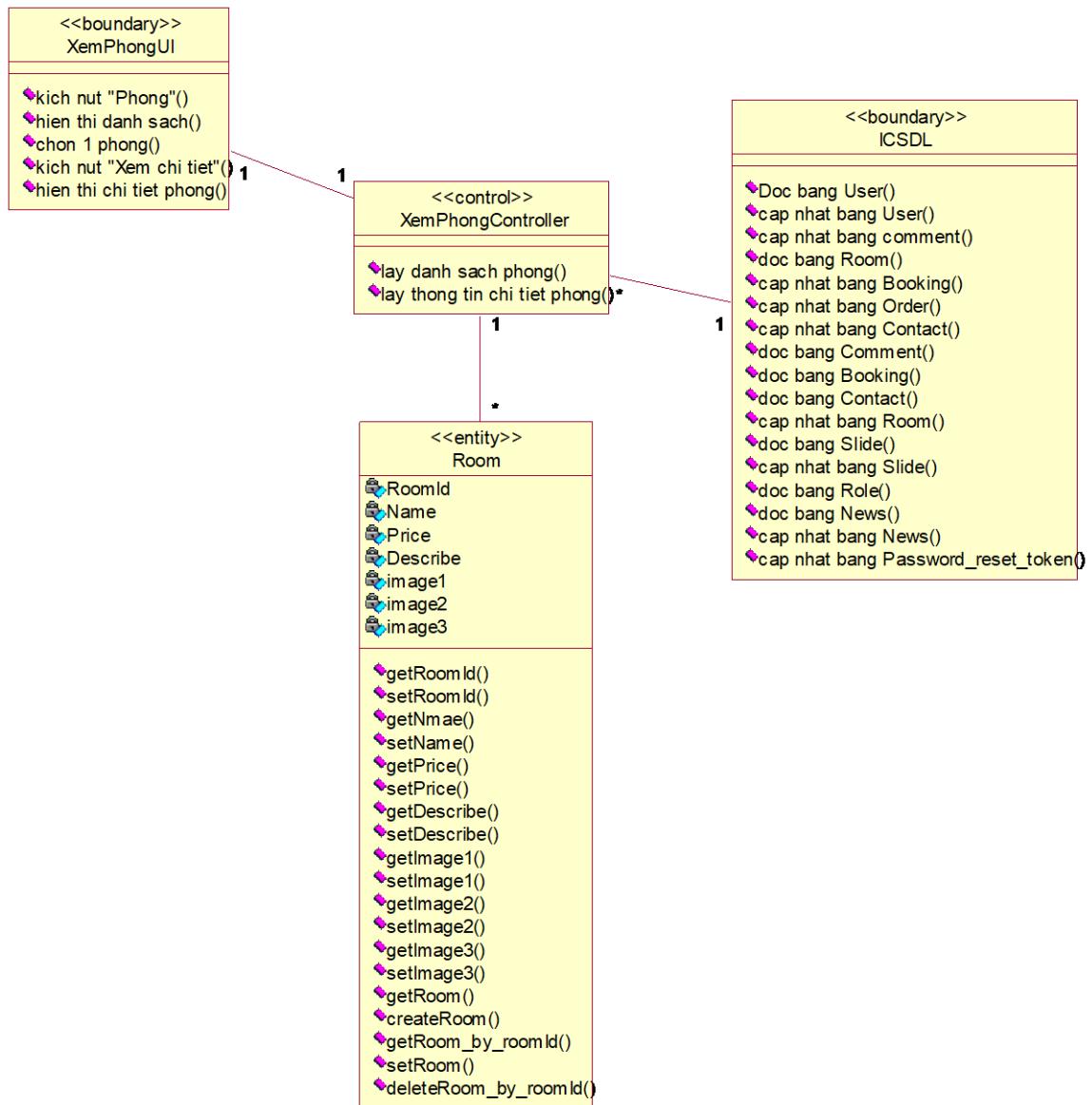
4.16 Use case Xem phòng

4.16.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-31. Biểu đồ trình tự use case Xem phòng

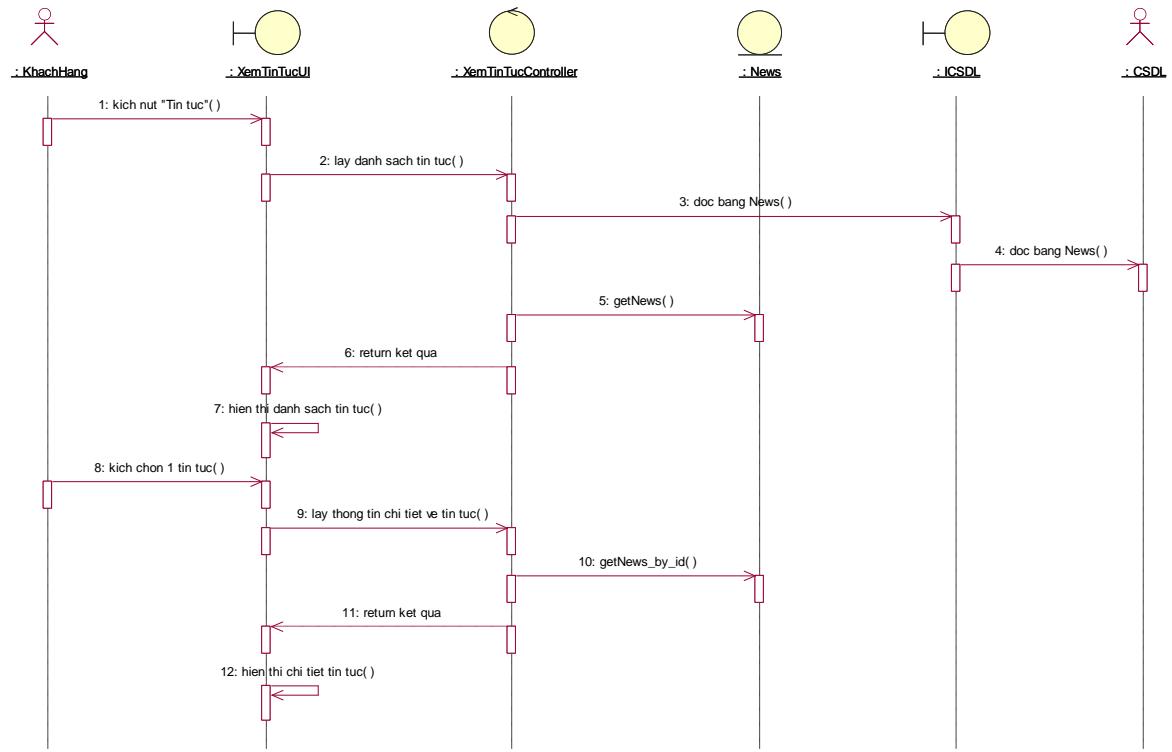
4.16.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-32. Biểu đồ lớp use case Xem phòng

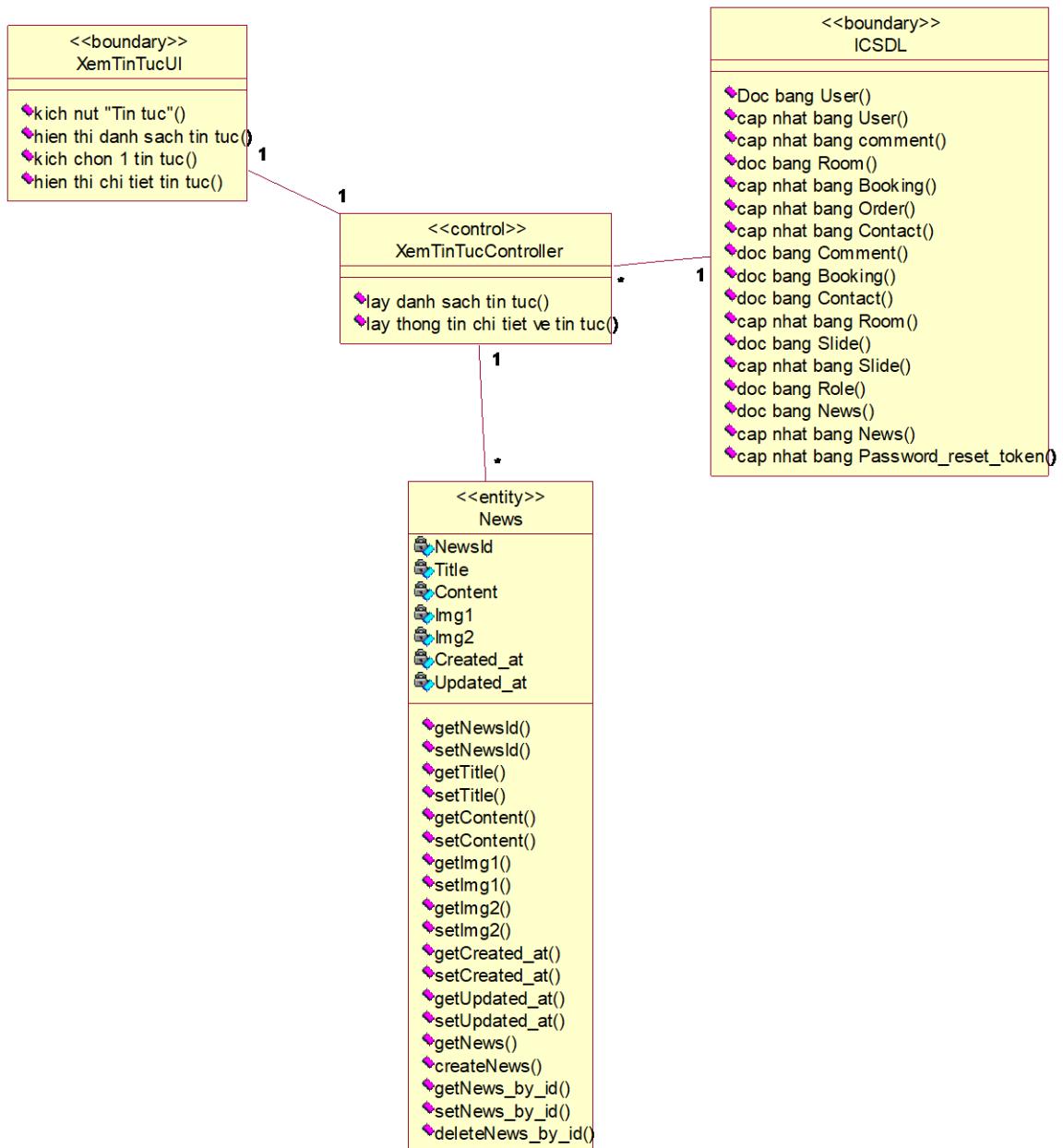
4.17 Use case Xem tin tức

4.17.1 Biểu đồ trình tự



Hình 4-33. Biểu đồ trình tự use case Xem tin tức

4.17.2 Biểu đồ lớp



Hình 4-34. Biểu đồ lớp use case Xem tin tức

CHƯƠNG 5. THIẾT KẾ GIAO DIỆN VÀ CÀI ĐẶT

5.1 Giới thiệu ngôn ngữ cài đặt

5.1.1 Laravel

Laravel là một framework phát triển web được xây dựng trên ngôn ngữ lập trình PHP. Nó được tạo ra bởi Taylor Otwell và đã nhanh chóng trở thành một trong những framework phát triển web phổ biến nhất hiện nay. Dưới đây là một số điểm nổi bật về Laravel:

Tính Năng Chính:

- Routing mạnh mẽ: Laravel cung cấp một cơ chế routing mạnh mẽ giúp quản lý các tuyến đường của ứng dụng một cách dễ dàng và linh hoạt.
- Eloquent ORM: Một ORM (Object-Relational Mapping) mạnh mẽ, giúp tương tác với cơ sở dữ liệu một cách dễ dàng thông qua các model.
- Blade Template Engine: Blade là một engine template mạnh mẽ giúp phát triển giao diện người dùng một cách dễ dàng và linh hoạt.
- Migrations và Seeders: Laravel cung cấp migrations để quản lý cơ sở dữ liệu và seeders để di chuyển dữ liệu vào cơ sở dữ liệu.
- Authentication và Authorization: Laravel cung cấp các công cụ sẵn có để xây dựng chức năng xác thực và phân quyền một cách nhanh chóng.
- Caching: Laravel hỗ trợ việc caching dữ liệu thông qua nhiều cơ chế như cache file, cache database, cache Redis, ...
- Mail Services: Hỗ trợ gửi email thông qua giao diện thư mục và SMTP.

Các thư viện của Laravel:

- Laravel Mix: Được tích hợp sẵn với Laravel, Mix là một công cụ biên dịch asset mạnh mẽ cho CSS và JavaScript.
- Laravel Horizon: Một bộ công cụ quản lý hàng đợi Redis mạnh mẽ.
- Laravel Nova: Một giao diện quản trị dữ liệu hoàn chỉnh và đẹp mắt.
- Laravel Passport: Cung cấp API xác thực OAuth2 mạnh mẽ cho ứng dụng của bạn.

Ưu Điểm:

- Dễ học và sử dụng: Laravel được thiết kế để dễ dàng tiếp cận và sử dụng, giúp các nhà phát triển nhanh chóng phát triển ứng dụng web.
- Tính mở rộng: Laravel có nhiều tính năng tích hợp sẵn và hỗ trợ cộng đồng mạnh mẽ, giúp phát triển ứng dụng mở rộng dễ dàng.
- Hiệu suất cao: Laravel sử dụng các công nghệ hiện đại và tối ưu hóa để cải thiện hiệu suất ứng dụng của bạn.

Nhược Điểm:

- Khả năng mở rộng có thể bị hạn chế: Mặc dù Laravel có tính mở rộng tốt, nhưng đối với các ứng dụng lớn và phức tạp, việc mở rộng có thể gặp một số hạn chế.
- Hiệu suất có thể bị giảm khi ứng dụng lớn: Đối với các ứng dụng lớn, hiệu suất có thể bị giảm nếu không tối ưu hóa đúng cách.

Tóm lại, Laravel là một framework phát triển web mạnh mẽ và linh hoạt, được ưa chuộng bởi tính dễ sử dụng, hiệu suất cao và cộng đồng hỗ trợ lớn.

5.1.2 Bootstrap 5

Bootstrap 5 là một framework CSS phổ biến được sử dụng rộng rãi cho việc phát triển giao diện người dùng web.

Vai trò và ứng dụng:

- Tạo giao diện thân thiện với thiết bị di động: Bootstrap 5 được thiết kế để tương thích với các thiết bị di động, giúp xây dựng giao diện phản hồi một cách dễ dàng.
- Tăng tốc độ phát triển: Framework cung cấp một bộ các thành phần giao diện đã được thiết kế trước và các lớp CSS, giúp tăng tốc độ phát triển bằng cách giảm thời gian cần thiết để viết CSS và JavaScript từ đầu.
- Đảm bảo tính nhất quán: Bootstrap 5 cung cấp một hệ thống lưới linh hoạt và các thành phần giao diện được chuẩn hóa, giúp đảm bảo tính nhất quán trong giao diện của ứng dụng web.

- Hỗ trợ nhiều trình duyệt: Bootstrap 5 được kiểm tra kỹ lưỡng để đảm bảo hoạt động tốt trên nhiều trình duyệt khác nhau, giúp tăng khả năng tương thích.

Ưu điểm:

- Tích hợp nhanh chóng: Đề dễ dàng tích hợp vào dự án hiện có với các file CSS và JavaScript đơn giản.
- Cộng đồng lớn: Bootstrap có một cộng đồng sử dụng và hỗ trợ lớn, cung cấp tài liệu và hỗ trợ phong phú.
- Tương thích cao: Bootstrap 5 được thiết kế để hoạt động tốt trên nhiều trình duyệt và thiết bị.

Nhược điểm:

- Giao diện dễ nhận biết: Do Bootstrap được sử dụng phổ biến, nên các giao diện có thể trở nên giống nhau và ít cá nhân hóa hơn.
- Cần tùy chỉnh: Đôi khi, để tạo ra giao diện độc đáo và phức tạp, bạn có thể cần phải tùy chỉnh nhiều hơn so với việc sử dụng CSS và JavaScript tùy biến.
- Dung lượng lớn: Sử dụng Bootstrap có thể tăng dung lượng tải về của trang web, đặc biệt nếu bạn chỉ sử dụng một phần nhỏ của framework.

Bootstrap 5 tiếp tục phát triển và cung cấp một cách hiệu quả để xây dựng giao diện web chuyên nghiệp và phản hồi. Tuy nhiên, như bất kỳ công nghệ nào, việc sử dụng Bootstrap cần phải xem xét cẩn thận để đảm bảo rằng nó phù hợp với nhu cầu và mục tiêu của dự án cụ thể.

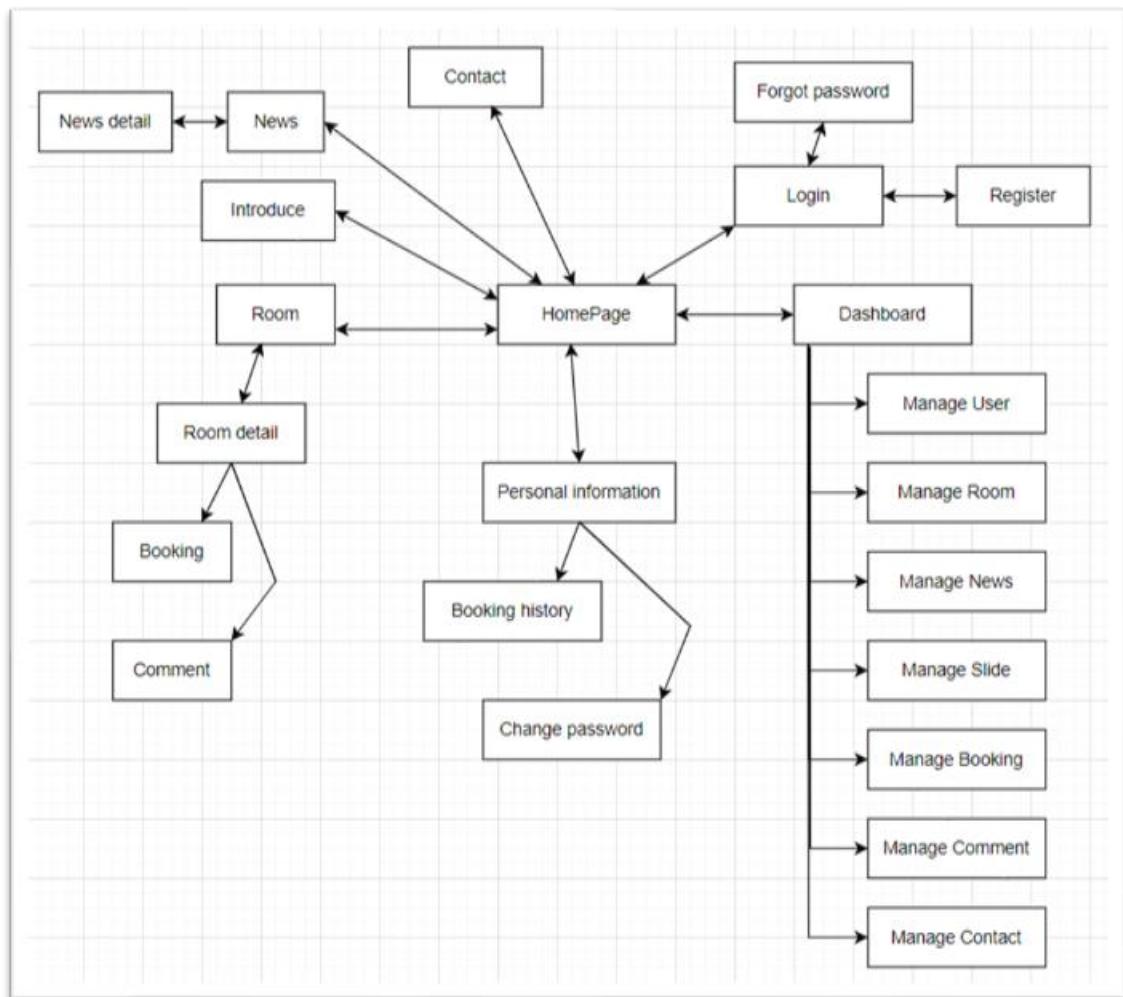
5.1.3 MySQL

MySQL là một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (Database Management System - DBMS) mã nguồn mở phổ biến nhất trên thế giới. Dự án được phát triển, hỗ trợ và duy trì bởi Oracle Corporation.

Dưới đây là một số tính năng và lợi ích chính của MySQL:

- Mã nguồn mở: MySQL là một phần mềm mã nguồn mở, điều này có nghĩa là bạn có thể sử dụng, sửa đổi và phân phối mã nguồn theo nhu cầu của bạn mà không cần phải trả bất kỳ chi phí nào.
- Tính di động và đa nền tảng: MySQL có sẵn trên nhiều hệ điều hành như Windows, Linux và macOS, giúp bạn có thể triển khai nó trên nhiều môi trường khác nhau.
- Tốc độ và hiệu suất: MySQL cung cấp hiệu suất cao và tốc độ xử lý dữ liệu nhanh chóng, giúp ứng dụng của bạn hoạt động mượt mà và hiệu quả.
- Tính nhất quán và bảo mật: MySQL cung cấp các tính năng nhất quán và bảo mật mạnh mẽ như kiểm soát truy cập, mã hóa dữ liệu và kiểm tra tính toàn vẹn để đảm bảo an toàn cho dữ liệu của bạn.
- Hỗ trợ đa ngôn ngữ và ký tự: MySQL hỗ trợ nhiều ngôn ngữ và bộ ký tự khác nhau, giúp bạn phát triển ứng dụng toàn cầu mà không gặp vấn đề về ngôn ngữ hoặc ký tự.
- Tích hợp dễ dàng: MySQL dễ dàng tích hợp với nhiều ngôn ngữ lập trình và framework phổ biến như PHP, Python, Java, Node.js, và nhiều hơn nữa, giúp bạn phát triển ứng dụng một cách linh hoạt và dễ dàng.

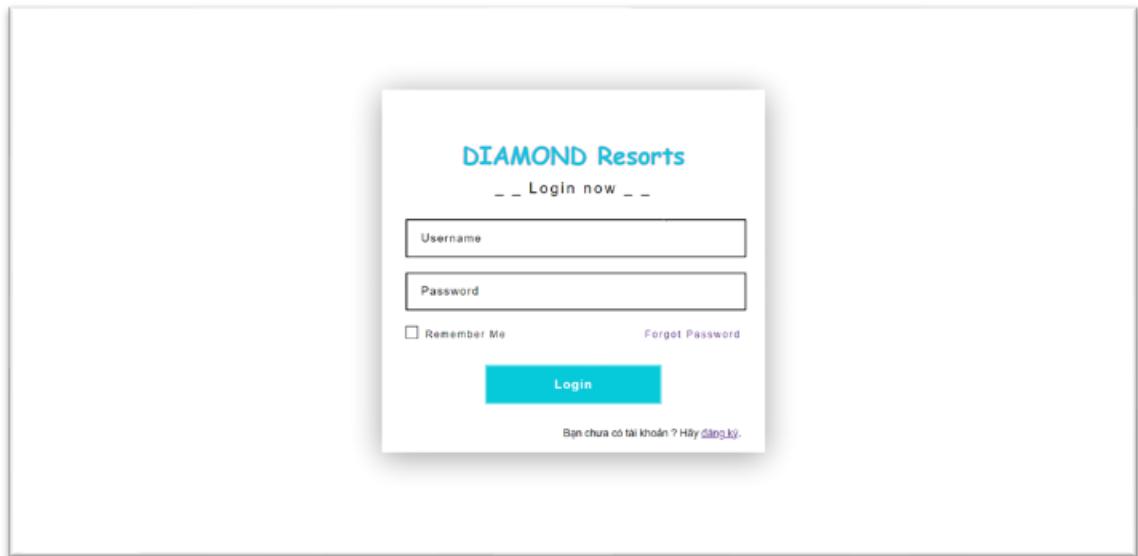
5.2 Sơ đồ điều hướng giữa các màn hình



Hình 5-1. Sơ đồ điều hướng giữa các màn hình

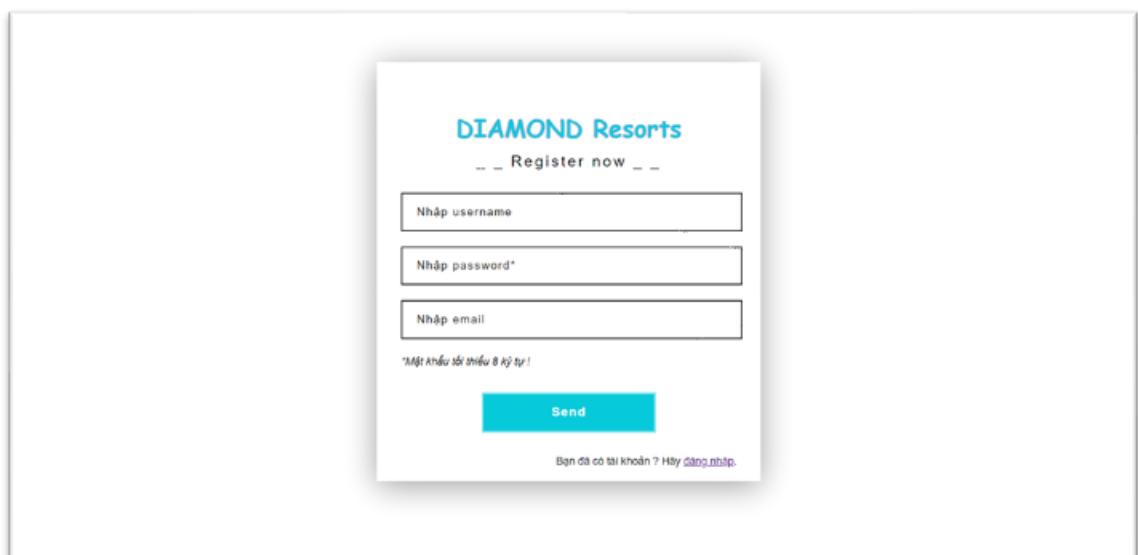
5.3 Thiết kế chi tiết màn hình

5.3.1 Đăng nhập



Hình 5-2. Màn hình đăng nhập

5.3.2 Đăng ký



Hình 5-3. Màn hình đăng ký

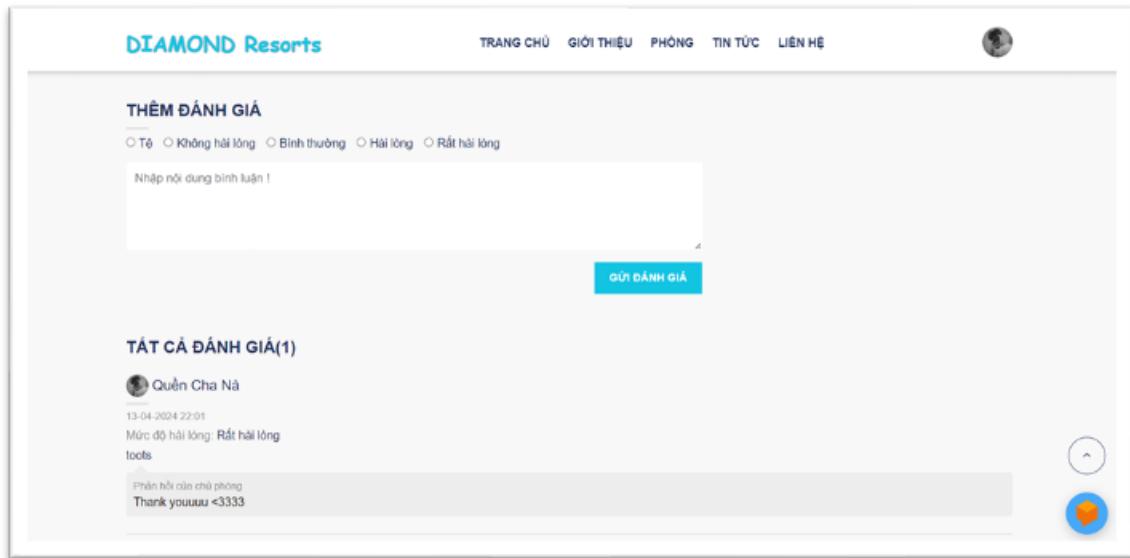
5.3.3 Trang chủ

The screenshot displays the homepage of the Diamond Resorts website. At the top, there is a header with contact information (phone number 0376365516, email phucvanla472002@gmail.com), a logo for 'DIAMOND Resorts', and a navigation menu with links to 'TRANG CHỦ', 'GIỚI THIỆU', 'PHÒNG', 'TIN TỨC', and 'LIÊN HỆ'. A live chat window is visible in the top right corner with the message 'Hi! How are you doing?'. Below the header is a large image of a modern bedroom with a large bed, white walls, and a large window. Underneath this image is a section titled 'DỊCH VỤ HẤP DẪN' (Attractive Services) featuring three images: a chef cooking (Nhà Hàng), a woman receiving a massage (Spa & Massage), and a person parasailing (Du lịch). Below this is a section titled 'PHÒNG NGHỈ HIỆN ĐẠI' (Modern Room) showing three room types: 'Silver room', 'Diamond room', and 'Platinum room', each with a small image, price (5.000.000đ, 10.010.010đ, 3.030.303đ), and a 'Xem chi tiết' (View details) button.

Mã Phòng	Tên Phòng	Mô tả	Giá	Đặt phòng
Silver room	Silver room	Phòng nghỉ hiện đại, tiện nghi	5.000.000đ	Xem chi tiết
Diamond room	Diamond room	Phòng nghỉ cao cấp, sang trọng	10.010.010đ	Xem chi tiết
Platinum room	Platinum room	Phòng nghỉ sang trọng, view đẹp	3.030.303đ	Xem chi tiết

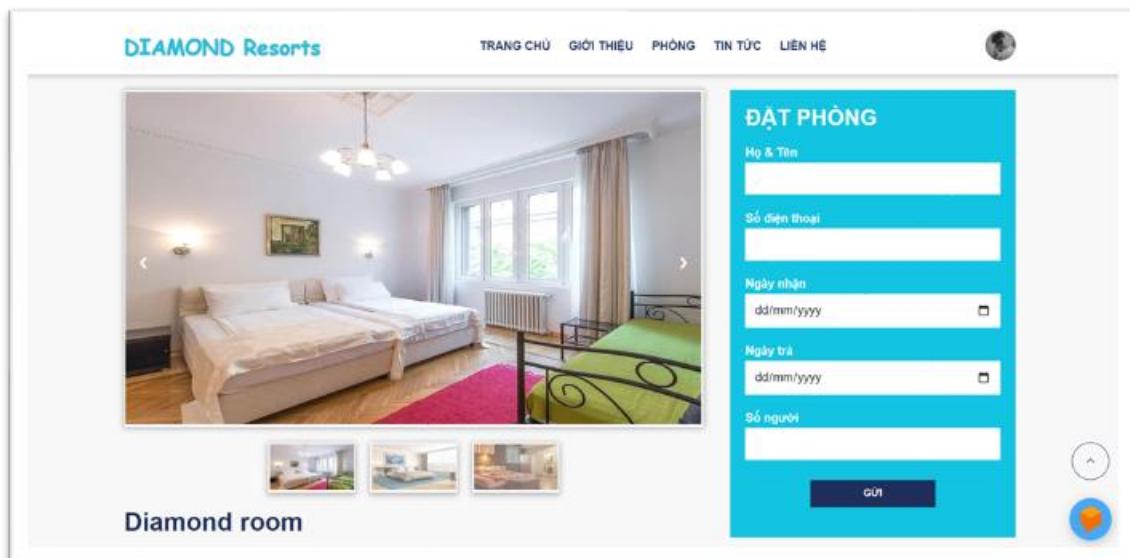
Hình 5-4. Màn hình trang chủ

5.3.4 Đánh giá



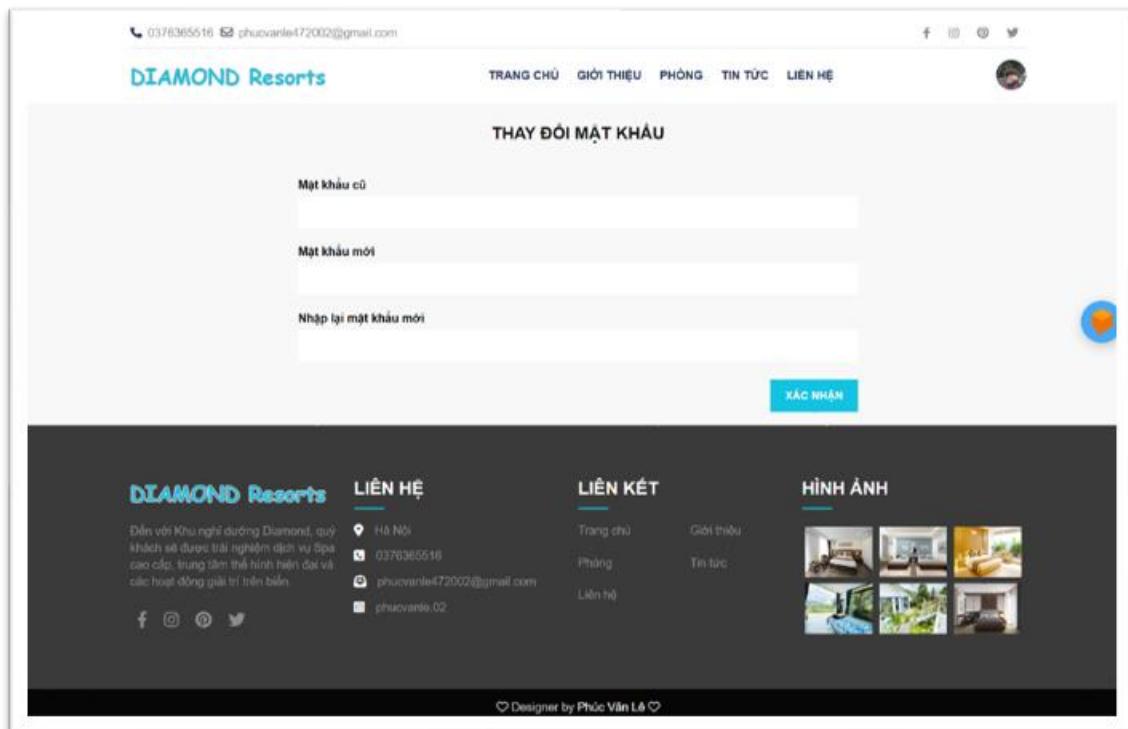
Hình 5-5. Màn hình đánh giá

5.3.5 Đặt phòng



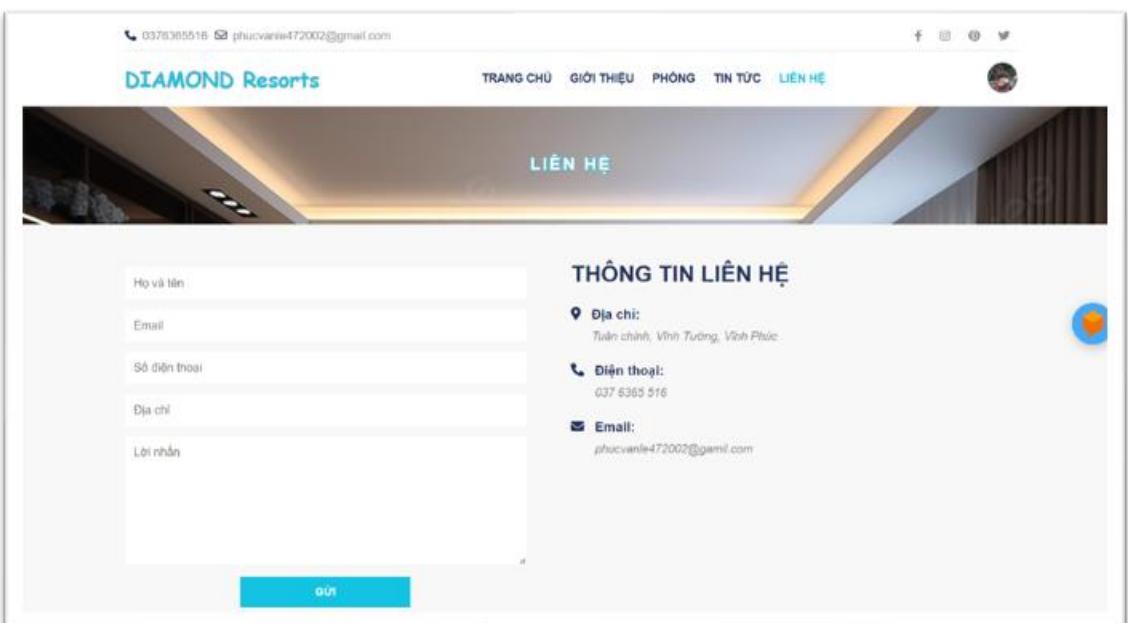
Hình 5-6. Màn hình đặt phòng

5.3.6 Đổi mật khẩu



Hình 5-7. Màn hình đổi mật khẩu

5.3.7 Liên hệ



Hình 5-8. Màn hình liên hệ

5.3.8 Quản lý đánh giá

The screenshot shows the Diamond Resorts dashboard. On the left, there is a sidebar with the following menu items:

- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide
- Booking
- Đánh giá** (highlighted in blue)
- Contact

On the right, there is a table titled "Customer comment response" displaying two rows of data:

#	Username	Room	Comment	Satisfaction	Time	Reply	Action
2	levanphuc2002	Diamond room	toots	Rất hài lòng	2024-04-13 22:01	Thank youuu <3333	
1	admin	Silver room	Tốt !	Rất hài lòng	2024-04-07 12:31	Cảm ơn !	

At the bottom left of the dashboard, there is a "Logout" button.

Hình 5-9. Màn hình quản lý đánh giá

The screenshot shows the Diamond Resorts customer comment response form. The left sidebar has the same menu as in Figure 5-9. The main area is titled "Customer comment response" and contains the following fields:

- Username: levanphuc2002
- Room: Diamond room
- Comment: toots
- Reply: (empty text area)

At the bottom right of the form, there are "Back" and "Send" buttons.

Hình 5-10. Màn hình phản hồi đánh giá

5.3.9 Quản lý đơn

The screenshot shows a dashboard titled "DIAMOND Resorts". On the left, there's a sidebar with links: Quản lý tài khoản, Quản lý room, Quản lý tin tức, Quản lý slide, Booking (which is highlighted in blue), Đánh giá, and Contact. Below these are Logout and Help links. The main area is a table titled "DASHBOARD" with the following columns: #, Fullname, Phone number, Check-in date, Check-out date, Amount of people, Room, Total, Status, and Action. The table contains five rows of booking data. At the bottom right of the table is a navigation bar with page numbers 1, 2, 3, and 4.

#	Fullname	Phone number	Check-in date	Check-out date	Amount of people	Room	Total	Status	Action
46	Lê Văn Phúc	0376365516	2024-05-09	2024-05-10	1	Phòng Panorama	2.800.000	Chưa thanh toán	
45	test	0376365516	2024-04-23	2024-04-24	1	Phòng hạng trung	11.111.111	Chưa thanh toán	
44	Lê Văn Phúc	0376365516	2024-04-23	2024-04-24	1	Phòng Suite	2.500.000	Chưa thanh toán	
42	LvP	0376365516	2024-06-14	2024-07-14	1	Platinum room	900	Chưa thanh toán	
41	LvP	0376365516	2024-06-14	2024-07-14	1	Platinum room	900	Chưa thanh toán	

Hình 5-11. Màn hình quản lý đơn

The screenshot shows a "Add a new bookings" form. On the left, there's a sidebar with links: Quản lý tài khoản, Quản lý room, Quản lý tin tức, Quản lý slide, Booking (highlighted in blue), Đánh giá, and Contact. Below these are Logout and Help links. The main form has fields for: Fullname (input field), Phone number (input field), Check-in date (date input field), Check-out date (date input field), Amount of people (input field), Total (input field), Status (dropdown menu with "Chưa thanh toán" selected), Username (input field), and a note "Choose the username" below it.

Hình 5-12. Màn hình thêm đơn mới

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide
- Booking
- Đánh giá
- Contact

[Logout](#)

Booking information editing

Fullname	Lê Văn Phúc
Phone number	0376365516
Check-in date	09/05/2024
Check-out date	10/05/2024
Amount of people	1
Total	2800000
Status	Chưa thanh toán
Username	

Hình 5-13. Màn hình sửa thông tin đơn

5.3.10 Quản lý liên hệ

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide
- Booking
- Đánh giá
- Contact

[Logout](#)

#	Fullname	Email	Phone number	Address	Message	Time to send	Action
1	Lê Văn Phúc	levanphuc472009@gmail.com	0376365516	Tuần Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Hill!	2024-04-08 13:42:24	

Hình 5-14. Màn hình quản lý liên hệ

5.3.11 Quản lý phòng

The screenshot shows a dashboard for Diamond Resorts. On the left sidebar, under the 'DASHBOARD' section, there are links for: Quản lý tài khoản, Quản lý room, Quản lý tin tức, Quản lý slide, Booking, Đánh giá, and Contact. Below these is a 'Logout' link. The main content area displays a table of rooms:

#	Name	Price(\$)	Describe	Image	Action
9	Phòng Superior	1234567	Phòng Superior mang đến sự thoải mái và tiện nghi đáng yêu. Với không gian ấm cúng và trang bị tiện ích như giường King-size hoặc Twin, TV màn hình phẳng, minibar, két.		
8	Phòng hạng trung	700000	Phòng Hàng Trung là sự lựa chọn phổ biến cho những ai muốn một không gian thoải mái và tiết kiệm. Phòng được trang bị giường King-size hoặc Twin, TV màn hình.		
7	Phòng Deluxe	1000000	Phòng Deluxe của chúng tôi mang đến không gian lịch sự và sang trọng. Với diện tích rộng rãi và thiết kế hiện đại, phòng Deluxe được trang bị các tiện nghi cao cấp.		

Pagination at the bottom shows pages 1, 2, 3, ...

Hình 5-15. Màn hình quản lý phòng

The screenshot shows a 'Add a new room' form. The left sidebar has the same navigation as in Figure 5-15. The main form fields are:

- Name:
- Price:
- Describe: with rich text editor tools.
- Image (Tối đa 3 ảnh):
 - Chọn tệp: Chưa có tệp nào được chọn
 - Chọn tệp: Chưa có tệp nào được chọn
 - Chọn tệp: Chưa có tệp nào được chọn
- Buttons: Back, Add

Pagination at the bottom shows pages 1, 2, 3, ...

Hình 5-16. Màn hình thêm phòng mới

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide**
- Booking
- Đánh giá
- Contact

Room information editing

Name: Phòng Superior

Price: 1234567

Describe:

Paragraph Phòng Superior mang đến sự thoải mái và tiện nghi đáng yêu. Với không gian ấm cúng và trang bị tiện ích như giường King-size hoặc Twin, TV màn hình phẳng, minibar, két an toàn, điều hòa nhiệt độ và khu vực làm việc, phòng Superior sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của du khách. Các cửa sổ lớn trong phòng cho phép ánh sáng tự nhiên và cảnh quan ngoạn mục tuyệt đẹp.

Image(Tối đa 3 ảnh)

Chọn tệp Chưa có tệp nào được chọn

Logout

Hình 5-17. Màn hình sửa thông tin chi tiết phòng

5.3.12 Quản lý slide

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

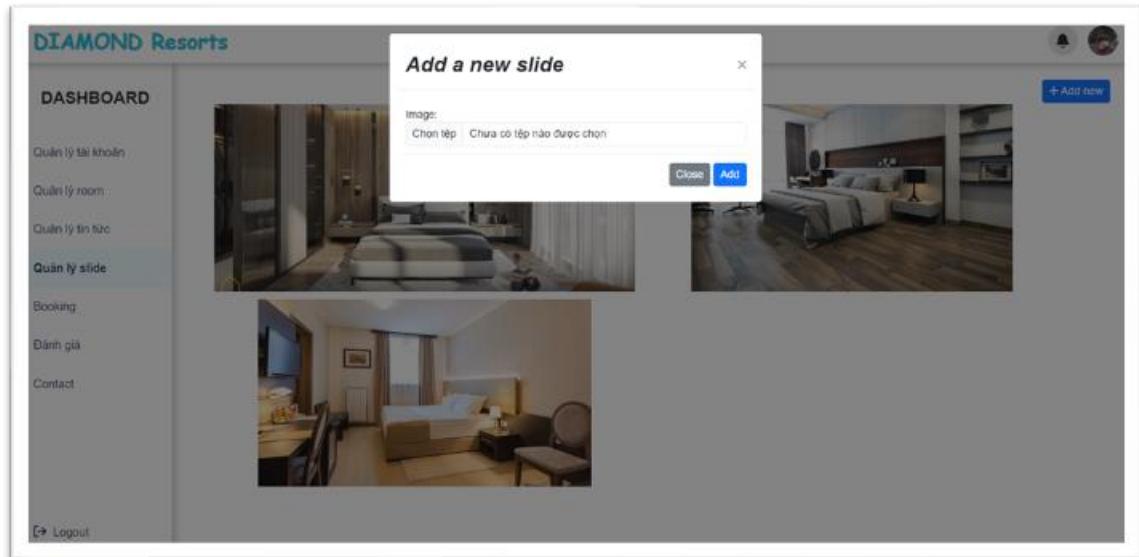
- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide**
- Booking
- Đánh giá
- Contact

+ Add new

Chọn tệp Chưa có tệp nào được chọn

Logout

Hình 5-18. Màn hình quản lý slide



Hình 5-19. Màn hình thêm mới slide

5.3.13 Quản lý tài khoản

DIAMOND Resorts										
DASHBOARD	Nhân viên Khách hàng + Add new									
	#	Username	Email	Fullname	Phone Number	Address	Date created	Date verified	Role	Action
Quản lý tài khoản	8	aaaaaaaaaaaaaa	aaaaaaaaaaaa@gmail.com	aaaaaaaaaaaa	1234567890	aaaaaaaaaaaa	2024-04-15	Chưa xác minh	Employee	
Quản lý room	7	phuc	11111111@gmail.com	LvP	1234567890	Tuân Chính	2024-04-15	Chưa xác minh	Customer	
Quản lý tin tức	6	adsadsadsa	levanphuc4720zxcz02@gmail.com	Lê Văn Phúc	0376365516	Tuân Chính	2024-04-13	Chưa xác minh	Customer	
Quản lý slide	5	test	test2@gmail.com	awda	1234567890	âda	2024-04-13	Chưa xác minh	Customer	
Booking	3	test1	test1@gmail.com	test	1234567890	Tuân Chính	2024-04-12	Chưa xác minh	Customer	
Bình giá										
Contact										
Logout										

Hình 5-20. Màn hình quản lý tài khoản

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- [Quản lý tài khoản](#)
- [Quản lý room](#)
- [Quản lý tin tức](#)
- [Quản lý slide](#)
- [Booking](#)
- [Đánh giá](#)
- [Contact](#)

[Logout](#)

Khách hàng

#	Username	Email	Fullname	Phone Number	Address	Date created	Date verified	Role	Action
8	aaaaaaaaaaaa	aaaaaaaaaaaa@gmail.com	aaaaaaaaaaaa	1234567890	aaaaaaaaaaa	2024-04-15	Chưa xác minh	Employee	
2	levanphuc2002	levanphuc472002@gmail.com	Quen Cha Na	0376365516	Tuan Chinh	2024-04-07	2024-04-16	Employee	

Hình 5-21. Màn hình danh sách tài khoản nhân viên

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- [Quản lý tài khoản](#)
- [Quản lý room](#)
- [Quản lý tin tức](#)
- [Quản lý slide](#)
- [Booking](#)
- [Đánh giá](#)
- [Contact](#)

[Logout](#)

Nhân viên

#	Username	Email	Fullname	Phone Number	Address	Date created	Date verified	Role	Action
8	aaaaaaaaaaaa	aaaaaaaaaaaa@gmail.com	aaaaaaaaaaaa	1234567890	aaaaaaaaaaa	2024-04-15	Chưa xác minh	Customer	
7	phuc	11111111@gmail.com	Lý P	1234567890	Tuan Chinh	2024-04-15	Chưa xác minh	Customer	
6	adsadsadsa	levanphuc4720zxcz02@gmail.com	Lê Văn Phúc	0376365516	Tuan Chinh	2024-04-13	Chưa xác minh	Customer	
5	test	test2@gmail.com	awda	1234567890	áda	2024-04-13	Chưa xác minh	Customer	
3	test1	test1@gmail.com	test	1234567890	Tuan Chinh	2024-04-12	Chưa xác minh	Customer	

Hình 5-22. Màn hình danh sách tài khoản khách hàng

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide
- Booking
- Danh giá
- Contact

[Logout](#)

Add a new user

Username	<input type="text"/>
Password	<input type="password"/>
Email	<input type="text"/>
Fullname	<input type="text"/>
Phone number	<input type="text"/>
Address	<input type="text"/>
Avatar	<input style="width: 100%; height: 100%;" type="file"/> Chọn tệp Chưa có tệp nào được chọn
Role	<input type="text" value="Admin"/>

Hình 5-23. Màn hình thêm mới tài khoản

DIAMOND Resorts

DASHBOARD

- Quản lý tài khoản
- Quản lý room
- Quản lý tin tức
- Quản lý slide
- Booking
- Danh giá
- Contact

[Logout](#)

User information editing

Username	<input type="text" value="aaaaaaaaaaa"/>
Email	<input type="text" value="aaaaaaaaaaa@gmail.com"/>
Fullname	<input type="text" value="aaaaaaaaaaa"/>
Phone number	<input type="text" value="1234567890"/>
Address	<input type="text" value="aaaaaaaaaaa"/>
Avatar	 <input style="width: 100%; height: 100%;" type="file"/> Chọn tệp Chưa có tệp nào được chọn
Role	<input type="text" value="Admin"/>

Hình 5-24. Màn hình sửa thông tin tài khoản

5.3.14 Quản lý tin tức

The screenshot shows the 'Quản lý tin tức' (News Management) section of the Diamond Resorts dashboard. On the left sidebar, there are several menu items: Quản lý tài khoản, Quản lý room, Quản lý tin tức (selected), Quản lý slide, Booking, Đánh giá, and Contact. The main area displays a table of news items with columns for #, Title, Content, Image, Date created, and Action. There are three news items listed:

- #7: Tiêu đề: "Thưởng ngoạn ẩm thực tại Nhà hàng đẳng cấp của Khách sạn Resort". Content: <p>Khi bạn đặt chân đến Khách sạn Resort, không chỉ có không gian sang trọng và dịch vụ tuyệt vời mà bạn còn được trải nghiệm những món ăn ngon. Image: A photo of a meal on a plate. Date created: 2024-04-14 16:42:04. Action: Edit, Delete, Preview.
- #6: Tiêu đề: "Khám phá Kỳ nghỉ Lý tưởng tại Diamond resorts". Content: <p>Bạn đang tìm kiếm một kỳ nghỉ lý tưởng giữa không gian xanh mát và biển cả bao la? Hãy đến với Resort Biển Xanh – nơi kết hợp hoàn hảo. Image: A photo of a resort building. Date created: 2024-04-14 16:40:39. Action: Edit, Delete, Preview.
- #5: Tiêu đề: "Làm mới tinh thần tại Spa và Phòng Tập Gym của Resort". Content: <p>Một kỳ nghỉ thư giãn không chỉ đơn giản là nghỉ ngơi và tận hưởng không gian đẹp mà còn là cơ hội để làm mới tinh thần và tăng cường sức khỏe. Tại Image: A photo of people in a spa setting. Date created: 2024-04-14 16:37:44. Action: Edit, Delete, Preview.

At the bottom right of the table, there are navigation buttons for page 1 of 2.

Hình 5-25. Màn hình quản lý tin tức

The screenshot shows the 'Add a news' (Thêm tin tức) form. The left sidebar has the same menu items as the previous screenshot. The main area is titled 'Add a news' and contains fields for 'Title' (with an input field and placeholder 'Nhập tiêu đề'), 'Content' (with a rich text editor toolbar and placeholder 'Nhập nội dung'), 'Image' (with a file input field and placeholder 'Chọn ảnh'), and two additional 'Image' fields with similar placeholders. At the bottom right are 'Back' and 'Add' buttons.

Hình 5-26. Màn hình thêm mới tin tức

News information editing

Title
Thưởng ngoạn ẩm thực tại Nhà hàng đẳng cấp của Khách sạn Resort.

Content

Khi bạn đặt chân đến Khách sạn Resort, không chỉ có không gian sang trọng và dịch vụ tuyệt vời mà bạn còn được trải nghiệm những món ăn ngon tuyệt vời tại Nhà hàng đẳng cấp của khu nghỉ dưỡng. Với sự kết hợp giữa nghệ thuật ẩm thực và không gian sang trọng, Nhà hàng sẽ mang đến cho bạn một trải nghiệm ẩm thực đẳng cấp. Hãy cùng tôi khám phá hương vị đa dạng và phong phú tại Nhà hàng đẳng cấp của Khách sạn Resort.

Nhà hàng của Khách sạn Resort tự hào với thực đơn đa dạng, phục vụ những món ăn đặc trưng của quốc gia và đặc sản địa phương. Bạn có thể thưởng thức các món ăn Á, Âu, Mỹ hoặc các món ăn truyền thống đặc biệt của địa phương. Từ các món khai vị tinh tế, món chính phong phú đến những món tráng miệng tuyệt hảo, sẽ có một phần ẩm thực phù hợp với khẩu vị của bạn.

Đội ngũ đầu bếp tài ba sẽ tận dụng những nguyên liệu tươi ngon và chất lượng nhất để tạo ra những món ăn ngon lành, đậm đà hương vị. Nhà hàng của Khách sạn Resort được thiết kế với không gian ấm cúng và sang trọng, mang đến một môi trường lý tưởng cho

Hình 5-27. Màn hình sửa thông tin của tin tức

5.3.15 Quản lý thông tin tài khoản

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Username
admin

Email
phucvanle472002@gmail.com

Fullname
Lê Văn Phúc

Phone number
0376365516

Address
Tuan Chinh, Vinh Tường, Vinh Phuc

Avatar

Chọn tệp Chưa có tệp nào được chọn

Mật khẩu của bạn để cập nhật thông tin cá nhân

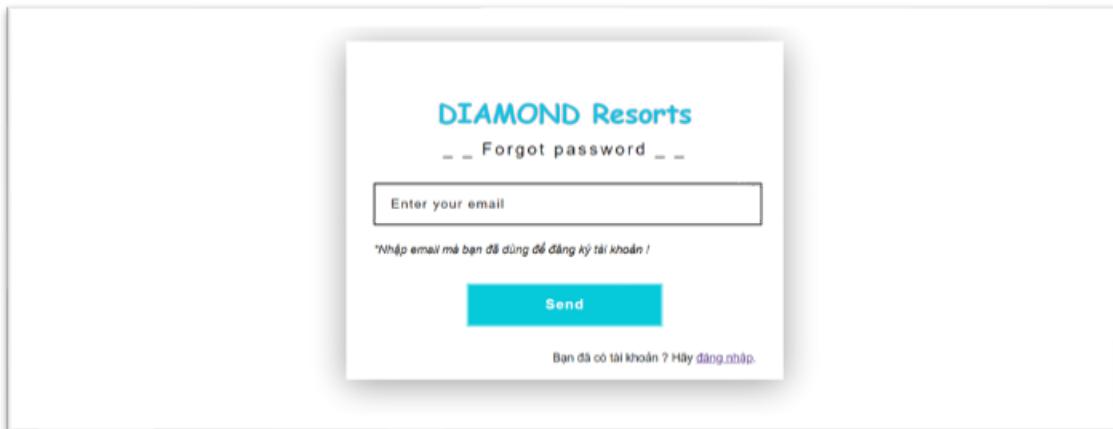
Đổi mật khẩu **Update**

LỊCH SỬ ĐẶT PHÒNG

Họ Tên	a	Ngày nhận	2024-04-13	Phòng	Silver room	Ngày đặt	13-04-2024
Số điện thoại	0376365516	Ngày trả	2024-04-15	Số người	1	Tổng	1đ

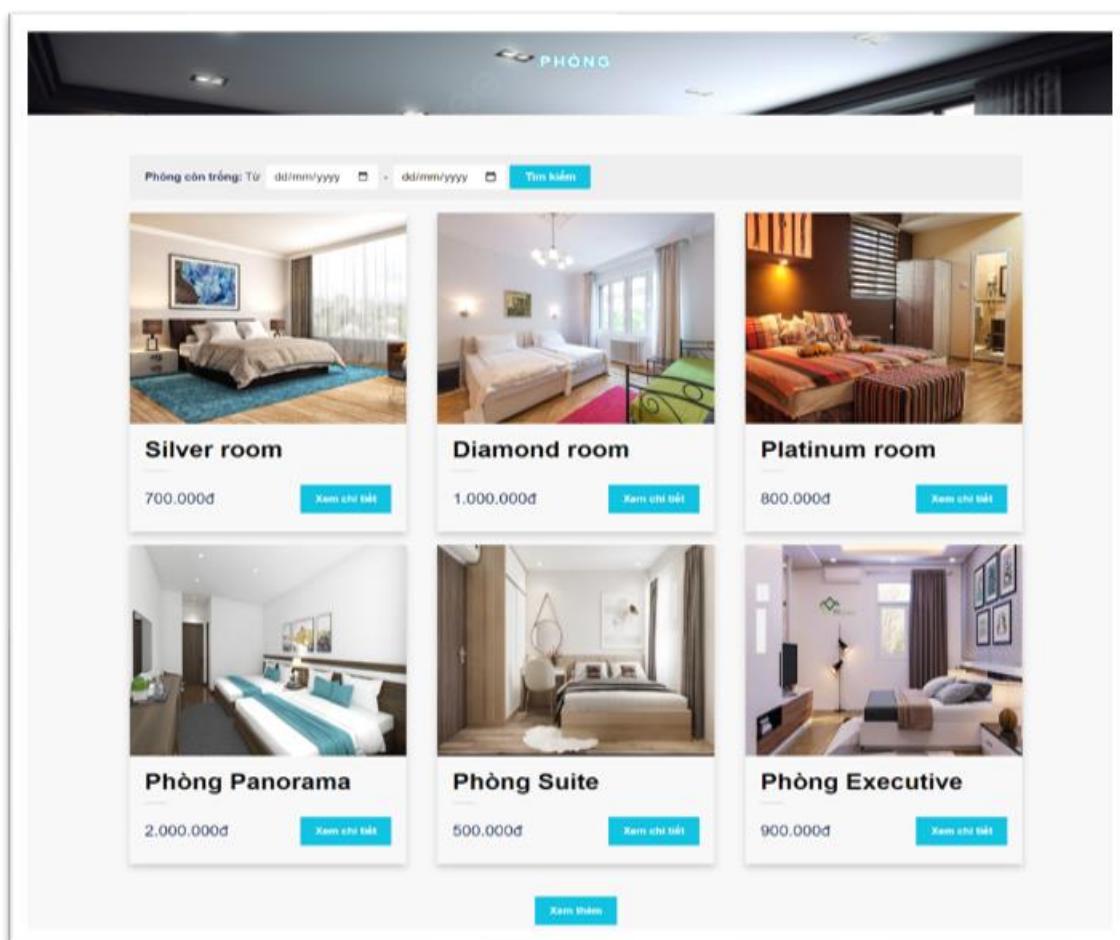
Hình 5-28. Màn hình thông tin cá nhân

5.3.16 Quên mật khẩu



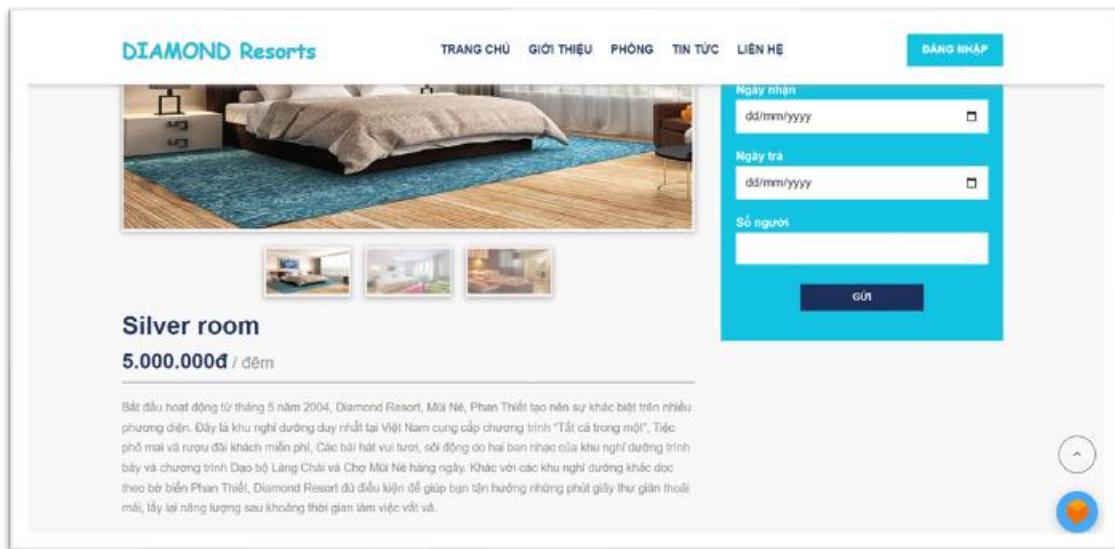
Hình 5-29. Màn hình quên mật khẩu

5.3.17 Xem danh sách phòng



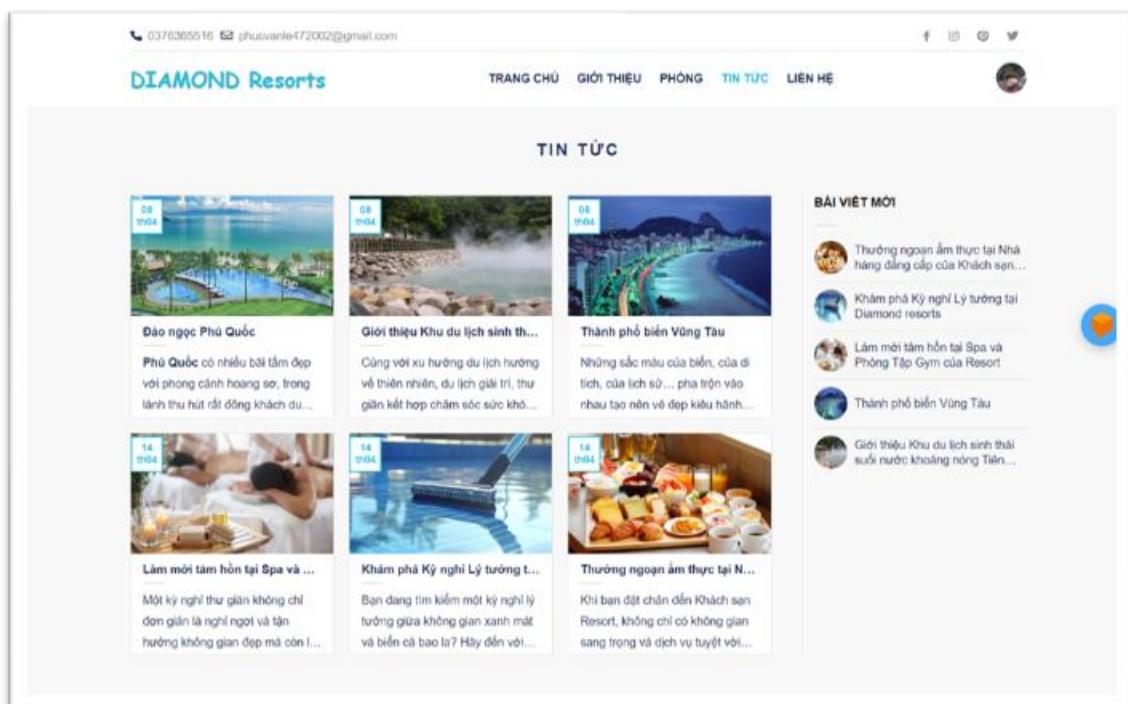
Hình 5-30. Màn hình xem danh sách phòng

5.3.18 Xem chi tiết phòng



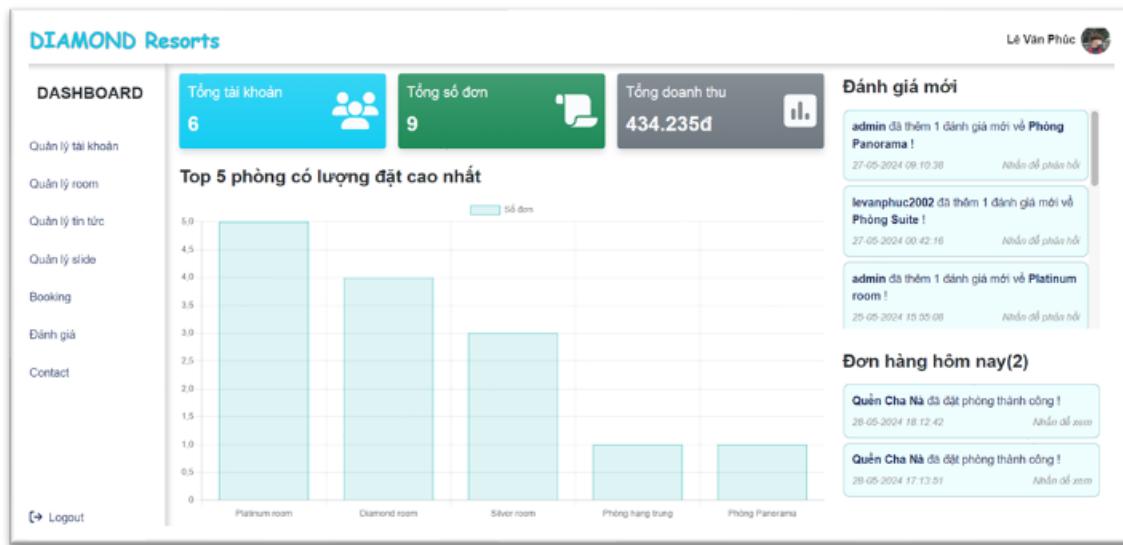
Hình 5-31. Màn hình xem chi tiết phòng

5.3.19 Xem tin tức



Hình 5-32. Màn hình xem danh sách tin tức

5.3.20 Thông kê



Hình 5-33. Màn hình thống kê

CHƯƠNG 6. KIỂM THỦ HỆ THỐNG

6.1 Kế hoạch kiểm thử

Những chức năng được kiểm thử:

- Đăng nhập: kiểm tra chức năng đăng nhập vào hệ thống với tài khoản vừa được tạo.
- Đăng ký: kiểm thử chức năng đăng ký tài khoản với các thông tin được nhập.
- Đặt phòng: kiểm thử chức năng cho phép người dùng đặt phòng bất kỳ.
- Đổi mật khẩu: kiểm thử chức năng cho phép người dùng đổi mật khẩu của tài khoản cá nhân.
- Quản lý đơn: kiểm thử chức năng cho phép người quản trị thực hiện các chức năng cụ thể:
 - Xem danh sách đơn hàng.
 - Thêm đơn hàng.
 - Sửa đơn hàng.
 - Xóa đơn hàng.
 - Xuất hóa đơn.
- Quản lý phòng: kiểm thử chức năng cho phép người quản trị thực hiện các chức năng cụ thể:
 - Xem danh sách phòng.
 - Thêm phòng.
 - Sửa phòng.
 - Xóa phòng.
- Quản lý tài khoản: kiểm thử chức năng cho phép người quản trị thực hiện các chức năng cụ thể:
 - Xem danh sách tài khoản.
 - Thêm tài khoản.
 - Sửa tài khoản.
 - Xóa tài khoản.

- Quản lý thông tin tài khoản: kiểm thử chức năng cho phép người dùng sửa thông tin tài khoản.

6.2 Kiểm thử chức năng

STT	Trường hợp	Đầu vào	Đầu ra	Kết quả
Đăng nhập				
1	Đăng nhập với thông tin hợp lệ.	Tên tài khoản và mật khẩu hợp lệ.	Chuyển hướng tới trang chính và hiển thị thông.	Đạt.
2	Đăng nhập với thông tin không hợp lệ.	Tên tài khoản và mật khẩu không hợp lệ.	Hiển thị thông báo lỗi.	Đạt.
Đăng kí				
3	Đăng ký tài khoản thành công.	Tên tài khoản, mật khẩu và email hợp lệ.	Hiển thị thông báo đăng ký thành công.	Đạt.
4	Đăng kí ký tài khoản không thành công.	Tên tài khoản, mật khẩu và email không hợp lệ.	Hiển thị thông báo đăng ký không thành công.	Đạt.
Đặt phòng				

5	Đặt phòng thành công.	Thông tin đơn hàng và thanh toán.	Đặt phòng thành công và hiển thị thông báo.	Đạt.
6	Đặt phòng không thành công.	Thông tin đơn hàng không hợp lệ hoặc thanh toán không thành công.	Hiển thị thông báo lỗi.	Đạt.

Đổi mật khẩu**Tiền điều kiện:** Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.

7	Đổi mật khẩu thành công.	Mật khẩu cũ và mới hợp lệ.	Đổi mật khẩu thành công và hiển thị thông báo.	Đạt.
8	Đổi mật khẩu không thành công.	Mật khẩu cũ và mới không hợp lệ.	Hiển thị thông báo lỗi.	Đạt.

Quản lý đơn**Tiền điều kiện:** Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò người quản trị hoặc nhân viên.

9	Xem danh sách đơn hàng.	Mở trang quản lý đơn.	Hiển thị danh sách đơn hàng.	Đạt.
10	Thêm đơn hàng với thông tin hợp lệ.	Nhập thông tin hợp lệ.	Thông báo thêm mới thành công.	Đạt.
11	Thêm đơn hàng với thông tin không hợp lệ.	Nhập thông tin không hợp lệ.	Thông báo thêm mới thất bại.	Đạt.

12	Sửa đơn hàng với thông tin hợp lệ.	Đơn cần sửa, thông tin mới của đơn hàng.	Thông báo sửa thành công..	Đạt.
13	Sửa đơn hàng với thông tin không hợp lệ.	Đơn cần sửa, thông tin mới không hợp lệ.	Thông báo sửa không thành công.	Đạt.
14	Xóa đơn hàng.	Đơn cần xóa.	Thông báo xóa thành công.	Đạt.
15	Xuất hóa đơn.	Đơn hàng cần xuất.	File hóa đơn dạng pdf.	Đạt.
16	Xóa đơn hàng.	Trên giao diện bảo trì có ít nhất 1 đơn hàng được hiển thị.	1. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên đơn hàng. 2. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý” trên form xác nhận xóa.	Đạt.
17	Xuất hóa đơn.	Trên giao diện bảo trì có ít nhất 1 đơn hàng được hiển thị.	1. Người quản trị kích vào nút “Xuất hóa đơn” trên đơn hàng.	Đạt.

Quản lý phòng

Tiền điều kiện: Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò người quản trị.

18	Xem danh sách phòng.	Mở trang quản lý phòng.	Hiển thị danh sách phòng.	Đạt.
19	Thêm phòng với thông tin hợp lệ.	Nhập thông tin hợp lệ.	Thông báo thêm mới thành công.	Đạt.

20	Thêm phòng với thông tin không hợp lệ.	Nhập thông tin không hợp lệ.	Thông báo thêm mới thất bại.	Đạt.
21	Sửa phòng với thông tin hợp lệ.	Phòng cần sửa, thông tin mới của đơn hàng.	Thông báo sửa thành công..	.Đạt.
22	Sửa phòng với thông tin không hợp lệ.	Phòng cần sửa, thông tin mới không hợp lệ.	Thông báo sửa không thành công.	.Đạt.
23	Xóa phòng.	Phòng cần xóa.	Thông báo xóa thành công.	Đạt.

Quản lý tài khoản

Tiền điều kiện: Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò người quản trị.

24	Xem danh sách tài khoản.	Mở trang quản lý tài khoản.	Hiển thị danh sách tài khoản.	Đạt.
25	Thêm tài khoản với thông tin hợp lệ.	Nhập thông tin hợp lệ.	Thông báo thêm mới thành công.	.Đạt.
26	Thêm tài khoản với thông tin không hợp lệ.	Nhập thông tin không hợp lệ.	Thông báo thêm mới thất bại.	.Đạt.

21	Sửa tài khoản với thông tin hợp lệ.	Tài khoản cần sửa, thông tin mới của đơn hàng.	Thông báo sửa thành công.	.Đạt.
22	Sửa tài khoản với thông tin không hợp lệ.	Tài khoản cần sửa, thông tin mới không hợp lệ.	Thông báo sửa không thành công.	.Đạt.
23	Xóa tài khoản.	Tài khoản cần xóa.	Thông báo xóa thành công.	Đạt.

Quản lý thông tin tài khoản

Tiền điều kiện: Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.

24	Sửa tài khoản với thông tin hợp lệ.	Tài khoản cần sửa, thông tin mới hợp lệ.	Thông báo sửa thành công.	.Đạt.
25	Sửa tài khoản với thông tin không hợp lệ.	Tài khoản cần sửa, thông tin mới không hợp lệ.	Thông báo sửa không thành công.	Đạt.

6.3 Kết quả kiểm thử

- Tỷ lệ test case đạt: 100%.
- Tỷ lệ test case thất bại: 0%.
- Phần mềm chạy ổn định trên hệ điều hành Windows.

CHƯƠNG 7. TỔNG KẾT VÀ ĐÁNH GIÁ

7.1 Kết quả đạt được

Những kiến thức và kỹ năng học được thông qua việc thực hiện đề tài như là nắm chắc kiến thức về HTML, CSS, JavaScript, PHP, kết nối cơ sở dữ liệu, kỹ năng viết và hoàn thiện báo cáo.

Những chuẩn đầu ra của học phần đã đạt được trong quá trình thực hiện đề tài như kiến thức về lập trình website, phân tích thiết kế hệ thống. Hiểu rõ hơn về ngôn ngữ PHP và biết cách sử dụng phần mềm Visual Studio Code. Biết cách import các thư viện hỗ trợ việc lập trình.

Trong đề tài này em đã cài đặt thành công các chức năng cơ bản của website như: Đăng nhập, Đăng kí, Xem phòng, Xem chi tiết phòng, Đặt phòng, Thanh toán, Thống kê, Quản lý người dùng, Quản lý phòng, Quản lý đơn, Quản lý tin tức, Liên hệ, Đánh giá.

Tuy nhiên thời gian có hạn và nội dung cần thực hiện thì rất rộng nên em chưa giải quyết tối ưu vấn đề phân cấp người dùng và một số chức năng vẫn chưa thực hiện được.

7.2 Hạn chế của đề tài

Tuy đã hoàn thành xong việc xây dựng website đặt phòng khu nghỉ dưỡng nhưng vẫn không thể tránh khỏi những thiếu sót cũng như hạn chế nhất định:

- Website vẫn còn thiếu một vài chức năng, chưa hoàn thiện như là: chưa có chức năng giảm giá, khuyến mại.
- Chưa có khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu.
- Liên kết tài khoản với bên thứ ba như facebook, google, ...

7.3 Hướng phát triển đề tài

Hướng phát triển tiếp theo của đề tài là sẽ tiến hành phát triển thêm nhiều chức năng như: trò chuyện với nhân viên tư, thêm các phương thức thanh toán khác nhau, thiết lập giảm giá. Đồng thời nâng cấp, hoàn thiện giao diện và trải nghiệm của người dùng (UI/UX), các chức năng có tính bảo mật của hệ thống. Ngoài ra tích hợp thêm SEO vào website để giúp tăng độ nhận diện thương hiệu giúp khách hàng dễ tiếp cận hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Thanh Huyền, Ngô Thị Bích Thúy, Phạm Thị Kim Phượng, Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống, NXB Giáo dục VN, 2011.
- [2]. Tài liệu tham khảo JavaScript: <https://www.w3schools.com/js/>
- [3]. Tài liệu tham khảo PHP: <https://www.php.net/>
- [4]. Tài liệu tham khảo Git: <https://www.w3schools.com/git/>
- [5]. Tài liệu tham khảo Laravel: <https://laravel.com/docs/10.x/>
- [6]. Tài liệu tham khảo Bootstrap 5: <https://getbootstrap.com/docs/5.0/>
- [7]. Tài liệu Chartjs: <https://www.chartjs.org/>
- [8]. Hoàng Quang Huy, Phùng Đức Hòa, Trịnh Bá Quý, Nhập môn công nghệ phần mềm, NXB Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2016.
- [9]. Nguyễn Trung Phú, Giáo trình thiết kế web, 2019.